

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
VIỆT NAM

Số: 156/2024/TB-VPA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 07/11/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 07/11/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 07/11/2024: Trước 16h30' ngày 04/11/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 04/11/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe**" trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.



Lâm Thị Mai Anh

S.Đ.K.H.Đ

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM

Đ. TH. H. N. I.

DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 07/11/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: chậm nhất đến 16h30p ngày 04/11/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'

Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'

Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'

STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	14A-999.97	Quảng Ninh	1601	20A-868.89	Thái Nguyên	3201	71A-222.22	Bến Tre
2	15C-497.79	Hải Phòng	1602	28A-259.99	Hòa Bình	3202	14K-006.66	Quảng Ninh
3	30M-044.44	Hà Nội	1603	29K-339.99	Hà Nội	3203	19C-266.99	Phú Thọ
4	30M-299.79	Hà Nội	1604	36K-239.99	Thanh Hóa	3204	30M-089.88	Hà Nội
5	30M-306.66	Hà Nội	1605	49C-389.89	Lâm Đồng	3205	37C-588.66	Nghệ An
6	36K-305.55	Thanh Hóa	1606	51M-099.66	Hồ Chí Minh	3206	37K-555.51	Nghệ An
7	43A-966.68	Đà Nẵng	1607	51N-069.99	Hồ Chí Minh	3207	43A-869.96	Đà Nẵng
8	47A-758.88	Đắk Lắk	1608	60K-639.99	Đồng Nai	3208	51M-118.88	Hồ Chí Minh
9	47C-358.88	Đắk Lắk	1609	60K-664.66	Đồng Nai	3209	51M-244.44	Hồ Chí Minh
10	47C-411.11	Đắk Lắk	1610	60K-666.61	Đồng Nai	3210	51M-289.99	Hồ Chí Minh
11	51N-088.66	Hồ Chí Minh	1611	60K-668.85	Đồng Nai	3211	51N-038.88	Hồ Chí Minh
12	51N-126.66	Hồ Chí Minh	1612	72A-869.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	3212	51N-096.66	Hồ Chí Minh
13	51N-139.99	Hồ Chí Minh	1613	73A-377.77	Quảng Bình	3213	51N-135.55	Hồ Chí Minh
14	62A-475.55	Long An	1614	83A-196.69	Sóc Trăng	3214	61K-576.66	Bình Dương
15	72A-883.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	1615	88A-796.66	Vĩnh Phúc	3215	86A-328.88	Bình Thuận
16	98A-888.08	Bắc Giang	1616	88C-318.88	Vĩnh Phúc	3216	88A-825.55	Vĩnh Phúc
17	98A-888.48	Bắc Giang	1617	97A-095.55	Bắc Kạn	3217	99A-888.78	Bắc Ninh
18	15K-485.85	Hải Phòng	1618	14A-855.69	Quảng Ninh	3218	12A-258.99	Lạng Sơn
19	20C-316.66	Thái Nguyên	1619	15K-458.58	Hải Phòng	3219	15K-499.95	Hải Phòng
20	29K-466.86	Hà Nội	1620	20A-888.55	Thái Nguyên	3220	18A-499.96	Nam Định
21	30L-111.95	Hà Nội	1621	22A-283.86	Tuyên Quang	3221	19A-578.89	Phú Thọ
22	30L-156.85	Hà Nội	1622	30L-582.89	Hà Nội	3222	20A-886.89	Thái Nguyên
23	30M-162.62	Hà Nội	1623	30L-881.19	Hà Nội	3223	29K-468.79	Hà Nội
24	30M-292.92	Hà Nội	1624	30M-088.86	Hà Nội	3224	30M-066.69	Hà Nội
25	37C-583.86	Nghệ An	1625	30M-399.96	Hà Nội	3225	30M-131.34	Hà Nội
26	37K-485.85	Nghệ An	1626	36C-568.79	Thanh Hóa	3226	30M-193.39	Hà Nội
27	51L-283.33	Hồ Chí Minh	1627	37K-557.79	Nghệ An	3227	30M-266.96	Hà Nội
28	51L-610.10	Hồ Chí Minh	1628	47C-336.69	Đắk Lắk	3228	34A-924.68	Hải Dương
29	51L-979.95	Hồ Chí Minh	1629	51L-222.63	Hồ Chí Minh	3229	34A-969.65	Hải Dương
30	51L-998.95	Hồ Chí Minh	1630	51L-996.98	Hồ Chí Minh	3230	36K-266.69	Thanh Hóa
31	51M-155.51	Hồ Chí Minh	1631	51M-222.25	Hồ Chí Minh	3231	36K-299.89	Thanh Hóa
32	51M-197.99	Hồ Chí Minh	1632	51M-222.29	Hồ Chí Minh	3232	38A-683.68	Hà Tĩnh
33	63A-333.37	Tiền Giang	1633	60C-779.97	Đồng Nai	3233	49A-766.67	Lâm Đồng
34	68A-366.63	Kiên Giang	1634	60K-699.68	Đồng Nai	3234	61C-634.56	Bình Dương
35	76A-333.37	Quảng Ngãi	1635	67A-336.36	An Giang	3235	61K-567.86	Bình Dương
36	88A-687.87	Vĩnh Phúc	1636	75A-357.57	Thừa Thiên Huế	3236	67A-345.68	An Giang
37	88A-797.99	Vĩnh Phúc	1637	77D-006.66	Bình Định	3237	83A-199.79	Sóc Trăng
38	88D-024.68	Vĩnh Phúc	1638	98A-879.97	Bắc Giang	3238	92A-447.68	Quảng Nam

Danh sách biên số đấu giá ngày 07/11/2024; hạn nộp tiền: chậm nhất đến 16h30 ngày 04/11/2024

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
39	89A-566.33	Hung Yên	1639	98A-886.69	Bắc Giang	3239	99A-883.99	Bắc Ninh
40	30M-031.00	Hà Nội	1640	30M-035.88	Hà Nội	3240	30M-032.22	Hà Nội
41	30M-036.55	Hà Nội	1641	30M-044.89	Hà Nội	3241	30M-034.03	Hà Nội
42	30M-037.55	Hà Nội	1642	30M-045.89	Hà Nội	3242	30M-034.77	Hà Nội
43	30M-038.69	Hà Nội	1643	30M-046.88	Hà Nội	3243	30M-044.79	Hà Nội
44	30M-039.68	Hà Nội	1644	30M-049.69	Hà Nội	3244	30M-046.04	Hà Nội
45	30M-045.39	Hà Nội	1645	30M-051.99	Hà Nội	3245	30M-047.47	Hà Nội
46	30M-053.35	Hà Nội	1646	30M-059.39	Hà Nội	3246	30M-049.00	Hà Nội
47	30M-056.77	Hà Nội	1647	30M-060.69	Hà Nội	3247	30M-050.77	Hà Nội
48	30M-071.55	Hà Nội	1648	30M-064.22	Hà Nội	3248	30M-052.33	Hà Nội
49	30M-071.71	Hà Nội	1649	30M-075.33	Hà Nội	3249	30M-059.22	Hà Nội
50	30M-071.89	Hà Nội	1650	30M-075.39	Hà Nội	3250	30M-060.68	Hà Nội
51	30M-085.11	Hà Nội	1651	30M-077.89	Hà Nội	3251	30M-063.66	Hà Nội
52	30M-094.68	Hà Nội	1652	30M-080.88	Hà Nội	3252	30M-071.33	Hà Nội
53	30M-109.89	Hà Nội	1653	30M-082.44	Hà Nội	3253	30M-078.69	Hà Nội
54	30M-111.22	Hà Nội	1654	30M-090.79	Hà Nội	3254	30M-092.90	Hà Nội
55	30M-115.68	Hà Nội	1655	30M-111.35	Hà Nội	3255	30M-097.90	Hà Nội
56	30M-132.44	Hà Nội	1656	30M-115.11	Hà Nội	3256	30M-101.66	Hà Nội
57	30M-135.13	Hà Nội	1657	30M-118.33	Hà Nội	3257	30M-102.00	Hà Nội
58	30M-136.37	Hà Nội	1658	30M-124.89	Hà Nội	3258	30M-102.33	Hà Nội
59	30M-137.33	Hà Nội	1659	30M-126.11	Hà Nội	3259	30M-104.69	Hà Nội
60	30M-137.88	Hà Nội	1660	30M-126.26	Hà Nội	3260	30M-105.89	Hà Nội
61	30M-150.11	Hà Nội	1661	30M-130.03	Hà Nội	3261	30M-108.08	Hà Nội
62	30M-154.69	Hà Nội	1662	30M-132.22	Hà Nội	3262	30M-109.09	Hà Nội
63	30M-174.77	Hà Nội	1663	30M-134.39	Hà Nội	3263	30M-110.33	Hà Nội
64	30M-183.18	Hà Nội	1664	30M-142.33	Hà Nội	3264	30M-111.48	Hà Nội
65	30M-184.79	Hà Nội	1665	30M-157.68	Hà Nội	3265	30M-118.11	Hà Nội
66	30M-185.69	Hà Nội	1666	30M-158.79	Hà Nội	3266	30M-120.00	Hà Nội
67	30M-185.81	Hà Nội	1667	30M-159.95	Hà Nội	3267	30M-131.11	Hà Nội
68	30M-185.99	Hà Nội	1668	30M-160.06	Hà Nội	3268	30M-142.00	Hà Nội
69	30M-189.79	Hà Nội	1669	30M-173.71	Hà Nội	3269	30M-151.44	Hà Nội
70	30M-191.77	Hà Nội	1670	30M-176.99	Hà Nội	3270	30M-151.86	Hà Nội
71	30M-202.22	Hà Nội	1671	30M-187.11	Hà Nội	3271	30M-156.88	Hà Nội
72	30M-208.55	Hà Nội	1672	30M-194.86	Hà Nội	3272	30M-173.79	Hà Nội
73	30M-211.33	Hà Nội	1673	30M-195.22	Hà Nội	3273	30M-183.66	Hà Nội
74	30M-212.88	Hà Nội	1674	30M-218.77	Hà Nội	3274	30M-183.77	Hà Nội
75	30M-213.44	Hà Nội	1675	30M-228.28	Hà Nội	3275	30M-188.77	Hà Nội
76	30M-215.33	Hà Nội	1676	30M-228.29	Hà Nội	3276	30M-204.44	Hà Nội
77	30M-222.77	Hà Nội	1677	30M-231.66	Hà Nội	3277	30M-204.69	Hà Nội
78	30M-224.25	Hà Nội	1678	30M-243.34	Hà Nội	3278	30M-207.07	Hà Nội
79	30M-227.79	Hà Nội	1679	30M-244.99	Hà Nội	3279	30M-216.22	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
80	30M-227.89	Hà Nội	1680	30M-250.89	Hà Nội	3280	30M-219.39	Hà Nội
81	30M-229.69	Hà Nội	1681	30M-251.68	Hà Nội	3281	30M-222.03	Hà Nội
82	30M-230.89	Hà Nội	1682	30M-253.44	Hà Nội	3282	30M-226.11	Hà Nội
83	30M-232.32	Hà Nội	1683	30M-258.79	Hà Nội	3283	30M-237.00	Hà Nội
84	30M-245.44	Hà Nội	1684	30M-263.11	Hà Nội	3284	30M-243.86	Hà Nội
85	30M-247.22	Hà Nội	1685	30M-264.99	Hà Nội	3285	30M-252.33	Hà Nội
86	30M-253.79	Hà Nội	1686	30M-271.33	Hà Nội	3286	30M-254.00	Hà Nội
87	30M-260.33	Hà Nội	1687	30M-280.55	Hà Nội	3287	30M-267.62	Hà Nội
88	30M-268.00	Hà Nội	1688	30M-281.77	Hà Nội	3288	30M-276.72	Hà Nội
89	30M-268.39	Hà Nội	1689	30M-283.22	Hà Nội	3289	30M-283.55	Hà Nội
90	30M-276.68	Hà Nội	1690	30M-283.66	Hà Nội	3290	30M-288.77	Hà Nội
91	30M-289.96	Hà Nội	1691	30M-292.79	Hà Nội	3291	30M-290.00	Hà Nội
92	30M-291.19	Hà Nội	1692	30M-299.39	Hà Nội	3292	30M-290.86	Hà Nội
93	30M-293.11	Hà Nội	1693	30M-299.77	Hà Nội	3293	30M-292.77	Hà Nội
94	30M-295.11	Hà Nội	1694	30M-302.66	Hà Nội	3294	30M-301.39	Hà Nội
95	30M-298.00	Hà Nội	1695	30M-305.99	Hà Nội	3295	30M-311.86	Hà Nội
96	30M-300.03	Hà Nội	1696	30M-316.00	Hà Nội	3296	30M-312.13	Hà Nội
97	30M-301.03	Hà Nội	1697	30M-317.11	Hà Nội	3297	30M-316.13	Hà Nội
98	30M-305.33	Hà Nội	1698	30M-318.31	Hà Nội	3298	30M-316.17	Hà Nội
99	30M-309.96	Hà Nội	1699	30M-327.86	Hà Nội	3299	30M-336.36	Hà Nội
100	30M-312.33	Hà Nội	1700	30M-331.55	Hà Nội	3300	30M-339.77	Hà Nội
101	30M-324.66	Hà Nội	1701	30M-333.78	Hà Nội	3301	30M-340.22	Hà Nội
102	30M-330.22	Hà Nội	1702	30M-340.33	Hà Nội	3302	30M-341.14	Hà Nội
103	30M-337.38	Hà Nội	1703	30M-341.89	Hà Nội	3303	30M-356.69	Hà Nội
104	30M-354.86	Hà Nội	1704	30M-342.86	Hà Nội	3304	30M-357.66	Hà Nội
105	30M-356.89	Hà Nội	1705	30M-372.89	Hà Nội	3305	30M-359.95	Hà Nội
106	30M-357.58	Hà Nội	1706	30M-375.22	Hà Nội	3306	30M-372.88	Hà Nội
107	30M-357.86	Hà Nội	1707	30M-390.11	Hà Nội	3307	30M-383.66	Hà Nội
108	30M-366.79	Hà Nội	1708	30M-391.44	Hà Nội	3308	30M-389.33	Hà Nội
109	30M-380.81	Hà Nội	1709	30M-402.02	Hà Nội	3309	30M-389.83	Hà Nội
110	30M-389.69	Hà Nội	1710	30M-406.39	Hà Nội	3310	30M-391.00	Hà Nội
111	30M-395.77	Hà Nội	1711	30M-409.79	Hà Nội	3311	30M-395.93	Hà Nội
112	30M-396.68	Hà Nội	1712	30M-412.69	Hà Nội	3312	30M-396.33	Hà Nội
113	30M-401.22	Hà Nội	1713	30M-415.69	Hà Nội	3313	30M-402.20	Hà Nội
114	30M-402.04	Hà Nội	1714	30M-421.33	Hà Nội	3314	30M-402.88	Hà Nội
115	30M-403.89	Hà Nội	1715	51L-904.86	Hồ Chí Minh	3315	30M-405.50	Hà Nội
116	30M-417.71	Hà Nội	1716	51L-918.86	Hồ Chí Minh	3316	30M-407.89	Hà Nội
117	30M-421.42	Hà Nội	1717	51L-923.23	Hồ Chí Minh	3317	30M-410.55	Hà Nội
118	51L-915.15	Hồ Chí Minh	1718	51L-928.44	Hồ Chí Minh	3318	30M-412.44	Hà Nội
119	51L-920.79	Hồ Chí Minh	1719	51L-941.44	Hồ Chí Minh	3319	51L-902.02	Hồ Chí Minh
120	51L-928.89	Hồ Chí Minh	1720	51L-943.49	Hồ Chí Minh	3320	51L-906.88	Hồ Chí Minh

TƯ
IẢ
NH
AM
-T.P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
121	51L-931.88	Hồ Chí Minh	1721	51L-945.49	Hồ Chí Minh	3321	51L-909.39	Hồ Chí Minh
122	51L-936.39	Hồ Chí Minh	1722	51L-948.99	Hồ Chí Minh	3322	51L-913.14	Hồ Chí Minh
123	51L-939.86	Hồ Chí Minh	1723	51L-951.66	Hồ Chí Minh	3323	51L-916.99	Hồ Chí Minh
124	51L-940.11	Hồ Chí Minh	1724	51L-955.77	Hồ Chí Minh	3324	51L-917.33	Hồ Chí Minh
125	51L-947.11	Hồ Chí Minh	1725	51L-958.79	Hồ Chí Minh	3325	51L-918.77	Hồ Chí Minh
126	51L-959.66	Hồ Chí Minh	1726	51L-960.89	Hồ Chí Minh	3326	51L-922.66	Hồ Chí Minh
127	51L-960.00	Hồ Chí Minh	1727	51L-964.11	Hồ Chí Minh	3327	51L-925.00	Hồ Chí Minh
128	51L-960.55	Hồ Chí Minh	1728	51L-971.39	Hồ Chí Minh	3328	51L-942.69	Hồ Chí Minh
129	51L-971.11	Hồ Chí Minh	1729	51L-993.22	Hồ Chí Minh	3329	51L-950.50	Hồ Chí Minh
130	51L-980.89	Hồ Chí Minh	1730	51L-994.44	Hồ Chí Minh	3330	51L-951.22	Hồ Chí Minh
131	51L-981.88	Hồ Chí Minh	1731	51L-995.86	Hồ Chí Minh	3331	51L-952.99	Hồ Chí Minh
132	51L-982.86	Hồ Chí Minh	1732	51L-998.86	Hồ Chí Minh	3332	51L-956.69	Hồ Chí Minh
133	51L-994.11	Hồ Chí Minh	1733	51M-053.44	Hồ Chí Minh	3333	51L-975.11	Hồ Chí Minh
134	51L-996.86	Hồ Chí Minh	1734	51M-058.33	Hồ Chí Minh	3334	51L-979.11	Hồ Chí Minh
135	51M-056.33	Hồ Chí Minh	1735	51M-061.77	Hồ Chí Minh	3335	51L-979.33	Hồ Chí Minh
136	51M-058.68	Hồ Chí Minh	1736	51M-061.89	Hồ Chí Minh	3336	51L-987.98	Hồ Chí Minh
137	51M-061.61	Hồ Chí Minh	1737	51M-067.60	Hồ Chí Minh	3337	51M-052.25	Hồ Chí Minh
138	51M-073.39	Hồ Chí Minh	1738	51M-067.76	Hồ Chí Minh	3338	51M-064.65	Hồ Chí Minh
139	51M-075.77	Hồ Chí Minh	1739	51M-072.66	Hồ Chí Minh	3339	51M-082.79	Hồ Chí Minh
140	51M-076.70	Hồ Chí Minh	1740	51M-075.66	Hồ Chí Minh	3340	51M-087.77	Hồ Chí Minh
141	51M-076.88	Hồ Chí Minh	1741	51M-077.78	Hồ Chí Minh	3341	51M-087.99	Hồ Chí Minh
142	51M-081.00	Hồ Chí Minh	1742	51M-094.69	Hồ Chí Minh	3342	51M-091.33	Hồ Chí Minh
143	51M-094.79	Hồ Chí Minh	1743	51M-095.90	Hồ Chí Minh	3343	51M-102.69	Hồ Chí Minh
144	51M-102.99	Hồ Chí Minh	1744	51M-108.66	Hồ Chí Minh	3344	51M-107.11	Hồ Chí Minh
145	51M-118.69	Hồ Chí Minh	1745	51M-113.69	Hồ Chí Minh	3345	51M-111.79	Hồ Chí Minh
146	51M-121.39	Hồ Chí Minh	1746	51M-119.55	Hồ Chí Minh	3346	51M-114.39	Hồ Chí Minh
147	51M-136.69	Hồ Chí Minh	1747	51M-123.68	Hồ Chí Minh	3347	51M-116.22	Hồ Chí Minh
148	51M-141.22	Hồ Chí Minh	1748	51M-125.79	Hồ Chí Minh	3348	51M-117.88	Hồ Chí Minh
149	51M-141.77	Hồ Chí Minh	1749	51M-132.79	Hồ Chí Minh	3349	51M-120.12	Hồ Chí Minh
150	51M-146.14	Hồ Chí Minh	1750	51M-134.44	Hồ Chí Minh	3350	51M-121.00	Hồ Chí Minh
151	51M-148.49	Hồ Chí Minh	1751	51M-134.77	Hồ Chí Minh	3351	51M-126.44	Hồ Chí Minh
152	51M-152.33	Hồ Chí Minh	1752	51M-138.55	Hồ Chí Minh	3352	51M-127.89	Hồ Chí Minh
153	51M-156.33	Hồ Chí Minh	1753	51M-148.69	Hồ Chí Minh	3353	51M-134.88	Hồ Chí Minh
154	51M-160.89	Hồ Chí Minh	1754	51M-162.11	Hồ Chí Minh	3354	51M-137.44	Hồ Chí Minh
155	51M-161.99	Hồ Chí Minh	1755	51M-176.68	Hồ Chí Minh	3355	51M-143.34	Hồ Chí Minh
156	51M-164.16	Hồ Chí Minh	1756	51M-176.88	Hồ Chí Minh	3356	51M-146.64	Hồ Chí Minh
157	51M-167.33	Hồ Chí Minh	1757	51M-178.69	Hồ Chí Minh	3357	51M-147.48	Hồ Chí Minh
158	51M-174.75	Hồ Chí Minh	1758	51M-198.66	Hồ Chí Minh	3358	51M-147.86	Hồ Chí Minh
159	51M-190.55	Hồ Chí Minh	1759	51M-198.79	Hồ Chí Minh	3359	51M-150.69	Hồ Chí Minh
160	51M-191.91	Hồ Chí Minh	1760	51M-202.99	Hồ Chí Minh	3360	51M-154.11	Hồ Chí Minh
161	51M-197.69	Hồ Chí Minh	1761	51M-212.89	Hồ Chí Minh	3361	51M-158.86	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
162	51M-201.77	Hồ Chí Minh	1762	51M-215.12	Hồ Chí Minh	3362	51M-159.69	Hồ Chí Minh
163	51M-210.21	Hồ Chí Minh	1763	51M-217.55	Hồ Chí Minh	3363	51M-162.33	Hồ Chí Minh
164	51M-222.39	Hồ Chí Minh	1764	51M-221.39	Hồ Chí Minh	3364	51M-178.89	Hồ Chí Minh
165	51M-231.77	Hồ Chí Minh	1765	51M-222.89	Hồ Chí Minh	3365	51M-181.89	Hồ Chí Minh
166	51M-235.69	Hồ Chí Minh	1766	51M-226.55	Hồ Chí Minh	3366	51M-186.99	Hồ Chí Minh
167	51M-240.11	Hồ Chí Minh	1767	51M-227.27	Hồ Chí Minh	3367	51M-190.90	Hồ Chí Minh
168	51M-244.79	Hồ Chí Minh	1768	51M-229.88	Hồ Chí Minh	3368	51M-191.44	Hồ Chí Minh
169	51M-247.44	Hồ Chí Minh	1769	51M-235.32	Hồ Chí Minh	3369	51M-192.86	Hồ Chí Minh
170	51M-259.00	Hồ Chí Minh	1770	51M-237.37	Hồ Chí Minh	3370	51M-204.05	Hồ Chí Minh
171	51M-273.68	Hồ Chí Minh	1771	51M-241.22	Hồ Chí Minh	3371	51M-205.66	Hồ Chí Minh
172	51M-275.11	Hồ Chí Minh	1772	51M-249.89	Hồ Chí Minh	3372	51M-222.13	Hồ Chí Minh
173	51M-277.00	Hồ Chí Minh	1773	51M-250.05	Hồ Chí Minh	3373	51M-222.46	Hồ Chí Minh
174	51M-278.89	Hồ Chí Minh	1774	51M-256.55	Hồ Chí Minh	3374	51M-223.00	Hồ Chí Minh
175	51M-288.44	Hồ Chí Minh	1775	51M-261.22	Hồ Chí Minh	3375	51M-227.79	Hồ Chí Minh
176	51M-293.68	Hồ Chí Minh	1776	51M-262.66	Hồ Chí Minh	3376	51M-231.68	Hồ Chí Minh
177	51M-298.39	Hồ Chí Minh	1777	51M-266.89	Hồ Chí Minh	3377	51M-232.44	Hồ Chí Minh
178	51M-302.11	Hồ Chí Minh	1778	51M-271.66	Hồ Chí Minh	3378	51M-240.79	Hồ Chí Minh
179	51M-302.88	Hồ Chí Minh	1779	51M-281.81	Hồ Chí Minh	3379	51M-249.22	Hồ Chí Minh
180	51M-302.99	Hồ Chí Minh	1780	51M-284.55	Hồ Chí Minh	3380	51M-253.39	Hồ Chí Minh
181	51M-305.89	Hồ Chí Minh	1781	51M-285.68	Hồ Chí Minh	3381	51M-254.22	Hồ Chí Minh
182	51M-306.60	Hồ Chí Minh	1782	51M-298.69	Hồ Chí Minh	3382	51M-257.58	Hồ Chí Minh
183	51M-307.55	Hồ Chí Minh	1783	51M-301.33	Hồ Chí Minh	3383	51M-262.68	Hồ Chí Minh
184	51N-001.77	Hồ Chí Minh	1784	51N-000.58	Hồ Chí Minh	3384	51M-280.08	Hồ Chí Minh
185	51N-002.99	Hồ Chí Minh	1785	51N-009.77	Hồ Chí Minh	3385	51M-280.28	Hồ Chí Minh
186	51N-008.00	Hồ Chí Minh	1786	51N-019.10	Hồ Chí Minh	3386	51M-287.39	Hồ Chí Minh
187	51N-009.44	Hồ Chí Minh	1787	51N-020.88	Hồ Chí Minh	3387	51M-289.11	Hồ Chí Minh
188	51N-017.68	Hồ Chí Minh	1788	51N-026.33	Hồ Chí Minh	3388	51M-296.79	Hồ Chí Minh
189	51N-023.89	Hồ Chí Minh	1789	51N-026.79	Hồ Chí Minh	3389	51M-305.03	Hồ Chí Minh
190	51N-027.68	Hồ Chí Minh	1790	51N-029.22	Hồ Chí Minh	3390	51N-012.11	Hồ Chí Minh
191	51N-032.11	Hồ Chí Minh	1791	51N-030.31	Hồ Chí Minh	3391	51N-013.11	Hồ Chí Minh
192	51N-032.55	Hồ Chí Minh	1792	51N-040.11	Hồ Chí Minh	3392	51N-023.68	Hồ Chí Minh
193	51N-036.88	Hồ Chí Minh	1793	51N-041.68	Hồ Chí Minh	3393	51N-024.44	Hồ Chí Minh
194	51N-037.55	Hồ Chí Minh	1794	51N-048.00	Hồ Chí Minh	3394	51N-028.22	Hồ Chí Minh
195	51N-039.86	Hồ Chí Minh	1795	51N-064.88	Hồ Chí Minh	3395	51N-045.88	Hồ Chí Minh
196	51N-041.11	Hồ Chí Minh	1796	51N-076.88	Hồ Chí Minh	3396	51N-046.88	Hồ Chí Minh
197	51N-043.22	Hồ Chí Minh	1797	51N-078.89	Hồ Chí Minh	3397	51N-047.69	Hồ Chí Minh
198	51N-069.00	Hồ Chí Minh	1798	51N-079.77	Hồ Chí Minh	3398	51N-050.88	Hồ Chí Minh
199	51N-084.39	Hồ Chí Minh	1799	51N-083.00	Hồ Chí Minh	3399	51N-052.52	Hồ Chí Minh
200	51N-085.88	Hồ Chí Minh	1800	51N-093.94	Hồ Chí Minh	3400	51N-060.88	Hồ Chí Minh
201	51N-087.44	Hồ Chí Minh	1801	51N-100.22	Hồ Chí Minh	3401	51N-064.06	Hồ Chí Minh
202	51N-100.88	Hồ Chí Minh	1802	51N-107.44	Hồ Chí Minh	3402	51N-066.22	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
203	51N-104.88	Hồ Chí Minh	1803	51N-109.44	Hồ Chí Minh	3403	51N-066.33	Hồ Chí Minh
204	51N-116.39	Hồ Chí Minh	1804	51N-113.33	Hồ Chí Minh	3404	51N-070.89	Hồ Chí Minh
205	51N-122.39	Hồ Chí Minh	1805	51N-113.39	Hồ Chí Minh	3405	51N-084.55	Hồ Chí Minh
206	51N-122.55	Hồ Chí Minh	1806	51N-114.44	Hồ Chí Minh	3406	51N-091.55	Hồ Chí Minh
207	51N-122.88	Hồ Chí Minh	1807	51N-120.02	Hồ Chí Minh	3407	51N-097.68	Hồ Chí Minh
208	51N-126.88	Hồ Chí Minh	1808	51N-124.66	Hồ Chí Minh	3408	51N-113.68	Hồ Chí Minh
209	51N-129.92	Hồ Chí Minh	1809	51N-132.00	Hồ Chí Minh	3409	51N-122.12	Hồ Chí Minh
210	51N-135.35	Hồ Chí Minh	1810	51N-140.66	Hồ Chí Minh	3410	51N-124.55	Hồ Chí Minh
211	51N-136.79	Hồ Chí Minh	1811	51N-144.14	Hồ Chí Minh	3411	51N-130.77	Hồ Chí Minh
212	51N-141.86	Hồ Chí Minh	1812	51N-153.77	Hồ Chí Minh	3412	51N-134.43	Hồ Chí Minh
213	51N-142.55	Hồ Chí Minh	1813	51N-154.79	Hồ Chí Minh	3413	51N-134.44	Hồ Chí Minh
214	51N-145.77	Hồ Chí Minh	1814	51N-154.88	Hồ Chí Minh	3414	51N-135.00	Hồ Chí Minh
215	51N-146.00	Hồ Chí Minh	1815	51N-156.39	Hồ Chí Minh	3415	51N-140.99	Hồ Chí Minh
216	51N-151.33	Hồ Chí Minh	1816	51N-156.65	Hồ Chí Minh	3416	51N-143.77	Hồ Chí Minh
217	51N-153.33	Hồ Chí Minh	1817	11A-140.79	Cao Bằng	3417	51N-145.11	Hồ Chí Minh
218	51N-153.99	Hồ Chí Minh	1818	11C-090.69	Cao Bằng	3418	51N-152.33	Hồ Chí Minh
219	51N-155.79	Hồ Chí Minh	1819	11D-010.79	Cao Bằng	3419	51N-154.86	Hồ Chí Minh
220	51N-155.86	Hồ Chí Minh	1820	12A-268.77	Lạng Sơn	3420	11A-136.63	Cao Bằng
221	11A-138.31	Cao Bằng	1821	12A-271.71	Lạng Sơn	3421	11A-136.86	Cao Bằng
222	11B-013.39	Cao Bằng	1822	12A-272.39	Lạng Sơn	3422	11A-137.11	Cao Bằng
223	11B-014.41	Cao Bằng	1823	12B-019.11	Lạng Sơn	3423	11D-011.10	Cao Bằng
224	11C-090.86	Cao Bằng	1824	12C-141.44	Lạng Sơn	3424	12A-265.69	Lạng Sơn
225	12A-270.33	Lạng Sơn	1825	12D-008.44	Lạng Sơn	3425	12A-271.89	Lạng Sơn
226	12B-016.68	Lạng Sơn	1826	14C-461.89	Quảng Ninh	3426	12B-018.55	Lạng Sơn
227	12C-142.39	Lạng Sơn	1827	14C-463.36	Quảng Ninh	3427	12C-142.41	Lạng Sơn
228	12D-011.00	Lạng Sơn	1828	14K-007.55	Quảng Ninh	3428	12C-144.86	Lạng Sơn
229	14B-053.69	Quảng Ninh	1829	14K-017.89	Quảng Ninh	3429	12D-008.77	Lạng Sơn
230	14B-055.22	Quảng Ninh	1830	14K-034.03	Quảng Ninh	3430	12D-009.79	Lạng Sơn
231	14C-455.56	Quảng Ninh	1831	14K-035.11	Quảng Ninh	3431	14A-997.44	Quảng Ninh
232	14C-465.46	Quảng Ninh	1832	14K-037.22	Quảng Ninh	3432	14A-999.48	Quảng Ninh
233	14C-471.88	Quảng Ninh	1833	14K-043.43	Quảng Ninh	3433	14B-056.44	Quảng Ninh
234	14D-030.68	Quảng Ninh	1834	14K-044.77	Quảng Ninh	3434	14C-460.86	Quảng Ninh
235	14K-000.25	Quảng Ninh	1835	14K-046.88	Quảng Ninh	3435	14C-460.99	Quảng Ninh
236	14K-006.86	Quảng Ninh	1836	15B-055.66	Hải Phòng	3436	14D-031.44	Quảng Ninh
237	14K-016.10	Quảng Ninh	1837	15C-482.39	Hải Phòng	3437	14K-005.66	Quảng Ninh
238	14K-017.44	Quảng Ninh	1838	15C-492.69	Hải Phòng	3438	14K-011.79	Quảng Ninh
239	14K-024.55	Quảng Ninh	1839	15K-427.86	Hải Phòng	3439	14K-014.11	Quảng Ninh
240	14K-028.33	Quảng Ninh	1840	15K-429.11	Hải Phòng	3440	14K-017.33	Quảng Ninh
241	14K-030.39	Quảng Ninh	1841	15K-429.92	Hải Phòng	3441	14K-025.79	Quảng Ninh
242	14K-033.11	Quảng Ninh	1842	15K-430.66	Hải Phòng	3442	14K-027.69	Quảng Ninh
243	14K-036.88	Quảng Ninh	1843	15K-436.99	Hải Phòng	3443	14K-031.22	Quảng Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
244	14K-041.44	Quảng Ninh	1844	15K-439.00	Hải Phòng	3444	14K-031.66	Quảng Ninh
245	14K-043.77	Quảng Ninh	1845	15K-442.68	Hải Phòng	3445	14K-032.88	Quảng Ninh
246	14K-046.55	Quảng Ninh	1846	15K-450.54	Hải Phòng	3446	14K-048.11	Quảng Ninh
247	14K-048.00	Quảng Ninh	1847	15K-452.11	Hải Phòng	3447	14K-049.39	Quảng Ninh
248	15B-055.39	Hải Phòng	1848	15K-467.86	Hải Phòng	3448	15C-492.22	Hải Phòng
249	15B-057.05	Hải Phòng	1849	15K-470.68	Hải Phòng	3449	15D-056.55	Hải Phòng
250	15C-487.68	Hải Phòng	1850	15K-471.00	Hải Phòng	3450	15K-427.00	Hải Phòng
251	15C-492.94	Hải Phòng	1851	15K-478.33	Hải Phòng	3451	15K-427.44	Hải Phòng
252	15C-493.99	Hải Phòng	1852	15K-482.89	Hải Phòng	3452	15K-427.66	Hải Phòng
253	15K-427.99	Hải Phòng	1853	15K-486.33	Hải Phòng	3453	15K-429.68	Hải Phòng
254	15K-428.42	Hải Phòng	1854	15K-486.84	Hải Phòng	3454	15K-457.55	Hải Phòng
255	15K-430.22	Hải Phòng	1855	15K-490.49	Hải Phòng	3455	15K-463.68	Hải Phòng
256	15K-430.89	Hải Phòng	1856	15K-490.69	Hải Phòng	3456	15K-469.79	Hải Phòng
257	15K-434.69	Hải Phòng	1857	15K-491.22	Hải Phòng	3457	15K-480.08	Hải Phòng
258	15K-443.68	Hải Phòng	1858	15K-494.22	Hải Phòng	3458	15K-484.22	Hải Phòng
259	15K-444.04	Hải Phòng	1859	15K-501.00	Hải Phòng	3459	15K-492.68	Hải Phòng
260	15K-444.05	Hải Phòng	1860	15K-502.86	Hải Phòng	3460	15K-493.93	Hải Phòng
261	15K-444.34	Hải Phòng	1861	15K-504.22	Hải Phòng	3461	15K-498.33	Hải Phòng
262	15K-445.46	Hải Phòng	1862	15K-505.86	Hải Phòng	3462	15K-505.44	Hải Phòng
263	15K-449.69	Hải Phòng	1863	15K-513.22	Hải Phòng	3463	15K-505.69	Hải Phòng
264	15K-460.33	Hải Phòng	1864	17A-494.88	Thái Bình	3464	15K-506.06	Hải Phòng
265	15K-464.64	Hải Phòng	1865	17A-508.09	Thái Bình	3465	15K-509.96	Hải Phòng
266	15K-478.66	Hải Phòng	1866	17B-029.68	Thái Bình	3466	15K-511.39	Hải Phòng
267	15K-478.89	Hải Phòng	1867	17C-219.55	Thái Bình	3467	15K-512.13	Hải Phòng
268	15K-485.77	Hải Phòng	1868	18A-493.66	Nam Định	3468	15K-513.14	Hải Phòng
269	15K-488.39	Hải Phòng	1869	18A-497.77	Nam Định	3469	17A-503.05	Thái Bình
270	15K-492.29	Hải Phòng	1870	18A-498.49	Nam Định	3470	17A-506.39	Thái Bình
271	15K-495.89	Hải Phòng	1871	18A-503.03	Nam Định	3471	17A-510.39	Thái Bình
272	15K-499.88	Hải Phòng	1872	18A-512.39	Nam Định	3472	17A-513.66	Thái Bình
273	17A-496.94	Thái Bình	1873	18C-176.79	Nam Định	3473	17C-221.44	Thái Bình
274	17A-497.86	Thái Bình	1874	18C-180.99	Nam Định	3474	17C-221.86	Thái Bình
275	17A-501.01	Thái Bình	1875	18D-018.44	Nam Định	3475	17D-014.44	Thái Bình
276	17A-503.77	Thái Bình	1876	19A-722.72	Phú Thọ	3476	18A-490.39	Nam Định
277	17A-506.00	Thái Bình	1877	19A-732.00	Phú Thọ	3477	18A-491.91	Nam Định
278	17A-507.79	Thái Bình	1878	19A-734.89	Phú Thọ	3478	18A-495.44	Nam Định
279	17A-508.66	Thái Bình	1879	19A-736.55	Phú Thọ	3479	18A-497.11	Nam Định
280	17C-216.61	Thái Bình	1880	19A-740.99	Phú Thọ	3480	18A-513.11	Nam Định
281	18A-493.88	Nam Định	1881	19A-746.74	Phú Thọ	3481	18C-174.33	Nam Định
282	18A-506.05	Nam Định	1882	19A-749.66	Phú Thọ	3482	18C-175.00	Nam Định
283	18A-508.68	Nam Định	1883	19A-750.99	Phú Thọ	3483	18C-175.88	Nam Định
284	18A-512.51	Nam Định	1884	19A-753.54	Phú Thọ	3484	19A-735.35	Phú Thọ

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
285	18C-177.44	Nam Định	1885	19B-027.88	Phú Thọ	3485	19A-740.11	Phú Thọ
286	18C-178.99	Nam Định	1886	19B-029.33	Phú Thọ	3486	19A-746.47	Phú Thọ
287	18C-180.77	Nam Định	1887	19C-270.11	Phú Thọ	3487	19A-753.79	Phú Thọ
288	18C-182.11	Nam Định	1888	19D-022.79	Phú Thọ	3488	19A-754.86	Phú Thọ
289	18D-015.55	Nam Định	1889	20A-862.62	Thái Nguyên	3489	19A-756.39	Phú Thọ
290	18D-018.18	Nam Định	1890	20A-867.00	Thái Nguyên	3490	19C-263.77	Phú Thọ
291	19A-717.69	Phú Thọ	1891	20A-870.22	Thái Nguyên	3491	20A-864.66	Thái Nguyên
292	19A-743.66	Phú Thọ	1892	20A-874.39	Thái Nguyên	3492	20A-887.33	Thái Nguyên
293	19A-748.44	Phú Thọ	1893	20A-875.00	Thái Nguyên	3493	20A-889.00	Thái Nguyên
294	19A-750.69	Phú Thọ	1894	20A-877.86	Thái Nguyên	3494	20A-889.11	Thái Nguyên
295	19A-751.75	Phú Thọ	1895	20A-878.22	Thái Nguyên	3495	20A-890.86	Thái Nguyên
296	19A-756.68	Phú Thọ	1896	20A-881.77	Thái Nguyên	3496	20A-890.90	Thái Nguyên
297	19C-264.68	Phú Thọ	1897	20A-885.79	Thái Nguyên	3497	20A-894.39	Thái Nguyên
298	19C-267.69	Phú Thọ	1898	20A-889.22	Thái Nguyên	3498	20A-900.33	Thái Nguyên
299	19C-275.27	Phú Thọ	1899	20A-891.99	Thái Nguyên	3499	20A-901.01	Thái Nguyên
300	19C-278.11	Phú Thọ	1900	20A-897.22	Thái Nguyên	3500	20A-902.44	Thái Nguyên
301	19C-279.72	Phú Thọ	1901	20B-037.38	Thái Nguyên	3501	20B-037.39	Thái Nguyên
302	19C-279.77	Phú Thọ	1902	20B-037.68	Thái Nguyên	3502	20C-311.66	Thái Nguyên
303	19D-021.33	Phú Thọ	1903	20C-313.66	Thái Nguyên	3503	21B-016.10	Yên Bái
304	19D-021.68	Phú Thọ	1904	20C-315.31	Thái Nguyên	3504	21C-111.78	Yên Bái
305	19D-021.77	Phú Thọ	1905	20C-315.86	Thái Nguyên	3505	21D-007.55	Yên Bái
306	20A-862.63	Thái Nguyên	1906	20C-316.69	Thái Nguyên	3506	21D-010.68	Yên Bái
307	20A-866.44	Thái Nguyên	1907	20D-034.03	Thái Nguyên	3507	22A-272.39	Tuyên Quang
308	20A-867.22	Thái Nguyên	1908	20D-035.22	Thái Nguyên	3508	22A-272.66	Tuyên Quang
309	20A-872.55	Thái Nguyên	1909	21A-224.66	Yên Bái	3509	22A-274.44	Tuyên Quang
310	20A-874.22	Thái Nguyên	1910	21A-224.99	Yên Bái	3510	22A-276.88	Tuyên Quang
311	20A-877.00	Thái Nguyên	1911	21A-231.77	Yên Bái	3511	22A-284.22	Tuyên Quang
312	20A-878.78	Thái Nguyên	1912	21B-013.79	Yên Bái	3512	22B-018.39	Tuyên Quang
313	20A-879.87	Thái Nguyên	1913	21C-111.25	Yên Bái	3513	23C-092.00	Hà Giang
314	20A-880.08	Thái Nguyên	1914	22A-270.07	Tuyên Quang	3514	23C-092.99	Hà Giang
315	20A-880.69	Thái Nguyên	1915	22A-274.33	Tuyên Quang	3515	24A-317.69	Lào Cai
316	20A-898.69	Thái Nguyên	1916	22A-284.00	Tuyên Quang	3516	24A-318.44	Lào Cai
317	20A-902.11	Thái Nguyên	1917	22C-115.39	Tuyên Quang	3517	24A-319.31	Lào Cai
318	20A-902.69	Thái Nguyên	1918	22D-010.39	Tuyên Quang	3518	24A-320.33	Lào Cai
319	20A-904.99	Thái Nguyên	1919	22D-012.39	Tuyên Quang	3519	24A-320.44	Lào Cai
320	20B-038.22	Thái Nguyên	1920	23B-012.00	Hà Giang	3520	24A-325.33	Lào Cai
321	20C-310.77	Thái Nguyên	1921	23B-012.55	Hà Giang	3521	24A-325.66	Lào Cai
322	20C-314.39	Thái Nguyên	1922	24A-321.89	Lào Cai	3522	24A-326.62	Lào Cai
323	20C-317.71	Thái Nguyên	1923	24A-326.32	Lào Cai	3523	24C-169.22	Lào Cai
324	20C-321.39	Thái Nguyên	1924	25C-062.44	Lai Châu	3524	24C-169.79	Lào Cai
325	21A-222.01	Yên Bái	1925	25D-008.00	Lai Châu	3525	25B-008.77	Lai Châu

1 = 6
 TỶ
 IẢ
 NH
 4M
 T.P.H

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
326	21A-222.09	Yên Bái	1926	25D-009.77	Lai Châu	3526	25C-060.69	Lai Châu
327	21B-015.55	Yên Bái	1927	26A-241.88	Sơn La	3527	26A-242.86	Sơn La
328	21D-007.70	Yên Bái	1928	26A-245.42	Sơn La	3528	26C-163.33	Sơn La
329	22A-270.70	Tuyên Quang	1929	26D-014.33	Sơn La	3529	27A-134.66	Điện Biên
330	22C-114.69	Tuyên Quang	1930	27A-131.68	Điện Biên	3530	27B-014.15	Điện Biên
331	23A-167.22	Hà Giang	1931	27A-133.22	Điện Biên	3531	27C-075.68	Điện Biên
332	23A-169.16	Hà Giang	1932	27A-133.34	Điện Biên	3532	27C-075.99	Điện Biên
333	23A-171.72	Hà Giang	1933	27A-135.77	Điện Biên	3533	27C-076.89	Điện Biên
334	23B-011.68	Hà Giang	1934	28A-259.69	Hòa Bình	3534	27C-077.11	Điện Biên
335	23B-012.33	Hà Giang	1935	28A-263.66	Hòa Bình	3535	27D-010.99	Điện Biên
336	23B-013.11	Hà Giang	1936	28A-269.44	Hòa Bình	3536	28A-266.00	Hòa Bình
337	24A-315.68	Lào Cai	1937	28C-125.69	Hòa Bình	3537	28B-020.11	Hòa Bình
338	24A-318.13	Lào Cai	1938	29D-629.62	Hà Nội	3538	28C-123.86	Hòa Bình
339	24A-318.31	Lào Cai	1939	29D-629.68	Hà Nội	3539	28C-124.00	Hòa Bình
340	24A-323.22	Lào Cai	1940	29D-632.88	Hà Nội	3540	28C-125.11	Hòa Bình
341	24B-020.02	Lào Cai	1941	29D-636.55	Hà Nội	3541	29D-633.00	Hà Nội
342	24B-022.33	Lào Cai	1942	29K-331.69	Hà Nội	3542	29D-635.39	Hà Nội
343	26A-244.99	Sơn La	1943	29K-336.63	Hà Nội	3543	29K-343.88	Hà Nội
344	26A-245.54	Sơn La	1944	29K-348.99	Hà Nội	3544	29K-349.00	Hà Nội
345	26C-165.66	Sơn La	1945	29K-351.15	Hà Nội	3545	29K-350.66	Hà Nội
346	26C-166.39	Sơn La	1946	29K-357.69	Hà Nội	3546	29K-354.79	Hà Nội
347	26C-167.68	Sơn La	1947	29K-362.77	Hà Nội	3547	29K-373.89	Hà Nội
348	26C-168.00	Sơn La	1948	29K-364.22	Hà Nội	3548	29K-374.37	Hà Nội
349	27A-135.31	Điện Biên	1949	29K-364.69	Hà Nội	3549	29K-384.00	Hà Nội
350	28C-124.79	Hòa Bình	1950	29K-365.79	Hà Nội	3550	29K-385.89	Hà Nội
351	28C-125.25	Hòa Bình	1951	29K-367.67	Hà Nội	3551	29K-392.33	Hà Nội
352	28D-014.22	Hòa Bình	1952	29K-369.79	Hà Nội	3552	29K-402.04	Hà Nội
353	29D-641.14	Hà Nội	1953	29K-370.77	Hà Nội	3553	29K-407.08	Hà Nội
354	29K-326.88	Hà Nội	1954	29K-372.37	Hà Nội	3554	29K-417.22	Hà Nội
355	29K-330.99	Hà Nội	1955	29K-374.47	Hà Nội	3555	29K-423.79	Hà Nội
356	29K-334.35	Hà Nội	1956	29K-379.73	Hà Nội	3556	29K-426.55	Hà Nội
357	29K-338.11	Hà Nội	1957	29K-384.22	Hà Nội	3557	29K-435.88	Hà Nội
358	29K-342.69	Hà Nội	1958	29K-386.44	Hà Nội	3558	29K-439.86	Hà Nội
359	29K-343.69	Hà Nội	1959	29K-402.55	Hà Nội	3559	29K-443.66	Hà Nội
360	29K-348.39	Hà Nội	1960	29K-409.22	Hà Nội	3560	29K-447.48	Hà Nội
361	29K-348.66	Hà Nội	1961	29K-409.79	Hà Nội	3561	29K-451.39	Hà Nội
362	29K-352.86	Hà Nội	1962	29K-419.55	Hà Nội	3562	29K-457.69	Hà Nội
363	29K-362.86	Hà Nội	1963	29K-419.88	Hà Nội	3563	29K-457.79	Hà Nội
364	29K-365.65	Hà Nội	1964	29K-426.39	Hà Nội	3564	29K-465.86	Hà Nội
365	29K-371.22	Hà Nội	1965	29K-436.99	Hà Nội	3565	29K-467.79	Hà Nội
366	29K-374.44	Hà Nội	1966	29K-444.34	Hà Nội	3566	29K-472.77	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
367	29K-378.68	Hà Nội	1967	29K-448.77	Hà Nội	3567	29K-473.89	Hà Nội
368	29K-380.77	Hà Nội	1968	29K-456.44	Hà Nội	3568	29K-475.33	Hà Nội
369	29K-389.66	Hà Nội	1969	29K-461.46	Hà Nội	3569	29K-475.74	Hà Nội
370	29K-390.68	Hà Nội	1970	29K-463.44	Hà Nội	3570	29K-476.68	Hà Nội
371	29K-390.86	Hà Nội	1971	29K-463.64	Hà Nội	3571	34A-919.39	Hải Dương
372	29K-395.00	Hà Nội	1972	29K-465.39	Hà Nội	3572	34A-921.00	Hải Dương
373	29K-405.44	Hà Nội	1973	29K-470.44	Hà Nội	3573	34A-925.22	Hải Dương
374	29K-409.11	Hà Nội	1974	29K-476.74	Hà Nội	3574	34A-937.69	Hải Dương
375	29K-410.11	Hà Nội	1975	34A-921.77	Hải Dương	3575	34A-937.86	Hải Dương
376	29K-411.41	Hà Nội	1976	34A-924.00	Hải Dương	3576	34A-942.44	Hải Dương
377	29K-414.69	Hà Nội	1977	34A-927.29	Hải Dương	3577	34A-959.33	Hải Dương
378	29K-417.44	Hà Nội	1978	34A-930.55	Hải Dương	3578	34A-968.99	Hải Dương
379	29K-419.95	Hà Nội	1979	34A-937.55	Hải Dương	3579	34A-975.89	Hải Dương
380	29K-425.99	Hà Nội	1980	34A-945.46	Hải Dương	3580	34B-045.55	Hải Dương
381	29K-426.69	Hà Nội	1981	34A-947.66	Hải Dương	3581	34C-435.44	Hải Dương
382	29K-441.79	Hà Nội	1982	34A-950.95	Hải Dương	3582	34C-435.77	Hải Dương
383	29K-445.11	Hà Nội	1983	34A-954.55	Hải Dương	3583	34C-443.43	Hải Dương
384	29K-456.00	Hà Nội	1984	34A-954.68	Hải Dương	3584	34C-444.11	Hải Dương
385	29K-474.00	Hà Nội	1985	34A-964.22	Hải Dương	3585	34C-450.00	Hải Dương
386	29K-477.44	Hà Nội	1986	34A-964.64	Hải Dương	3586	34C-452.69	Hải Dương
387	29K-477.74	Hà Nội	1987	34A-969.22	Hải Dương	3587	34D-039.99	Hải Dương
388	34A-927.22	Hải Dương	1988	34A-972.69	Hải Dương	3588	35A-472.39	Ninh Bình
389	34A-932.86	Hải Dương	1989	34B-043.34	Hải Dương	3589	35A-473.22	Ninh Bình
390	34A-937.11	Hải Dương	1990	34B-045.11	Hải Dương	3590	35A-474.86	Ninh Bình
391	34A-948.55	Hải Dương	1991	34C-438.55	Hải Dương	3591	35A-475.47	Ninh Bình
392	34A-951.33	Hải Dương	1992	34C-440.40	Hải Dương	3592	35A-477.74	Ninh Bình
393	34A-955.39	Hải Dương	1993	34C-440.77	Hải Dương	3593	35A-483.48	Ninh Bình
394	34A-956.00	Hải Dương	1994	34C-444.86	Hải Dương	3594	35C-180.33	Ninh Bình
395	34A-956.44	Hải Dương	1995	34C-445.33	Hải Dương	3595	35C-180.55	Ninh Bình
396	34C-434.79	Hải Dương	1996	34C-445.44	Hải Dương	3596	35D-016.77	Ninh Bình
397	34C-444.55	Hải Dương	1997	34C-447.86	Hải Dương	3597	35D-017.17	Ninh Bình
398	34D-038.77	Hải Dương	1998	34D-040.86	Hải Dương	3598	36B-047.48	Thanh Hóa
399	34D-040.33	Hải Dương	1999	35A-470.55	Ninh Bình	3599	36C-551.51	Thanh Hóa
400	34D-040.68	Hải Dương	2000	35A-471.11	Ninh Bình	3600	36C-555.07	Thanh Hóa
401	34D-041.68	Hải Dương	2001	35A-481.22	Ninh Bình	3601	36C-555.45	Thanh Hóa
402	35A-465.44	Ninh Bình	2002	35B-024.11	Ninh Bình	3602	36C-555.69	Thanh Hóa
403	35C-182.99	Ninh Bình	2003	35B-024.39	Ninh Bình	3603	36C-564.33	Thanh Hóa
404	35D-016.99	Ninh Bình	2004	35B-026.27	Ninh Bình	3604	36C-570.07	Thanh Hóa
405	36C-554.66	Thanh Hóa	2005	35C-180.39	Ninh Bình	3605	36C-570.68	Thanh Hóa
406	36C-556.65	Thanh Hóa	2006	35C-183.55	Ninh Bình	3606	36C-573.89	Thanh Hóa
407	36C-556.66	Thanh Hóa	2007	35C-184.88	Ninh Bình	3607	36C-574.99	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
408	36C-561.39	Thanh Hóa	2008	36C-562.65	Thanh Hóa	3608	36D-033.44	Thanh Hóa
409	36C-565.68	Thanh Hóa	2009	36C-564.00	Thanh Hóa	3609	36K-231.00	Thanh Hóa
410	36C-571.71	Thanh Hóa	2010	36C-564.89	Thanh Hóa	3610	36K-232.99	Thanh Hóa
411	36C-573.39	Thanh Hóa	2011	36C-568.11	Thanh Hóa	3611	36K-244.00	Thanh Hóa
412	36C-573.75	Thanh Hóa	2012	36C-575.11	Thanh Hóa	3612	36K-261.33	Thanh Hóa
413	36C-580.77	Thanh Hóa	2013	36K-230.33	Thanh Hóa	3613	36K-261.44	Thanh Hóa
414	36C-580.85	Thanh Hóa	2014	36K-238.00	Thanh Hóa	3614	36K-274.69	Thanh Hóa
415	36D-031.11	Thanh Hóa	2015	36K-240.22	Thanh Hóa	3615	36K-282.39	Thanh Hóa
416	36D-031.13	Thanh Hóa	2016	36K-246.47	Thanh Hóa	3616	36K-282.86	Thanh Hóa
417	36D-031.31	Thanh Hóa	2017	36K-247.42	Thanh Hóa	3617	36K-292.33	Thanh Hóa
418	36K-235.86	Thanh Hóa	2018	36K-247.44	Thanh Hóa	3618	36K-293.55	Thanh Hóa
419	36K-237.69	Thanh Hóa	2019	36K-248.11	Thanh Hóa	3619	36K-297.89	Thanh Hóa
420	36K-238.38	Thanh Hóa	2020	36K-249.94	Thanh Hóa	3620	36K-304.68	Thanh Hóa
421	36K-242.39	Thanh Hóa	2021	36K-250.05	Thanh Hóa	3621	36K-306.06	Thanh Hóa
422	36K-243.68	Thanh Hóa	2022	36K-251.15	Thanh Hóa	3622	37B-046.89	Nghệ An
423	36K-246.79	Thanh Hóa	2023	36K-252.88	Thanh Hóa	3623	37B-048.44	Nghệ An
424	36K-261.39	Thanh Hóa	2024	36K-255.11	Thanh Hóa	3624	37B-049.55	Nghệ An
425	36K-270.69	Thanh Hóa	2025	36K-257.25	Thanh Hóa	3625	37C-585.69	Nghệ An
426	36K-270.70	Thanh Hóa	2026	36K-260.69	Thanh Hóa	3626	37C-586.11	Nghệ An
427	36K-279.69	Thanh Hóa	2027	36K-262.26	Thanh Hóa	3627	37D-047.04	Nghệ An
428	36K-283.84	Thanh Hóa	2028	36K-267.68	Thanh Hóa	3628	37K-482.77	Nghệ An
429	36K-284.88	Thanh Hóa	2029	36K-274.27	Thanh Hóa	3629	37K-493.69	Nghệ An
430	37C-567.44	Nghệ An	2030	36K-276.22	Thanh Hóa	3630	37K-494.55	Nghệ An
431	37C-580.99	Nghệ An	2031	36K-282.11	Thanh Hóa	3631	37K-511.86	Nghệ An
432	37C-581.69	Nghệ An	2032	36K-290.29	Thanh Hóa	3632	37K-516.77	Nghệ An
433	37C-582.83	Nghệ An	2033	36K-292.99	Thanh Hóa	3633	37K-522.66	Nghệ An
434	37C-584.69	Nghệ An	2034	36K-303.11	Thanh Hóa	3634	37K-530.69	Nghệ An
435	37C-594.49	Nghệ An	2035	36K-303.22	Thanh Hóa	3635	37K-533.11	Nghệ An
436	37D-047.99	Nghệ An	2036	37C-568.39	Nghệ An	3636	37K-533.44	Nghệ An
437	37K-492.44	Nghệ An	2037	37C-579.39	Nghệ An	3637	37K-564.64	Nghệ An
438	37K-501.68	Nghệ An	2038	37C-580.33	Nghệ An	3638	37K-571.77	Nghệ An
439	37K-508.80	Nghệ An	2039	37C-582.77	Nghệ An	3639	37K-573.88	Nghệ An
440	37K-513.33	Nghệ An	2040	37C-587.78	Nghệ An	3640	37K-574.39	Nghệ An
441	37K-530.03	Nghệ An	2041	37C-588.69	Nghệ An	3641	38A-690.11	Hà Tĩnh
442	37K-533.55	Nghệ An	2042	37C-591.68	Nghệ An	3642	38A-701.01	Hà Tĩnh
443	37K-544.99	Nghệ An	2043	37C-593.88	Nghệ An	3643	38A-703.22	Hà Tĩnh
444	37K-549.88	Nghệ An	2044	37C-594.99	Nghệ An	3644	38A-711.88	Hà Tĩnh
445	37K-555.02	Nghệ An	2045	37C-596.00	Nghệ An	3645	38B-023.44	Hà Tĩnh
446	37K-572.79	Nghệ An	2046	37C-597.44	Nghệ An	3646	38B-024.42	Hà Tĩnh
447	38A-688.33	Hà Tĩnh	2047	37D-048.49	Nghệ An	3647	38C-245.88	Hà Tĩnh
448	38A-696.00	Hà Tĩnh	2048	37K-486.22	Nghệ An	3648	38C-252.00	Hà Tĩnh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
449	38A-704.39	Hà Tĩnh	2049	37K-489.55	Nghệ An	3649	38C-254.22	Hà Tĩnh
450	38A-708.39	Hà Tĩnh	2050	37K-490.79	Nghệ An	3650	38D-022.02	Hà Tĩnh
451	38A-709.77	Hà Tĩnh	2051	37K-505.79	Nghệ An	3651	43A-942.79	Đà Nẵng
452	38A-710.69	Hà Tĩnh	2052	37K-508.99	Nghệ An	3652	43A-948.48	Đà Nẵng
453	38B-026.27	Hà Tĩnh	2053	37K-509.96	Nghệ An	3653	43A-955.77	Đà Nẵng
454	38C-243.44	Hà Tĩnh	2054	37K-516.86	Nghệ An	3654	43A-960.86	Đà Nẵng
455	38C-248.22	Hà Tĩnh	2055	37K-524.44	Nghệ An	3655	43A-967.39	Đà Nẵng
456	38C-250.88	Hà Tĩnh	2056	37K-533.53	Nghệ An	3656	43A-980.66	Đà Nẵng
457	38C-251.25	Hà Tĩnh	2057	37K-534.88	Nghệ An	3657	43C-314.55	Đà Nẵng
458	43A-942.24	Đà Nẵng	2058	37K-554.00	Nghệ An	3658	43C-315.15	Đà Nẵng
459	43A-948.49	Đà Nẵng	2059	37K-554.68	Nghệ An	3659	43C-319.31	Đà Nẵng
460	43A-963.00	Đà Nẵng	2060	37K-559.96	Nghệ An	3660	43C-324.11	Đà Nẵng
461	43A-963.36	Đà Nẵng	2061	37K-560.00	Nghệ An	3661	47A-819.44	Đắk Lắk
462	43A-964.66	Đà Nẵng	2062	37K-562.89	Nghệ An	3662	47A-819.86	Đắk Lắk
463	43A-965.44	Đà Nẵng	2063	37K-571.88	Nghệ An	3663	47A-830.39	Đắk Lắk
464	43A-965.56	Đà Nẵng	2064	37K-573.44	Nghệ An	3664	47A-849.22	Đắk Lắk
465	43A-970.69	Đà Nẵng	2065	38A-680.11	Hà Tĩnh	3665	47A-849.77	Đắk Lắk
466	43A-973.86	Đà Nẵng	2066	38A-691.55	Hà Tĩnh	3666	47A-851.55	Đắk Lắk
467	43A-977.88	Đà Nẵng	2067	38A-694.22	Hà Tĩnh	3667	47A-861.66	Đắk Lắk
468	43B-066.44	Đà Nẵng	2068	38A-698.00	Hà Tĩnh	3668	47B-042.68	Đắk Lắk
469	43C-320.23	Đà Nẵng	2069	38A-702.89	Hà Tĩnh	3669	47B-044.39	Đắk Lắk
470	43D-013.39	Đà Nẵng	2070	38A-711.66	Hà Tĩnh	3670	47C-401.22	Đắk Lắk
471	43D-013.79	Đà Nẵng	2071	38C-253.53	Hà Tĩnh	3671	47C-403.11	Đắk Lắk
472	47A-816.16	Đắk Lắk	2072	38D-022.00	Hà Tĩnh	3672	47C-403.33	Đắk Lắk
473	47A-820.33	Đắk Lắk	2073	43A-956.57	Đà Nẵng	3673	47C-406.79	Đắk Lắk
474	47A-823.00	Đắk Lắk	2074	43A-958.89	Đà Nẵng	3674	47C-408.40	Đắk Lắk
475	47A-827.11	Đắk Lắk	2075	43A-969.89	Đà Nẵng	3675	47C-414.33	Đắk Lắk
476	47A-829.79	Đắk Lắk	2076	43C-315.88	Đà Nẵng	3676	47D-018.69	Đắk Lắk
477	47A-831.22	Đắk Lắk	2077	43C-318.19	Đà Nẵng	3677	48A-250.77	Đắk Nông
478	47A-832.88	Đắk Lắk	2078	43D-013.13	Đà Nẵng	3678	48A-253.88	Đắk Nông
479	47A-836.88	Đắk Lắk	2079	47A-816.17	Đắk Lắk	3679	48A-255.56	Đắk Nông
480	47A-837.33	Đắk Lắk	2080	47A-820.20	Đắk Lắk	3680	48A-255.66	Đắk Nông
481	47A-841.89	Đắk Lắk	2081	47A-820.28	Đắk Lắk	3681	48A-257.68	Đắk Nông
482	47A-845.66	Đắk Lắk	2082	47A-853.88	Đắk Lắk	3682	48A-258.52	Đắk Nông
483	47A-848.39	Đắk Lắk	2083	47A-858.33	Đắk Lắk	3683	48A-259.86	Đắk Nông
484	47A-848.77	Đắk Lắk	2084	47A-862.79	Đắk Lắk	3684	48A-260.39	Đắk Nông
485	47C-399.96	Đắk Lắk	2085	47B-043.99	Đắk Lắk	3685	48B-013.89	Đắk Nông
486	47C-401.44	Đắk Lắk	2086	47B-045.68	Đắk Lắk	3686	48B-014.99	Đắk Nông
487	47C-414.00	Đắk Lắk	2087	47C-399.68	Đắk Lắk	3687	48C-117.22	Đắk Nông
488	47C-417.66	Đắk Lắk	2088	47C-401.11	Đắk Lắk	3688	48C-117.69	Đắk Nông
489	47C-420.68	Đắk Lắk	2089	47C-401.33	Đắk Lắk	3689	48C-118.18	Đắk Nông

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
490	47C-421.69	Đắk Lắk	2090	47C-403.03	Đắk Lắk	3690	48C-127.66	Đắk Nông
491	48A-249.39	Đắk Nông	2091	47C-404.55	Đắk Lắk	3691	49A-746.68	Lâm Đồng
492	48A-260.86	Đắk Nông	2092	47C-406.00	Đắk Lắk	3692	49A-749.66	Lâm Đồng
493	48A-260.99	Đắk Nông	2093	47C-416.11	Đắk Lắk	3693	49A-753.33	Lâm Đồng
494	48A-261.22	Đắk Nông	2094	47C-416.61	Đắk Lắk	3694	49A-754.79	Lâm Đồng
495	48B-015.33	Đắk Nông	2095	47C-417.11	Đắk Lắk	3695	49A-755.22	Lâm Đồng
496	48C-118.00	Đắk Nông	2096	47C-419.41	Đắk Lắk	3696	49A-757.77	Lâm Đồng
497	48C-121.12	Đắk Nông	2097	48A-251.44	Đắk Nông	3697	49A-758.79	Lâm Đồng
498	48C-122.00	Đắk Nông	2098	48A-256.22	Đắk Nông	3698	49A-760.33	Lâm Đồng
499	49A-747.55	Lâm Đồng	2099	48A-261.00	Đắk Nông	3699	49A-761.89	Lâm Đồng
500	49A-748.33	Lâm Đồng	2100	48C-121.44	Đắk Nông	3700	49A-767.99	Lâm Đồng
501	49A-748.39	Lâm Đồng	2101	49A-750.75	Lâm Đồng	3701	49A-768.89	Lâm Đồng
502	49A-753.99	Lâm Đồng	2102	49A-752.52	Lâm Đồng	3702	49A-773.69	Lâm Đồng
503	49A-754.00	Lâm Đồng	2103	49A-752.55	Lâm Đồng	3703	49A-776.99	Lâm Đồng
504	49A-756.22	Lâm Đồng	2104	49A-752.99	Lâm Đồng	3704	49A-777.03	Lâm Đồng
505	49A-761.66	Lâm Đồng	2105	49A-757.88	Lâm Đồng	3705	49A-780.55	Lâm Đồng
506	49A-763.55	Lâm Đồng	2106	49A-764.00	Lâm Đồng	3706	49A-781.18	Lâm Đồng
507	49A-765.33	Lâm Đồng	2107	49A-769.68	Lâm Đồng	3707	49B-035.33	Lâm Đồng
508	49A-767.55	Lâm Đồng	2108	49A-773.79	Lâm Đồng	3708	49C-384.85	Lâm Đồng
509	49A-777.01	Lâm Đồng	2109	49A-779.96	Lâm Đồng	3709	49C-385.69	Lâm Đồng
510	49A-777.19	Lâm Đồng	2110	49A-780.80	Lâm Đồng	3710	49C-392.29	Lâm Đồng
511	49A-779.39	Lâm Đồng	2111	49B-034.35	Lâm Đồng	3711	49C-400.11	Lâm Đồng
512	49A-780.81	Lâm Đồng	2112	49B-034.39	Lâm Đồng	3712	49D-015.77	Lâm Đồng
513	49B-032.44	Lâm Đồng	2113	49C-385.83	Lâm Đồng	3713	49D-016.77	Lâm Đồng
514	49B-034.30	Lâm Đồng	2114	49C-392.66	Lâm Đồng	3714	49D-016.88	Lâm Đồng
515	49C-398.69	Lâm Đồng	2115	49C-398.79	Lâm Đồng	3715	49D-017.86	Lâm Đồng
516	49C-400.40	Lâm Đồng	2116	51B-712.99	Hồ Chí Minh	3716	49D-018.89	Lâm Đồng
517	49D-015.16	Lâm Đồng	2117	51E-349.79	Hồ Chí Minh	3717	51E-343.68	Hồ Chí Minh
518	51B-715.86	Hồ Chí Minh	2118	51E-350.77	Hồ Chí Minh	3718	51E-349.34	Hồ Chí Minh
519	51E-340.86	Hồ Chí Minh	2119	60B-078.07	Đồng Nai	3719	51E-350.44	Hồ Chí Minh
520	51E-345.43	Hồ Chí Minh	2120	60B-079.86	Đồng Nai	3720	60C-759.55	Đồng Nai
521	51E-346.64	Hồ Chí Minh	2121	60B-081.39	Đồng Nai	3721	60C-767.55	Đồng Nai
522	51E-351.77	Hồ Chí Minh	2122	60C-760.89	Đồng Nai	3722	60C-783.44	Đồng Nai
523	51E-352.25	Hồ Chí Minh	2123	60C-763.33	Đồng Nai	3723	60C-790.09	Đồng Nai
524	51E-354.35	Hồ Chí Minh	2124	60C-769.99	Đồng Nai	3724	60C-790.69	Đồng Nai
525	51E-354.55	Hồ Chí Minh	2125	60C-770.07	Đồng Nai	3725	60C-791.22	Đồng Nai
526	60C-757.11	Đồng Nai	2126	60C-777.39	Đồng Nai	3726	60C-792.88	Đồng Nai
527	60C-767.11	Đồng Nai	2127	60C-781.66	Đồng Nai	3727	60K-618.99	Đồng Nai
528	60C-770.77	Đồng Nai	2128	60C-782.44	Đồng Nai	3728	60K-622.69	Đồng Nai
529	60C-778.69	Đồng Nai	2129	60C-784.86	Đồng Nai	3729	60K-627.89	Đồng Nai
530	60C-780.78	Đồng Nai	2130	60C-785.79	Đồng Nai	3730	60K-634.33	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
531	60C-781.22	Đồng Nai	2131	60D-022.99	Đồng Nai	3731	60K-636.22	Đồng Nai
532	60C-792.11	Đồng Nai	2132	60K-623.69	Đồng Nai	3732	60K-637.66	Đồng Nai
533	60C-794.44	Đồng Nai	2133	60K-623.79	Đồng Nai	3733	60K-640.44	Đồng Nai
534	60C-794.55	Đồng Nai	2134	60K-633.99	Đồng Nai	3734	60K-643.22	Đồng Nai
535	60D-023.44	Đồng Nai	2135	60K-646.79	Đồng Nai	3735	60K-646.88	Đồng Nai
536	60K-619.16	Đồng Nai	2136	60K-654.88	Đồng Nai	3736	60K-647.55	Đồng Nai
537	60K-619.69	Đồng Nai	2137	60K-667.11	Đồng Nai	3737	60K-647.66	Đồng Nai
538	60K-631.69	Đồng Nai	2138	60K-680.77	Đồng Nai	3738	60K-649.55	Đồng Nai
539	60K-639.88	Đồng Nai	2139	60K-687.33	Đồng Nai	3739	60K-653.55	Đồng Nai
540	60K-645.33	Đồng Nai	2140	60K-687.78	Đồng Nai	3740	60K-653.68	Đồng Nai
541	60K-645.44	Đồng Nai	2141	60K-689.77	Đồng Nai	3741	60K-664.22	Đồng Nai
542	60K-658.66	Đồng Nai	2142	60K-693.94	Đồng Nai	3742	60K-674.55	Đồng Nai
543	60K-661.55	Đồng Nai	2143	60K-698.79	Đồng Nai	3743	60K-683.38	Đồng Nai
544	60K-661.69	Đồng Nai	2144	60K-701.68	Đồng Nai	3744	61B-046.44	Bình Dương
545	60K-680.33	Đồng Nai	2145	61B-047.48	Bình Dương	3745	61C-616.00	Bình Dương
546	60K-684.48	Đồng Nai	2146	61B-047.86	Bình Dương	3746	61C-616.89	Bình Dương
547	60K-690.66	Đồng Nai	2147	61B-047.88	Bình Dương	3747	61C-617.86	Bình Dương
548	60K-690.91	Đồng Nai	2148	61C-620.20	Bình Dương	3748	61C-618.66	Bình Dương
549	60K-701.01	Đồng Nai	2149	61C-625.22	Bình Dương	3749	61C-619.33	Bình Dương
550	60K-702.03	Đồng Nai	2150	61C-626.68	Bình Dương	3750	61C-636.11	Bình Dương
551	61B-046.86	Bình Dương	2151	61C-627.69	Bình Dương	3751	61C-639.68	Bình Dương
552	61C-613.16	Bình Dương	2152	61C-628.77	Bình Dương	3752	61C-642.44	Bình Dương
553	61C-629.62	Bình Dương	2153	61C-639.88	Bình Dương	3753	61C-642.64	Bình Dương
554	61D-023.68	Bình Dương	2154	61C-642.77	Bình Dương	3754	61K-523.22	Bình Dương
555	61K-528.22	Bình Dương	2155	61D-023.44	Bình Dương	3755	61K-527.88	Bình Dương
556	61K-528.29	Bình Dương	2156	61D-024.69	Bình Dương	3756	61K-536.79	Bình Dương
557	61K-528.52	Bình Dương	2157	61K-520.69	Bình Dương	3757	61K-538.77	Bình Dương
558	61K-530.31	Bình Dương	2158	61K-521.44	Bình Dương	3758	61K-541.77	Bình Dương
559	61K-534.99	Bình Dương	2159	61K-522.77	Bình Dương	3759	61K-542.00	Bình Dương
560	61K-536.33	Bình Dương	2160	61K-523.44	Bình Dương	3760	61K-547.77	Bình Dương
561	61K-543.77	Bình Dương	2161	61K-535.39	Bình Dương	3761	61K-552.86	Bình Dương
562	61K-554.66	Bình Dương	2162	61K-541.22	Bình Dương	3762	61K-553.35	Bình Dương
563	61K-555.29	Bình Dương	2163	61K-543.22	Bình Dương	3763	61K-561.44	Bình Dương
564	61K-555.48	Bình Dương	2164	61K-543.69	Bình Dương	3764	61K-561.77	Bình Dương
565	61K-560.22	Bình Dương	2165	61K-544.69	Bình Dương	3765	61K-564.00	Bình Dương
566	61K-560.77	Bình Dương	2166	61K-547.66	Bình Dương	3766	61K-564.64	Bình Dương
567	61K-566.56	Bình Dương	2167	61K-555.13	Bình Dương	3767	61K-572.68	Bình Dương
568	61K-578.99	Bình Dương	2168	61K-556.22	Bình Dương	3768	61K-575.44	Bình Dương
569	61K-579.44	Bình Dương	2169	61K-556.65	Bình Dương	3769	61K-576.99	Bình Dương
570	61K-582.66	Bình Dương	2170	61K-565.33	Bình Dương	3770	61K-577.11	Bình Dương
571	61K-585.66	Bình Dương	2171	61K-573.11	Bình Dương	3771	61K-583.84	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
572	61K-593.59	Bình Dương	2172	61K-575.77	Bình Dương	3772	61K-588.00	Bình Dương
573	61K-594.66	Bình Dương	2173	61K-582.55	Bình Dương	3773	61K-592.93	Bình Dương
574	61K-596.88	Bình Dương	2174	61K-591.39	Bình Dương	3774	61K-594.11	Bình Dương
575	61K-598.11	Bình Dương	2175	61K-594.95	Bình Dương	3775	61K-594.68	Bình Dương
576	62A-470.44	Long An	2176	62A-472.00	Long An	3776	61K-597.59	Bình Dương
577	62A-472.89	Long An	2177	62A-473.44	Long An	3777	62A-477.89	Long An
578	62A-476.39	Long An	2178	62A-473.74	Long An	3778	62A-480.86	Long An
579	62A-477.33	Long An	2179	62A-478.44	Long An	3779	62A-483.88	Long An
580	62A-485.79	Long An	2180	62A-479.96	Long An	3780	62A-489.84	Long An
581	62C-223.68	Long An	2181	62C-220.77	Long An	3781	62C-217.11	Long An
582	63A-326.86	Tiền Giang	2182	63A-326.22	Tiền Giang	3782	62C-217.17	Long An
583	63A-335.44	Tiền Giang	2183	63A-333.17	Tiền Giang	3783	62C-217.99	Long An
584	63A-338.55	Tiền Giang	2184	63B-036.00	Tiền Giang	3784	62D-018.22	Long An
585	63A-339.66	Tiền Giang	2185	63C-228.77	Tiền Giang	3785	63A-330.68	Tiền Giang
586	63C-237.55	Tiền Giang	2186	63C-231.55	Tiền Giang	3786	63B-036.69	Tiền Giang
587	63C-238.44	Tiền Giang	2187	63C-235.22	Tiền Giang	3787	63C-232.23	Tiền Giang
588	63C-240.66	Tiền Giang	2188	63D-012.66	Tiền Giang	3788	63C-233.32	Tiền Giang
589	63D-015.10	Tiền Giang	2189	63D-015.77	Tiền Giang	3789	63C-236.68	Tiền Giang
590	64A-206.68	Vĩnh Long	2190	64A-211.21	Vĩnh Long	3790	64A-208.11	Vĩnh Long
591	64A-206.99	Vĩnh Long	2191	64C-136.00	Vĩnh Long	3791	64B-017.68	Vĩnh Long
592	64A-208.44	Vĩnh Long	2192	65A-519.68	Cần Thơ	3792	64C-134.66	Vĩnh Long
593	64A-212.89	Vĩnh Long	2193	65A-525.33	Cần Thơ	3793	64D-006.79	Vĩnh Long
594	64B-019.19	Vĩnh Long	2194	65A-530.33	Cần Thơ	3794	65A-523.99	Cần Thơ
595	64C-139.44	Vĩnh Long	2195	65A-532.39	Cần Thơ	3795	65A-525.22	Cần Thơ
596	64C-139.89	Vĩnh Long	2196	65C-250.44	Cần Thơ	3796	65A-529.22	Cần Thơ
597	64C-139.96	Vĩnh Long	2197	65C-256.22	Cần Thơ	3797	65A-529.92	Cần Thơ
598	65A-519.44	Cần Thơ	2198	65C-258.44	Cần Thơ	3798	65A-530.30	Cần Thơ
599	65A-524.52	Cần Thơ	2199	65C-260.06	Cần Thơ	3799	65A-531.88	Cần Thơ
600	65A-528.22	Cần Thơ	2200	65C-272.86	Cần Thơ	3800	65C-250.88	Cần Thơ
601	65C-254.00	Cần Thơ	2201	65C-277.68	Cần Thơ	3801	65C-257.11	Cần Thơ
602	65C-261.33	Cần Thơ	2202	65C-278.88	Cần Thơ	3802	65C-280.33	Cần Thơ
603	65C-267.39	Cần Thơ	2203	65D-012.89	Cần Thơ	3803	66A-305.33	Đồng Tháp
604	65C-272.79	Cần Thơ	2204	65D-014.15	Cần Thơ	3804	66A-306.11	Đồng Tháp
605	65C-274.99	Cần Thơ	2205	66A-306.22	Đồng Tháp	3805	66A-308.79	Đồng Tháp
606	65C-279.88	Cần Thơ	2206	66A-309.68	Đồng Tháp	3806	66A-315.11	Đồng Tháp
607	65D-011.10	Cần Thơ	2207	66A-312.55	Đồng Tháp	3807	66A-317.17	Đồng Tháp
608	66A-302.02	Đồng Tháp	2208	66A-315.66	Đồng Tháp	3808	66C-192.19	Đồng Tháp
609	66A-308.86	Đồng Tháp	2209	66B-027.11	Đồng Tháp	3809	67A-330.86	An Giang
610	66A-309.30	Đồng Tháp	2210	66C-183.66	Đồng Tháp	3810	67A-333.12	An Giang
611	66A-314.11	Đồng Tháp	2211	66C-186.22	Đồng Tháp	3811	67D-011.00	An Giang
612	66C-186.39	Đồng Tháp	2212	66C-187.00	Đồng Tháp	3812	67D-012.00	An Giang

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
613	66C-189.55	Đồng Tháp	2213	66C-187.33	Đồng Tháp	3813	68A-367.22	Kiên Giang
614	66D-012.10	Đồng Tháp	2214	66C-190.68	Đồng Tháp	3814	68A-379.66	Kiên Giang
615	67A-335.22	An Giang	2215	66C-190.69	Đồng Tháp	3815	68B-034.33	Kiên Giang
616	67A-337.99	An Giang	2216	67A-333.79	An Giang	3816	68B-036.77	Kiên Giang
617	67A-338.99	An Giang	2217	67A-338.77	An Giang	3817	68D-010.11	Kiên Giang
618	67A-344.00	An Giang	2218	67A-342.00	An Giang	3818	69A-175.00	Cà Mau
619	67A-344.33	An Giang	2219	67A-342.24	An Giang	3819	69A-175.99	Cà Mau
620	67A-344.79	An Giang	2220	67A-345.45	An Giang	3820	69B-016.89	Cà Mau
621	67B-032.55	An Giang	2221	68A-368.39	Kiên Giang	3821	70A-588.79	Tây Ninh
622	67C-194.33	An Giang	2222	68A-370.33	Kiên Giang	3822	70A-591.44	Tây Ninh
623	68A-365.33	Kiên Giang	2223	68A-372.27	Kiên Giang	3823	70A-592.69	Tây Ninh
624	68A-365.89	Kiên Giang	2224	68A-377.55	Kiên Giang	3824	70A-593.77	Tây Ninh
625	68A-371.71	Kiên Giang	2225	68B-037.44	Kiên Giang	3825	70A-595.66	Tây Ninh
626	68A-372.77	Kiên Giang	2226	68C-178.33	Kiên Giang	3826	70A-600.44	Tây Ninh
627	68A-375.39	Kiên Giang	2227	68C-181.55	Kiên Giang	3827	70A-609.55	Tây Ninh
628	68A-376.86	Kiên Giang	2228	68C-182.22	Kiên Giang	3828	70A-609.89	Tây Ninh
629	68A-382.11	Kiên Giang	2229	68C-182.68	Kiên Giang	3829	70A-611.99	Tây Ninh
630	68C-179.71	Kiên Giang	2230	69A-171.86	Cà Mau	3830	70B-037.44	Tây Ninh
631	68C-183.22	Kiên Giang	2231	69A-176.33	Cà Mau	3831	70C-215.12	Tây Ninh
632	68C-184.77	Kiên Giang	2232	69B-015.10	Cà Mau	3832	70C-215.21	Tây Ninh
633	68C-184.89	Kiên Giang	2233	69C-105.44	Cà Mau	3833	70C-215.88	Tây Ninh
634	68D-010.22	Kiên Giang	2234	69C-109.55	Cà Mau	3834	70C-217.11	Tây Ninh
635	69A-171.68	Cà Mau	2235	70A-586.55	Tây Ninh	3835	70C-217.21	Tây Ninh
636	69A-174.44	Cà Mau	2236	70A-587.58	Tây Ninh	3836	70D-014.77	Tây Ninh
637	69C-104.89	Cà Mau	2237	70A-589.55	Tây Ninh	3837	71A-219.68	Bến Tre
638	69D-005.88	Cà Mau	2238	70A-592.33	Tây Ninh	3838	71B-024.42	Bến Tre
639	69D-009.11	Cà Mau	2239	70A-592.77	Tây Ninh	3839	71B-024.66	Bến Tre
640	70A-603.03	Tây Ninh	2240	70A-598.39	Tây Ninh	3840	71C-134.34	Bến Tre
641	70A-607.06	Tây Ninh	2241	70A-607.88	Tây Ninh	3841	72A-852.85	Bà Rịa - Vũng Tàu
642	70A-608.22	Tây Ninh	2242	70A-609.00	Tây Ninh	3842	72A-871.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
643	70A-608.77	Tây Ninh	2243	70A-609.86	Tây Ninh	3843	72A-873.55	Bà Rịa - Vũng Tàu
644	70B-034.69	Tây Ninh	2244	70B-036.86	Tây Ninh	3844	72B-046.39	Bà Rịa - Vũng Tàu
645	70C-216.61	Tây Ninh	2245	70C-214.77	Tây Ninh	3845	72C-265.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
646	70C-217.77	Tây Ninh	2246	70D-012.99	Tây Ninh	3846	72C-268.26	Bà Rịa - Vũng Tàu
647	70D-012.88	Tây Ninh	2247	70D-014.79	Tây Ninh	3847	72C-270.00	Bà Rịa - Vũng Tàu
648	71A-217.89	Bến Tre	2248	71B-025.69	Bến Tre	3848	72C-271.22	Bà Rịa - Vũng Tàu
649	71A-220.55	Bến Tre	2249	71C-135.00	Bến Tre	3849	72C-274.72	Bà Rịa - Vũng Tàu
650	71B-022.69	Bến Tre	2250	71D-007.08	Bến Tre	3850	72D-013.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
651	71B-022.86	Bến Tre	2251	72A-843.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	3851	72D-013.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
652	71C-138.11	Bến Tre	2252	72A-844.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	3852	73A-370.77	Quảng Bình
653	72A-844.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2253	72A-846.48	Bà Rịa - Vũng Tàu	3853	73A-382.44	Quảng Bình

I - C
 TỶ
 GIÁ
 ANH
 IAM
 - T.P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
654	72A-854.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	2254	72A-846.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	3854	73B-019.98	Quảng Bình
655	72A-865.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	2255	72A-847.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	3855	73C-195.66	Quảng Bình
656	72A-868.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	2256	72A-847.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	3856	73C-196.88	Quảng Bình
657	72A-875.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	2257	72A-851.52	Bà Rịa - Vũng Tàu	3857	74A-281.88	Quảng Trị
658	72A-880.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2258	72A-857.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	3858	74B-019.33	Quảng Trị
659	72A-880.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	2259	72A-865.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	3859	74C-146.44	Quảng Trị
660	72A-883.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	2260	72A-866.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	3860	74C-149.41	Quảng Trị
661	72C-266.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	2261	72A-871.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	3861	74D-015.10	Quảng Trị
662	73A-376.99	Quảng Bình	2262	72A-880.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	3862	74D-015.69	Quảng Trị
663	73A-381.99	Quảng Bình	2263	72C-266.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	3863	75A-397.33	Thừa Thiên Huế
664	73B-017.55	Quảng Bình	2264	72C-271.17	Bà Rịa - Vũng Tàu	3864	75B-030.89	Thừa Thiên Huế
665	73D-008.39	Quảng Bình	2265	72C-271.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	3865	75B-032.44	Thừa Thiên Huế
666	73D-010.00	Quảng Bình	2266	72C-271.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	3866	75C-159.69	Thừa Thiên Huế
667	74A-281.68	Quảng Trị	2267	73A-371.33	Quảng Bình	3867	75D-011.89	Thừa Thiên Huế
668	74C-144.33	Quảng Trị	2268	73A-371.89	Quảng Bình	3868	75D-012.66	Thừa Thiên Huế
669	75A-390.11	Thừa Thiên Huế	2269	73A-382.39	Quảng Bình	3869	76A-324.77	Quảng Ngãi
670	75A-393.55	Thừa Thiên Huế	2270	73A-383.11	Quảng Bình	3870	76B-029.89	Quảng Ngãi
671	75A-395.86	Thừa Thiên Huế	2271	73B-017.44	Quảng Bình	3871	77A-357.86	Bình Định
672	75C-161.00	Thừa Thiên Huế	2272	73B-018.55	Quảng Bình	3872	77A-358.44	Bình Định
673	75C-162.89	Thừa Thiên Huế	2273	73B-020.44	Quảng Bình	3873	77A-361.39	Bình Định
674	76A-333.58	Quảng Ngãi	2274	74A-282.11	Quảng Trị	3874	77A-365.44	Bình Định
675	76B-030.89	Quảng Ngãi	2275	74A-283.82	Quảng Trị	3875	77A-370.99	Bình Định
676	76C-179.44	Quảng Ngãi	2276	74B-018.86	Quảng Trị	3876	77C-261.66	Bình Định
677	76C-180.33	Quảng Ngãi	2277	74B-019.66	Quảng Trị	3877	77C-262.22	Bình Định
678	77A-361.44	Bình Định	2278	74B-020.02	Quảng Trị	3878	77C-264.22	Bình Định
679	77A-364.11	Bình Định	2279	74B-020.55	Quảng Trị	3879	77D-008.68	Bình Định
680	77A-364.66	Bình Định	2280	74C-147.33	Quảng Trị	3880	77D-010.33	Bình Định
681	77A-364.69	Bình Định	2281	75A-390.09	Thừa Thiên Huế	3881	78B-019.39	Phú Yên
682	77A-367.76	Bình Định	2282	75A-390.55	Thừa Thiên Huế	3882	78B-021.02	Phú Yên
683	77B-041.22	Bình Định	2283	75A-400.99	Thừa Thiên Huế	3883	79A-569.22	Khánh Hòa
684	77D-009.77	Bình Định	2284	75C-162.63	Thừa Thiên Huế	3884	79A-576.55	Khánh Hòa
685	78A-222.13	Phú Yên	2285	75C-163.44	Thừa Thiên Huế	3885	79A-577.11	Khánh Hòa
686	78C-127.99	Phú Yên	2286	75D-009.77	Thừa Thiên Huế	3886	79A-577.57	Khánh Hòa
687	79A-572.99	Khánh Hòa	2287	75D-010.69	Thừa Thiên Huế	3887	79A-580.79	Khánh Hòa
688	79A-573.75	Khánh Hòa	2288	76A-332.39	Quảng Ngãi	3888	79A-581.81	Khánh Hòa
689	79A-574.44	Khánh Hòa	2289	76A-336.55	Quảng Ngãi	3889	79A-582.66	Khánh Hòa
690	79A-585.11	Khánh Hòa	2290	76D-012.89	Quảng Ngãi	3890	79A-588.22	Khánh Hòa
691	79A-586.55	Khánh Hòa	2291	77A-356.22	Bình Định	3891	79A-591.66	Khánh Hòa
692	79A-587.99	Khánh Hòa	2292	77A-359.77	Bình Định	3892	81A-461.44	Gia Lai
693	79A-591.91	Khánh Hòa	2293	77A-360.89	Bình Định	3893	81B-029.68	Gia Lai
694	79A-594.00	Khánh Hòa	2294	77A-363.22	Bình Định	3894	81C-289.33	Gia Lai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
695	79C-228.28	Khánh Hòa	2295	77A-366.69	Bình Định	3895	81C-291.29	Gia Lai
696	79D-011.89	Khánh Hòa	2296	77D-008.22	Bình Định	3896	81D-013.69	Gia Lai
697	81A-468.00	Gia Lai	2297	78B-021.88	Phú Yên	3897	82A-160.66	Kon Tum
698	81A-470.71	Gia Lai	2298	78C-129.79	Phú Yên	3898	82A-163.33	Kon Tum
699	81A-474.33	Gia Lai	2299	79A-570.86	Khánh Hòa	3899	82A-163.66	Kon Tum
700	81A-475.69	Gia Lai	2300	79A-578.11	Khánh Hòa	3900	82A-164.00	Kon Tum
701	81A-478.44	Gia Lai	2301	79A-582.82	Khánh Hòa	3901	82B-020.89	Kon Tum
702	81B-029.79	Gia Lai	2302	79A-588.77	Khánh Hòa	3902	82D-011.79	Kon Tum
703	81B-031.89	Gia Lai	2303	79B-045.55	Khánh Hòa	3903	82D-012.88	Kon Tum
704	81C-283.82	Gia Lai	2304	79B-046.47	Khánh Hòa	3904	82D-013.31	Kon Tum
705	81C-283.84	Gia Lai	2305	79C-227.99	Khánh Hòa	3905	83A-192.89	Sóc Trăng
706	82A-162.00	Kon Tum	2306	79C-231.00	Khánh Hòa	3906	83A-197.22	Sóc Trăng
707	82B-022.89	Kon Tum	2307	81A-460.46	Gia Lai	3907	83A-199.44	Sóc Trăng
708	82B-022.99	Kon Tum	2308	81A-465.56	Gia Lai	3908	84A-150.66	Trà Vinh
709	82B-023.20	Kon Tum	2309	81A-466.00	Gia Lai	3909	84C-128.29	Trà Vinh
710	82D-013.10	Kon Tum	2310	81A-474.55	Gia Lai	3910	85A-147.00	Ninh Thuận
711	83C-134.00	Sóc Trăng	2311	81A-474.99	Gia Lai	3911	85A-151.11	Ninh Thuận
712	83C-137.00	Sóc Trăng	2312	81B-029.11	Gia Lai	3912	85A-152.44	Ninh Thuận
713	83C-138.69	Sóc Trăng	2313	81C-285.69	Gia Lai	3913	85D-009.96	Ninh Thuận
714	84A-150.39	Trà Vinh	2314	81C-286.79	Gia Lai	3914	86A-320.23	Bình Thuận
715	84A-152.39	Trà Vinh	2315	81C-289.66	Gia Lai	3915	86A-320.44	Bình Thuận
716	84C-125.79	Trà Vinh	2316	81C-294.79	Gia Lai	3916	86A-327.33	Bình Thuận
717	84D-006.44	Trà Vinh	2317	81C-298.39	Gia Lai	3917	86A-328.29	Bình Thuận
718	84D-008.77	Trà Vinh	2318	81D-017.22	Gia Lai	3918	86A-329.88	Bình Thuận
719	85A-151.86	Ninh Thuận	2319	82A-160.69	Kon Tum	3919	86A-333.11	Bình Thuận
720	85A-153.35	Ninh Thuận	2320	82C-098.39	Kon Tum	3920	86A-333.77	Bình Thuận
721	85B-014.86	Ninh Thuận	2321	82D-013.44	Kon Tum	3921	86A-334.22	Bình Thuận
722	85C-086.55	Ninh Thuận	2322	83A-194.91	Sóc Trăng	3922	86B-027.22	Bình Thuận
723	85C-087.55	Ninh Thuận	2323	83A-195.22	Sóc Trăng	3923	86D-007.99	Bình Thuận
724	86A-330.99	Bình Thuận	2324	83B-024.89	Sóc Trăng	3924	88A-802.33	Vĩnh Phúc
725	86A-332.00	Bình Thuận	2325	83C-136.77	Sóc Trăng	3925	88A-810.39	Vĩnh Phúc
726	86B-025.33	Bình Thuận	2326	83C-137.22	Sóc Trăng	3926	88A-811.79	Vĩnh Phúc
727	86B-026.86	Bình Thuận	2327	84A-150.77	Trà Vinh	3927	88A-824.25	Vĩnh Phúc
728	86C-209.77	Bình Thuận	2328	84B-020.88	Trà Vinh	3928	88C-319.66	Vĩnh Phúc
729	88A-791.89	Vĩnh Phúc	2329	84D-005.77	Trà Vinh	3929	88C-320.22	Vĩnh Phúc
730	88A-793.00	Vĩnh Phúc	2330	84D-008.99	Trà Vinh	3930	88D-021.39	Vĩnh Phúc
731	88A-804.22	Vĩnh Phúc	2331	85A-150.79	Ninh Thuận	3931	88D-023.02	Vĩnh Phúc
732	88A-804.68	Vĩnh Phúc	2332	85A-152.11	Ninh Thuận	3932	89A-532.88	Hưng Yên
733	88A-806.86	Vĩnh Phúc	2333	85A-152.77	Ninh Thuận	3933	89A-536.53	Hưng Yên
734	88A-814.22	Vĩnh Phúc	2334	85C-088.44	Ninh Thuận	3934	89A-544.00	Hưng Yên
735	88A-816.89	Vĩnh Phúc	2335	86D-008.77	Bình Thuận	3935	89A-545.46	Hưng Yên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
736	88A-827.44	Vĩnh Phúc	2336	88A-800.22	Vĩnh Phúc	3936	89A-549.94	Hưng Yên
737	88C-313.11	Vĩnh Phúc	2337	88A-802.86	Vĩnh Phúc	3937	89A-552.86	Hưng Yên
738	88C-315.22	Vĩnh Phúc	2338	88A-804.69	Vĩnh Phúc	3938	89A-558.00	Hưng Yên
739	88C-316.99	Vĩnh Phúc	2339	88A-804.89	Vĩnh Phúc	3939	89A-558.79	Hưng Yên
740	89A-539.11	Hưng Yên	2340	88A-807.00	Vĩnh Phúc	3940	89A-558.85	Hưng Yên
741	89A-549.66	Hưng Yên	2341	88A-812.55	Vĩnh Phúc	3941	89A-559.00	Hưng Yên
742	89A-561.61	Hưng Yên	2342	88A-816.99	Vĩnh Phúc	3942	89C-359.66	Hưng Yên
743	89B-027.69	Hưng Yên	2343	88A-817.39	Vĩnh Phúc	3943	90A-287.82	Hà Nam
744	89C-349.33	Hưng Yên	2344	88B-024.24	Vĩnh Phúc	3944	90A-289.68	Hà Nam
745	89C-349.88	Hưng Yên	2345	88C-310.44	Vĩnh Phúc	3945	90A-290.44	Hà Nam
746	89C-349.89	Hưng Yên	2346	88D-021.33	Vĩnh Phúc	3946	90A-293.93	Hà Nam
747	89C-350.05	Hưng Yên	2347	89A-538.83	Hưng Yên	3947	90A-297.88	Hà Nam
748	89C-354.00	Hưng Yên	2348	89A-540.77	Hưng Yên	3948	90A-297.89	Hà Nam
749	89C-356.39	Hưng Yên	2349	89A-549.33	Hưng Yên	3949	90A-298.92	Hà Nam
750	90A-292.29	Hà Nam	2350	89A-549.89	Hưng Yên	3950	90A-301.39	Hà Nam
751	90A-294.44	Hà Nam	2351	89A-554.45	Hưng Yên	3951	90C-155.77	Hà Nam
752	90A-296.55	Hà Nam	2352	89A-559.39	Hưng Yên	3952	90C-157.99	Hà Nam
753	90A-298.29	Hà Nam	2353	89A-559.86	Hưng Yên	3953	90C-159.39	Hà Nam
754	90A-300.69	Hà Nam	2354	89A-559.95	Hưng Yên	3954	90D-010.86	Hà Nam
755	90B-015.01	Hà Nam	2355	89B-025.02	Hưng Yên	3955	90D-013.33	Hà Nam
756	90C-154.51	Hà Nam	2356	89C-351.52	Hưng Yên	3956	92A-437.99	Quảng Nam
757	90D-011.66	Hà Nam	2357	89C-356.35	Hưng Yên	3957	92A-440.55	Quảng Nam
758	90D-011.68	Hà Nam	2358	89C-356.68	Hưng Yên	3958	92C-262.86	Quảng Nam
759	92A-436.77	Quảng Nam	2359	89C-357.79	Hưng Yên	3959	92D-012.33	Quảng Nam
760	92C-258.59	Quảng Nam	2360	89C-358.53	Hưng Yên	3960	92D-013.79	Quảng Nam
761	92C-259.59	Quảng Nam	2361	90A-288.33	Hà Nam	3961	93A-512.44	Bình Phước
762	92D-012.00	Quảng Nam	2362	90A-290.29	Hà Nam	3962	93A-520.79	Bình Phước
763	93A-516.88	Bình Phước	2363	90A-294.68	Hà Nam	3963	93A-522.00	Bình Phước
764	93A-525.39	Bình Phước	2364	92A-438.89	Quảng Nam	3964	93C-203.66	Bình Phước
765	93B-022.44	Bình Phước	2365	92A-439.86	Quảng Nam	3965	93C-204.44	Bình Phước
766	93C-205.22	Bình Phước	2366	92A-441.00	Quảng Nam	3966	93D-007.44	Bình Phước
767	93D-009.39	Bình Phước	2367	92A-441.77	Quảng Nam	3967	94A-110.22	Bạc Liêu
768	94A-110.69	Bạc Liêu	2368	92A-443.43	Quảng Nam	3968	94A-111.89	Bạc Liêu
769	94C-085.86	Bạc Liêu	2369	92A-444.02	Quảng Nam	3969	94A-114.41	Bạc Liêu
770	94C-086.89	Bạc Liêu	2370	92C-258.00	Quảng Nam	3970	94C-085.33	Bạc Liêu
771	94D-006.39	Bạc Liêu	2371	92D-015.10	Quảng Nam	3971	94D-005.33	Bạc Liêu
772	94D-007.55	Bạc Liêu	2372	93A-505.44	Bình Phước	3972	94D-005.88	Bạc Liêu
773	94D-007.86	Bạc Liêu	2373	93A-513.77	Bình Phước	3973	95A-137.73	Hậu Giang
774	94D-007.89	Bạc Liêu	2374	93A-513.79	Bình Phước	3974	95A-137.89	Hậu Giang
775	95C-089.86	Hậu Giang	2375	93A-514.68	Bình Phước	3975	95B-016.77	Hậu Giang
776	95C-090.11	Hậu Giang	2376	93A-519.44	Bình Phước	3976	95B-019.10	Hậu Giang

141
 ĐNG
 ĐẦU G
 ỚP DÀ
 IẾT N
 XUÂN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
777	95C-092.29	Hậu Giang	2377	93A-523.77	Bình Phước	3977	97C-050.50	Bắc Kạn
778	97C-049.79	Bắc Kạn	2378	93C-204.22	Bình Phước	3978	97C-051.44	Bắc Kạn
779	98A-864.69	Bắc Giang	2379	93C-207.33	Bình Phước	3979	98A-862.33	Bắc Giang
780	98A-865.44	Bắc Giang	2380	93D-010.39	Bình Phước	3980	98A-864.39	Bắc Giang
781	98A-871.66	Bắc Giang	2381	94A-109.96	Bạc Liêu	3981	98A-866.44	Bắc Giang
782	98A-885.00	Bắc Giang	2382	94A-111.56	Bạc Liêu	3982	98A-873.74	Bắc Giang
783	98A-891.55	Bắc Giang	2383	94A-113.39	Bạc Liêu	3983	98A-876.76	Bắc Giang
784	98A-894.89	Bắc Giang	2384	94B-016.00	Bạc Liêu	3984	98A-880.00	Bắc Giang
785	98A-895.88	Bắc Giang	2385	94B-018.01	Bạc Liêu	3985	98A-889.00	Bắc Giang
786	98A-900.69	Bắc Giang	2386	94D-006.55	Bạc Liêu	3986	98A-890.44	Bắc Giang
787	98A-900.88	Bắc Giang	2387	95A-143.77	Hậu Giang	3987	98A-893.66	Bắc Giang
788	98A-904.77	Bắc Giang	2388	95B-018.77	Hậu Giang	3988	98A-899.55	Bắc Giang
789	98C-377.00	Bắc Giang	2389	95D-025.79	Hậu Giang	3989	98B-044.99	Bắc Giang
790	98C-380.83	Bắc Giang	2390	97A-096.68	Bắc Kạn	3990	98B-047.44	Bắc Giang
791	98C-384.88	Bắc Giang	2391	97B-017.86	Bắc Kạn	3991	98C-376.39	Bắc Giang
792	98C-397.11	Bắc Giang	2392	97C-052.22	Bắc Kạn	3992	98C-396.79	Bắc Giang
793	98D-023.55	Bắc Giang	2393	97D-009.66	Bắc Kạn	3993	98D-022.02	Bắc Giang
794	99A-852.58	Bắc Ninh	2394	98A-858.99	Bắc Giang	3994	99A-852.44	Bắc Ninh
795	99A-853.35	Bắc Ninh	2395	98A-863.69	Bắc Giang	3995	99A-853.39	Bắc Ninh
796	99A-856.22	Bắc Ninh	2396	98A-865.00	Bắc Giang	3996	99A-859.44	Bắc Ninh
797	99A-862.77	Bắc Ninh	2397	98A-870.87	Bắc Giang	3997	99A-861.22	Bắc Ninh
798	99A-867.76	Bắc Ninh	2398	98A-871.78	Bắc Giang	3998	99A-861.61	Bắc Ninh
799	99A-872.33	Bắc Ninh	2399	98A-876.69	Bắc Giang	3999	99A-863.00	Bắc Ninh
800	99A-873.39	Bắc Ninh	2400	98A-889.33	Bắc Giang	4000	99A-863.66	Bắc Ninh
801	99A-874.99	Bắc Ninh	2401	98A-890.33	Bắc Giang	4001	99A-864.39	Bắc Ninh
802	99A-876.00	Bắc Ninh	2402	98A-892.33	Bắc Giang	4002	99A-875.76	Bắc Ninh
803	99A-884.22	Bắc Ninh	2403	98C-388.11	Bắc Giang	4003	99A-882.66	Bắc Ninh
804	99A-886.00	Bắc Ninh	2404	98C-389.00	Bắc Giang	4004	99A-888.35	Bắc Ninh
805	99A-888.14	Bắc Ninh	2405	98D-021.00	Bắc Giang	4005	99A-890.44	Bắc Ninh
806	99B-030.39	Bắc Ninh	2406	99A-854.68	Bắc Ninh	4006	99A-893.11	Bắc Ninh
807	99B-030.77	Bắc Ninh	2407	99A-859.55	Bắc Ninh	4007	99A-895.44	Bắc Ninh
808	99B-031.69	Bắc Ninh	2408	99A-863.99	Bắc Ninh	4008	99C-330.03	Bắc Ninh
809	99C-333.19	Bắc Ninh	2409	99A-890.55	Bắc Ninh	4009	99C-333.55	Bắc Ninh
810	99C-335.86	Bắc Ninh	2410	99A-894.69	Bắc Ninh	4010	99C-337.33	Bắc Ninh
811	99C-342.89	Bắc Ninh	2411	99B-031.33	Bắc Ninh	4011	99C-339.69	Bắc Ninh
812	99D-026.00	Bắc Ninh	2412	99C-333.25	Bắc Ninh	4012	99C-342.34	Bắc Ninh
813	99D-026.39	Bắc Ninh	2413	99C-333.77	Bắc Ninh	4013	99C-344.99	Bắc Ninh
814	11D-009.06	Cao Bằng	2414	11A-141.35	Cao Bằng	4014	11A-141.19	Cao Bằng
815	11D-012.08	Cao Bằng	2415	11B-015.96	Cao Bằng	4015	11C-089.28	Cao Bằng
816	12A-263.25	Lạng Sơn	2416	11C-087.98	Cao Bằng	4016	11D-010.08	Cao Bằng
817	12A-265.19	Lạng Sơn	2417	11D-011.15	Cao Bằng	4017	11D-010.56	Cao Bằng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
818	12A-267.29	Lạng Sơn	2418	12A-271.96	Lạng Sơn	4018	11D-010.98	Cao Bằng
819	12A-269.35	Lạng Sơn	2419	12B-016.06	Lạng Sơn	4019	11D-012.83	Cao Bằng
820	12B-016.59	Lạng Sơn	2420	12B-016.96	Lạng Sơn	4020	12A-267.36	Lạng Sơn
821	12B-017.65	Lạng Sơn	2421	12D-008.98	Lạng Sơn	4021	12A-272.58	Lạng Sơn
822	12C-145.25	Lạng Sơn	2422	12D-010.18	Lạng Sơn	4022	12B-018.09	Lạng Sơn
823	12D-008.58	Lạng Sơn	2423	12D-010.65	Lạng Sơn	4023	12B-019.25	Lạng Sơn
824	14A-990.36	Quảng Ninh	2424	12D-010.85	Lạng Sơn	4024	12B-019.35	Lạng Sơn
825	14B-056.08	Quảng Ninh	2425	14A-993.25	Quảng Ninh	4025	12C-145.09	Lạng Sơn
826	14B-056.38	Quảng Ninh	2426	14A-996.16	Quảng Ninh	4026	12D-008.25	Lạng Sơn
827	14C-450.65	Quảng Ninh	2427	14A-996.29	Quảng Ninh	4027	14A-994.29	Quảng Ninh
828	14C-461.18	Quảng Ninh	2428	14B-053.29	Quảng Ninh	4028	14B-055.06	Quảng Ninh
829	14C-464.15	Quảng Ninh	2429	14C-458.36	Quảng Ninh	4029	14C-463.38	Quảng Ninh
830	14C-468.56	Quảng Ninh	2430	14C-460.83	Quảng Ninh	4030	14D-032.08	Quảng Ninh
831	14C-471.36	Quảng Ninh	2431	14C-470.08	Quảng Ninh	4031	14D-032.09	Quảng Ninh
832	14K-002.26	Quảng Ninh	2432	14K-007.65	Quảng Ninh	4032	14K-000.65	Quảng Ninh
833	14K-004.16	Quảng Ninh	2433	14K-013.18	Quảng Ninh	4033	14K-003.63	Quảng Ninh
834	14K-005.38	Quảng Ninh	2434	14K-013.38	Quảng Ninh	4034	14K-005.28	Quảng Ninh
835	14K-016.58	Quảng Ninh	2435	14K-015.26	Quảng Ninh	4035	14K-005.98	Quảng Ninh
836	14K-024.15	Quảng Ninh	2436	14K-019.16	Quảng Ninh	4036	14K-006.98	Quảng Ninh
837	15C-481.19	Hải Phòng	2437	14K-021.28	Quảng Ninh	4037	14K-017.29	Quảng Ninh
838	15C-481.83	Hải Phòng	2438	14K-022.26	Quảng Ninh	4038	14K-017.38	Quảng Ninh
839	15C-482.16	Hải Phòng	2439	14K-031.83	Quảng Ninh	4039	14K-022.25	Quảng Ninh
840	15C-487.85	Hải Phòng	2440	14K-042.85	Quảng Ninh	4040	14K-025.65	Quảng Ninh
841	15C-491.28	Hải Phòng	2441	14K-043.26	Quảng Ninh	4041	14K-031.09	Quảng Ninh
842	15C-493.19	Hải Phòng	2442	15C-485.59	Hải Phòng	4042	14K-049.18	Quảng Ninh
843	15D-053.19	Hải Phòng	2443	15C-489.36	Hải Phòng	4043	15C-487.36	Hải Phòng
844	15K-441.06	Hải Phòng	2444	15C-490.85	Hải Phòng	4044	15C-491.18	Hải Phòng
845	15K-452.56	Hải Phòng	2445	15C-491.29	Hải Phòng	4045	15C-492.95	Hải Phòng
846	15K-455.16	Hải Phòng	2446	15C-493.09	Hải Phòng	4046	15C-495.58	Hải Phòng
847	15K-455.28	Hải Phòng	2447	15C-496.56	Hải Phòng	4047	15C-496.19	Hải Phòng
848	15K-458.19	Hải Phòng	2448	15D-053.58	Hải Phòng	4048	15D-054.18	Hải Phòng
849	15K-458.83	Hải Phòng	2449	15K-428.98	Hải Phòng	4049	15K-426.28	Hải Phòng
850	15K-474.06	Hải Phòng	2450	15K-432.56	Hải Phòng	4050	15K-431.19	Hải Phòng
851	15K-475.08	Hải Phòng	2451	15K-434.16	Hải Phòng	4051	15K-433.63	Hải Phòng
852	15K-478.59	Hải Phòng	2452	15K-444.83	Hải Phòng	4052	15K-434.96	Hải Phòng
853	15K-480.56	Hải Phòng	2453	15K-448.65	Hải Phòng	4053	15K-434.98	Hải Phòng
854	15K-487.28	Hải Phòng	2454	15K-450.95	Hải Phòng	4054	15K-436.29	Hải Phòng
855	15K-491.35	Hải Phòng	2455	15K-460.98	Hải Phòng	4055	15K-437.28	Hải Phòng
856	15K-497.15	Hải Phòng	2456	15K-468.96	Hải Phòng	4056	15K-443.63	Hải Phòng
857	17A-493.18	Thái Bình	2457	15K-472.56	Hải Phòng	4057	15K-453.59	Hải Phòng
858	17A-493.38	Thái Bình	2458	15K-477.36	Hải Phòng	4058	15K-456.59	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
859	17A-495.06	Thái Bình	2459	15K-490.65	Hải Phòng	4059	15K-463.25	Hải Phòng
860	17A-498.65	Thái Bình	2460	15K-501.36	Hải Phòng	4060	15K-465.18	Hải Phòng
861	17A-506.19	Thái Bình	2461	15K-504.65	Hải Phòng	4061	15K-466.15	Hải Phòng
862	17A-507.58	Thái Bình	2462	15K-505.85	Hải Phòng	4062	15K-469.18	Hải Phòng
863	17C-216.18	Thái Bình	2463	17A-493.26	Thái Bình	4063	15K-474.65	Hải Phòng
864	17C-217.83	Thái Bình	2464	17A-493.95	Thái Bình	4064	15K-475.18	Hải Phòng
865	17C-219.56	Thái Bình	2465	17A-496.25	Thái Bình	4065	15K-504.63	Hải Phòng
866	17C-221.59	Thái Bình	2466	17A-498.16	Thái Bình	4066	15K-507.06	Hải Phòng
867	17C-223.26	Thái Bình	2467	17A-498.19	Thái Bình	4067	15K-511.96	Hải Phòng
868	18A-491.26	Nam Định	2468	17A-499.16	Thái Bình	4068	17A-498.29	Thái Bình
869	18A-493.58	Nam Định	2469	17A-501.15	Thái Bình	4069	17A-498.83	Thái Bình
870	18A-496.29	Nam Định	2470	17A-502.56	Thái Bình	4070	17A-506.28	Thái Bình
871	18A-496.65	Nam Định	2471	17A-512.98	Thái Bình	4071	17B-029.98	Thái Bình
872	18A-509.29	Nam Định	2472	17A-513.26	Thái Bình	4072	17C-217.58	Thái Bình
873	18A-509.38	Nam Định	2473	17B-030.58	Thái Bình	4073	17D-015.56	Thái Bình
874	18C-182.35	Nam Định	2474	17C-223.29	Thái Bình	4074	17D-015.95	Thái Bình
875	18D-016.18	Nam Định	2475	17C-223.63	Thái Bình	4075	18A-494.63	Nam Định
876	19A-715.65	Phú Thọ	2476	17D-014.59	Thái Bình	4076	18A-498.09	Nam Định
877	19A-716.18	Phú Thọ	2477	17D-014.83	Thái Bình	4077	18A-500.09	Nam Định
878	19A-719.09	Phú Thọ	2478	18A-491.28	Nam Định	4078	18A-504.26	Nam Định
879	19A-722.59	Phú Thọ	2479	18A-503.06	Nam Định	4079	18A-510.35	Nam Định
880	19A-723.09	Phú Thọ	2480	18A-510.06	Nam Định	4080	18A-511.25	Nam Định
881	19A-723.65	Phú Thọ	2481	18A-512.63	Nam Định	4081	18C-179.63	Nam Định
882	19A-725.59	Phú Thọ	2482	18B-031.06	Nam Định	4082	18D-016.15	Nam Định
883	19A-730.59	Phú Thọ	2483	18C-180.26	Nam Định	4083	19A-716.06	Phú Thọ
884	19A-732.18	Phú Thọ	2484	18C-180.36	Nam Định	4084	19A-717.56	Phú Thọ
885	19A-736.19	Phú Thọ	2485	18D-015.08	Nam Định	4085	19A-720.19	Phú Thọ
886	19A-736.25	Phú Thọ	2486	18D-018.16	Nam Định	4086	19A-721.65	Phú Thọ
887	19A-737.16	Phú Thọ	2487	19A-723.85	Phú Thọ	4087	19A-723.95	Phú Thọ
888	19A-738.25	Phú Thọ	2488	19A-725.65	Phú Thọ	4088	19A-725.15	Phú Thọ
889	19A-740.98	Phú Thọ	2489	19A-735.59	Phú Thọ	4089	19A-726.19	Phú Thọ
890	19A-742.38	Phú Thọ	2490	19A-738.15	Phú Thọ	4090	19A-734.29	Phú Thọ
891	19A-743.08	Phú Thọ	2491	19A-741.26	Phú Thọ	4091	19A-735.09	Phú Thọ
892	19A-747.65	Phú Thọ	2492	19A-750.09	Phú Thọ	4092	19A-742.08	Phú Thọ
893	19A-748.63	Phú Thọ	2493	19A-756.36	Phú Thọ	4093	19A-745.16	Phú Thọ
894	19A-750.06	Phú Thọ	2494	19A-757.09	Phú Thọ	4094	19A-749.35	Phú Thọ
895	19A-751.28	Phú Thọ	2495	19C-270.59	Phú Thọ	4095	19A-749.56	Phú Thọ
896	19C-265.58	Phú Thọ	2496	19C-271.29	Phú Thọ	4096	19A-749.58	Phú Thọ
897	19C-266.06	Phú Thọ	2497	19C-272.56	Phú Thọ	4097	19A-752.96	Phú Thọ
898	19C-270.56	Phú Thọ	2498	19C-273.18	Phú Thọ	4098	19B-028.15	Phú Thọ
899	19C-273.98	Phú Thọ	2499	19C-274.36	Phú Thọ	4099	19C-273.36	Phú Thọ

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
900	19D-019.25	Phú Thọ	2500	19D-019.36	Phú Thọ	4100	19C-276.83	Phú Thọ
901	19D-020.95	Phú Thọ	2501	19D-022.58	Phú Thọ	4101	19C-279.98	Phú Thọ
902	20A-869.18	Thái Nguyên	2502	20A-862.29	Thái Nguyên	4102	20A-865.06	Thái Nguyên
903	20A-881.96	Thái Nguyên	2503	20A-864.29	Thái Nguyên	4103	20A-887.63	Thái Nguyên
904	20A-886.35	Thái Nguyên	2504	20A-871.98	Thái Nguyên	4104	20A-888.65	Thái Nguyên
905	20A-887.35	Thái Nguyên	2505	20A-876.85	Thái Nguyên	4105	20A-890.38	Thái Nguyên
906	20A-891.95	Thái Nguyên	2506	20A-877.16	Thái Nguyên	4106	20A-897.06	Thái Nguyên
907	20B-035.58	Thái Nguyên	2507	20A-880.06	Thái Nguyên	4107	20A-898.25	Thái Nguyên
908	20C-314.59	Thái Nguyên	2508	20A-880.28	Thái Nguyên	4108	20A-898.29	Thái Nguyên
909	20C-316.19	Thái Nguyên	2509	20A-881.65	Thái Nguyên	4109	20A-902.06	Thái Nguyên
910	20C-321.56	Thái Nguyên	2510	20A-885.29	Thái Nguyên	4110	20B-035.83	Thái Nguyên
911	20C-323.38	Thái Nguyên	2511	20A-886.59	Thái Nguyên	4111	20C-310.38	Thái Nguyên
912	21A-224.19	Yên Bái	2512	20A-896.19	Thái Nguyên	4112	20C-314.38	Thái Nguyên
913	21A-230.15	Yên Bái	2513	20A-902.56	Thái Nguyên	4113	20C-319.83	Thái Nguyên
914	21A-230.98	Yên Bái	2514	20A-902.85	Thái Nguyên	4114	21A-231.09	Yên Bái
915	21C-113.19	Yên Bái	2515	20A-903.83	Thái Nguyên	4115	21B-014.16	Yên Bái
916	22A-269.95	Tuyên Quang	2516	20B-037.95	Thái Nguyên	4116	21C-113.09	Yên Bái
917	22A-273.98	Tuyên Quang	2517	20C-312.65	Thái Nguyên	4117	22A-271.83	Tuyên Quang
918	22A-275.19	Tuyên Quang	2518	21A-225.98	Yên Bái	4118	22A-273.26	Tuyên Quang
919	22A-280.26	Tuyên Quang	2519	21A-231.16	Yên Bái	4119	22A-280.15	Tuyên Quang
920	22B-019.26	Tuyên Quang	2520	21A-232.83	Yên Bái	4120	22B-017.25	Tuyên Quang
921	22C-112.63	Tuyên Quang	2521	21B-013.28	Yên Bái	4121	22C-118.25	Tuyên Quang
922	22C-115.38	Tuyên Quang	2522	21C-112.29	Yên Bái	4122	22D-011.85	Tuyên Quang
923	23A-164.26	Hà Giang	2523	21C-115.19	Yên Bái	4123	23B-012.98	Hà Giang
924	23A-166.28	Hà Giang	2524	22A-282.15	Tuyên Quang	4124	23C-091.29	Hà Giang
925	23C-092.65	Hà Giang	2525	22C-116.28	Tuyên Quang	4125	24A-322.06	Lào Cai
926	24B-021.95	Lào Cai	2526	22D-010.56	Tuyên Quang	4126	24B-022.09	Lào Cai
927	24D-013.28	Lào Cai	2527	23A-170.16	Hà Giang	4127	24C-166.28	Lào Cai
928	25A-087.36	Lai Châu	2528	23C-091.08	Hà Giang	4128	24C-166.85	Lào Cai
929	25A-088.56	Lai Châu	2529	23C-092.18	Hà Giang	4129	24C-169.36	Lào Cai
930	26A-235.65	Sơn La	2530	23D-010.58	Hà Giang	4130	24C-172.09	Lào Cai
931	26A-240.85	Sơn La	2531	24A-316.38	Lào Cai	4131	24D-011.85	Lào Cai
932	26B-021.56	Sơn La	2532	24B-021.15	Lào Cai	4132	25C-063.15	Lai Châu
933	26C-165.36	Sơn La	2533	24B-022.65	Lào Cai	4133	26A-244.25	Sơn La
934	26D-016.26	Sơn La	2534	25A-085.06	Lai Châu	4134	27A-131.35	Điện Biên
935	27A-133.85	Điện Biên	2535	25A-087.98	Lai Châu	4135	27B-016.25	Điện Biên
936	27A-134.58	Điện Biên	2536	25B-010.16	Lai Châu	4136	27C-074.63	Điện Biên
937	27D-007.59	Điện Biên	2537	25D-007.15	Lai Châu	4137	28A-263.06	Hòa Bình
938	27D-009.06	Điện Biên	2538	26B-020.85	Sơn La	4138	28A-263.56	Hòa Bình
939	28A-263.16	Hòa Bình	2539	26C-163.65	Sơn La	4139	28A-268.58	Hòa Bình
940	28A-263.19	Hòa Bình	2540	26C-163.83	Sơn La	4140	28A-269.06	Hòa Bình

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
941	28C-126.25	Hòa Bình	2541	26C-168.06	Sơn La	4141	28B-018.58	Hòa Bình
942	28D-013.65	Hòa Bình	2542	26D-016.35	Sơn La	4142	28B-019.35	Hòa Bình
943	29B-659.83	Hà Nội	2543	27A-131.56	Điện Biên	4143	28C-124.95	Hòa Bình
944	29D-628.35	Hà Nội	2544	27A-132.19	Điện Biên	4144	28C-125.36	Hòa Bình
945	29D-632.09	Hà Nội	2545	27C-077.19	Điện Biên	4145	29D-636.59	Hà Nội
946	29D-635.28	Hà Nội	2546	27C-077.56	Điện Biên	4146	29D-639.15	Hà Nội
947	29K-326.83	Hà Nội	2547	27D-010.85	Điện Biên	4147	29D-639.28	Hà Nội
948	29K-337.08	Hà Nội	2548	28A-261.98	Hòa Bình	4148	29D-639.29	Hà Nội
949	29K-339.19	Hà Nội	2549	28A-263.35	Hòa Bình	4149	29K-329.35	Hà Nội
950	29K-343.59	Hà Nội	2550	28A-264.08	Hòa Bình	4150	29K-332.18	Hà Nội
951	29K-343.98	Hà Nội	2551	28A-264.25	Hòa Bình	4151	29K-338.95	Hà Nội
952	29K-345.25	Hà Nội	2552	28A-264.63	Hòa Bình	4152	29K-339.85	Hà Nội
953	29K-351.36	Hà Nội	2553	28A-268.59	Hòa Bình	4153	29K-343.15	Hà Nội
954	29K-353.06	Hà Nội	2554	28B-018.56	Hòa Bình	4154	29K-346.06	Hà Nội
955	29K-361.28	Hà Nội	2555	28B-021.06	Hòa Bình	4155	29K-365.59	Hà Nội
956	29K-369.18	Hà Nội	2556	29B-659.26	Hà Nội	4156	29K-373.85	Hà Nội
957	29K-375.09	Hà Nội	2557	29K-327.35	Hà Nội	4157	29K-374.63	Hà Nội
958	29K-389.85	Hà Nội	2558	29K-331.95	Hà Nội	4158	29K-380.59	Hà Nội
959	29K-405.25	Hà Nội	2559	29K-337.65	Hà Nội	4159	29K-389.26	Hà Nội
960	29K-420.63	Hà Nội	2560	29K-342.28	Hà Nội	4160	29K-400.28	Hà Nội
961	29K-422.38	Hà Nội	2561	29K-350.96	Hà Nội	4161	29K-402.09	Hà Nội
962	29K-423.09	Hà Nội	2562	29K-357.38	Hà Nội	4162	29K-406.36	Hà Nội
963	29K-425.56	Hà Nội	2563	29K-358.26	Hà Nội	4163	29K-413.83	Hà Nội
964	29K-426.16	Hà Nội	2564	29K-366.95	Hà Nội	4164	29K-418.65	Hà Nội
965	29K-430.06	Hà Nội	2565	29K-371.06	Hà Nội	4165	29K-427.83	Hà Nội
966	29K-433.58	Hà Nội	2566	29K-380.96	Hà Nội	4166	29K-428.16	Hà Nội
967	29K-438.35	Hà Nội	2567	29K-385.35	Hà Nội	4167	29K-432.65	Hà Nội
968	29K-445.18	Hà Nội	2568	29K-388.36	Hà Nội	4168	29K-433.96	Hà Nội
969	29K-447.36	Hà Nội	2569	29K-407.06	Hà Nội	4169	29K-439.08	Hà Nội
970	29K-455.65	Hà Nội	2570	29K-413.25	Hà Nội	4170	29K-442.19	Hà Nội
971	29K-465.16	Hà Nội	2571	29K-427.19	Hà Nội	4171	29K-448.28	Hà Nội
972	29K-467.59	Hà Nội	2572	29K-429.63	Hà Nội	4172	29K-450.19	Hà Nội
973	29K-471.08	Hà Nội	2573	29K-430.18	Hà Nội	4173	29K-453.28	Hà Nội
974	29K-471.35	Hà Nội	2574	29K-433.29	Hà Nội	4174	30M-031.08	Hà Nội
975	29K-474.56	Hà Nội	2575	29K-448.98	Hà Nội	4175	30M-032.09	Hà Nội
976	30M-042.15	Hà Nội	2576	29K-450.85	Hà Nội	4176	30M-038.29	Hà Nội
977	30M-046.36	Hà Nội	2577	29K-453.56	Hà Nội	4177	30M-043.36	Hà Nội
978	30M-047.18	Hà Nội	2578	29K-454.06	Hà Nội	4178	30M-051.29	Hà Nội
979	30M-050.36	Hà Nội	2579	29K-456.25	Hà Nội	4179	30M-067.19	Hà Nội
980	30M-052.08	Hà Nội	2580	29K-456.28	Hà Nội	4180	30M-067.29	Hà Nội
981	30M-061.19	Hà Nội	2581	29K-468.59	Hà Nội	4181	30M-067.59	Hà Nội

GY
IA
NH
AM
-T.P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
982	30M-066.36	Hà Nội	2582	29K-469.09	Hà Nội	4182	30M-075.36	Hà Nội
983	30M-069.35	Hà Nội	2583	29K-471.56	Hà Nội	4183	30M-087.59	Hà Nội
984	30M-075.95	Hà Nội	2584	30M-040.56	Hà Nội	4184	30M-102.56	Hà Nội
985	30M-076.83	Hà Nội	2585	30M-054.29	Hà Nội	4185	30M-103.18	Hà Nội
986	30M-078.16	Hà Nội	2586	30M-054.58	Hà Nội	4186	30M-112.95	Hà Nội
987	30M-079.63	Hà Nội	2587	30M-067.35	Hà Nội	4187	30M-113.09	Hà Nội
988	30M-079.83	Hà Nội	2588	30M-074.15	Hà Nội	4188	30M-113.29	Hà Nội
989	30M-082.36	Hà Nội	2589	30M-076.63	Hà Nội	4189	30M-115.65	Hà Nội
990	30M-087.85	Hà Nội	2590	30M-079.19	Hà Nội	4190	30M-129.08	Hà Nội
991	30M-087.96	Hà Nội	2591	30M-082.09	Hà Nội	4191	30M-129.63	Hà Nội
992	30M-088.95	Hà Nội	2592	30M-088.19	Hà Nội	4192	30M-132.38	Hà Nội
993	30M-095.36	Hà Nội	2593	30M-091.65	Hà Nội	4193	30M-134.15	Hà Nội
994	30M-098.36	Hà Nội	2594	30M-091.83	Hà Nội	4194	30M-134.58	Hà Nội
995	30M-106.35	Hà Nội	2595	30M-099.38	Hà Nội	4195	30M-143.65	Hà Nội
996	30M-112.36	Hà Nội	2596	30M-106.28	Hà Nội	4196	30M-151.16	Hà Nội
997	30M-119.29	Hà Nội	2597	30M-106.63	Hà Nội	4197	30M-159.63	Hà Nội
998	30M-121.96	Hà Nội	2598	30M-114.36	Hà Nội	4198	30M-161.36	Hà Nội
999	30M-128.98	Hà Nội	2599	30M-115.29	Hà Nội	4199	30M-194.65	Hà Nội
1000	30M-130.16	Hà Nội	2600	30M-132.59	Hà Nội	4200	30M-206.59	Hà Nội
1001	30M-147.35	Hà Nội	2601	30M-132.98	Hà Nội	4201	30M-215.25	Hà Nội
1002	30M-153.96	Hà Nội	2602	30M-133.35	Hà Nội	4202	30M-232.15	Hà Nội
1003	30M-153.98	Hà Nội	2603	30M-139.18	Hà Nội	4203	30M-234.38	Hà Nội
1004	30M-183.08	Hà Nội	2604	30M-145.08	Hà Nội	4204	30M-245.18	Hà Nội
1005	30M-197.56	Hà Nội	2605	30M-155.36	Hà Nội	4205	30M-247.15	Hà Nội
1006	30M-197.58	Hà Nội	2606	30M-156.83	Hà Nội	4206	30M-248.59	Hà Nội
1007	30M-197.85	Hà Nội	2607	30M-158.26	Hà Nội	4207	30M-259.58	Hà Nội
1008	30M-202.08	Hà Nội	2608	30M-158.95	Hà Nội	4208	30M-264.15	Hà Nội
1009	30M-206.83	Hà Nội	2609	30M-164.25	Hà Nội	4209	30M-270.09	Hà Nội
1010	30M-209.08	Hà Nội	2610	30M-171.28	Hà Nội	4210	30M-271.59	Hà Nội
1011	30M-211.38	Hà Nội	2611	30M-175.38	Hà Nội	4211	30M-273.06	Hà Nội
1012	30M-213.63	Hà Nội	2612	30M-181.25	Hà Nội	4212	30M-290.08	Hà Nội
1013	30M-224.36	Hà Nội	2613	30M-185.38	Hà Nội	4213	30M-290.38	Hà Nội
1014	30M-225.59	Hà Nội	2614	30M-198.56	Hà Nội	4214	30M-299.08	Hà Nội
1015	30M-227.29	Hà Nội	2615	30M-199.06	Hà Nội	4215	30M-311.09	Hà Nội
1016	30M-234.59	Hà Nội	2616	30M-200.09	Hà Nội	4216	30M-311.63	Hà Nội
1017	30M-248.25	Hà Nội	2617	30M-201.58	Hà Nội	4217	30M-312.08	Hà Nội
1018	30M-261.29	Hà Nội	2618	30M-206.19	Hà Nội	4218	30M-324.56	Hà Nội
1019	30M-265.06	Hà Nội	2619	30M-207.06	Hà Nội	4219	30M-336.16	Hà Nội
1020	30M-269.65	Hà Nội	2620	30M-214.29	Hà Nội	4220	30M-336.19	Hà Nội
1021	30M-270.95	Hà Nội	2621	30M-227.06	Hà Nội	4221	30M-337.28	Hà Nội
1022	30M-275.08	Hà Nội	2622	30M-231.06	Hà Nội	4222	30M-341.36	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1023	30M-280.36	Hà Nội	2623	30M-239.09	Hà Nội	4223	30M-346.63	Hà Nội
1024	30M-281.35	Hà Nội	2624	30M-239.56	Hà Nội	4224	30M-351.19	Hà Nội
1025	30M-282.96	Hà Nội	2625	30M-242.19	Hà Nội	4225	30M-354.26	Hà Nội
1026	30M-283.36	Hà Nội	2626	30M-243.95	Hà Nội	4226	30M-358.18	Hà Nội
1027	30M-286.83	Hà Nội	2627	30M-250.19	Hà Nội	4227	30M-359.16	Hà Nội
1028	30M-286.85	Hà Nội	2628	30M-255.16	Hà Nội	4228	30M-374.29	Hà Nội
1029	30M-292.15	Hà Nội	2629	30M-256.26	Hà Nội	4229	30M-377.65	Hà Nội
1030	30M-301.09	Hà Nội	2630	30M-258.09	Hà Nội	4230	30M-378.38	Hà Nội
1031	30M-315.59	Hà Nội	2631	30M-269.06	Hà Nội	4231	30M-381.85	Hà Nội
1032	30M-324.19	Hà Nội	2632	30M-269.63	Hà Nội	4232	30M-395.35	Hà Nội
1033	30M-325.85	Hà Nội	2633	30M-297.25	Hà Nội	4233	30M-397.29	Hà Nội
1034	30M-336.26	Hà Nội	2634	30M-297.26	Hà Nội	4234	30M-399.16	Hà Nội
1035	30M-344.98	Hà Nội	2635	30M-300.09	Hà Nội	4235	30M-405.95	Hà Nội
1036	30M-347.06	Hà Nội	2636	30M-306.26	Hà Nội	4236	30M-409.18	Hà Nội
1037	30M-353.59	Hà Nội	2637	30M-307.96	Hà Nội	4237	30M-417.63	Hà Nội
1038	30M-356.08	Hà Nội	2638	30M-310.18	Hà Nội	4238	34A-923.26	Hải Dương
1039	30M-357.25	Hà Nội	2639	30M-322.25	Hà Nội	4239	34A-930.15	Hải Dương
1040	30M-358.16	Hà Nội	2640	30M-322.26	Hà Nội	4240	34A-931.18	Hải Dương
1041	30M-362.29	Hà Nội	2641	30M-324.96	Hà Nội	4241	34A-941.15	Hải Dương
1042	30M-362.58	Hà Nội	2642	30M-345.96	Hà Nội	4242	34A-945.18	Hải Dương
1043	30M-365.19	Hà Nội	2643	30M-360.08	Hà Nội	4243	34A-946.59	Hải Dương
1044	30M-366.83	Hà Nội	2644	30M-361.95	Hà Nội	4244	34A-954.85	Hải Dương
1045	30M-385.59	Hà Nội	2645	30M-364.35	Hà Nội	4245	34A-955.85	Hải Dương
1046	30M-386.56	Hà Nội	2646	30M-364.96	Hà Nội	4246	34A-956.58	Hải Dương
1047	30M-395.85	Hà Nội	2647	30M-367.95	Hà Nội	4247	34A-968.25	Hải Dương
1048	30M-404.25	Hà Nội	2648	30M-370.83	Hà Nội	4248	34C-438.18	Hải Dương
1049	30M-406.59	Hà Nội	2649	30M-370.85	Hà Nội	4249	34C-439.38	Hải Dương
1050	30M-411.83	Hà Nội	2650	30M-395.06	Hà Nội	4250	34C-452.85	Hải Dương
1051	30M-420.96	Hà Nội	2651	30M-408.18	Hà Nội	4251	34D-040.08	Hải Dương
1052	34A-924.19	Hải Dương	2652	30M-413.95	Hà Nội	4252	34D-041.28	Hải Dương
1053	34A-925.58	Hải Dương	2653	30M-421.95	Hà Nội	4253	35A-464.83	Ninh Bình
1054	34A-928.19	Hải Dương	2654	34A-919.65	Hải Dương	4254	35A-473.59	Ninh Bình
1055	34A-932.98	Hải Dương	2655	34A-923.38	Hải Dương	4255	36C-551.06	Thanh Hóa
1056	34A-933.15	Hải Dương	2656	34A-924.08	Hải Dương	4256	36C-558.18	Thanh Hóa
1057	34A-936.83	Hải Dương	2657	34A-931.58	Hải Dương	4257	36C-558.65	Thanh Hóa
1058	34A-941.18	Hải Dương	2658	34A-935.06	Hải Dương	4258	36C-560.38	Thanh Hóa
1059	34A-943.85	Hải Dương	2659	34A-944.09	Hải Dương	4259	36C-562.36	Thanh Hóa
1060	34A-945.06	Hải Dương	2660	34A-944.98	Hải Dương	4260	36C-563.19	Thanh Hóa
1061	34A-951.63	Hải Dương	2661	34A-952.16	Hải Dương	4261	36C-565.08	Thanh Hóa
1062	34A-954.58	Hải Dương	2662	34A-959.63	Hải Dương	4262	36C-571.85	Thanh Hóa
1063	34A-971.63	Hải Dương	2663	34A-959.65	Hải Dương	4263	36C-572.08	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1064	34A-972.16	Hải Dương	2664	34A-971.65	Hải Dương	4264	36D-030.29	Thanh Hóa
1065	34A-976.65	Hải Dương	2665	34B-046.08	Hải Dương	4265	36K-232.15	Thanh Hóa
1066	34C-433.58	Hải Dương	2666	34C-446.96	Hải Dương	4266	36K-233.08	Thanh Hóa
1067	34C-442.15	Hải Dương	2667	34D-040.35	Hải Dương	4267	36K-239.19	Thanh Hóa
1068	34C-443.25	Hải Dương	2668	34D-041.58	Hải Dương	4268	36K-241.26	Thanh Hóa
1069	34C-445.29	Hải Dương	2669	34D-041.65	Hải Dương	4269	36K-242.35	Thanh Hóa
1070	34C-448.15	Hải Dương	2670	35A-464.06	Ninh Bình	4270	36K-243.83	Thanh Hóa
1071	34D-042.09	Hải Dương	2671	35A-468.95	Ninh Bình	4271	36K-245.56	Thanh Hóa
1072	35A-472.26	Ninh Bình	2672	35A-470.63	Ninh Bình	4272	36K-246.59	Thanh Hóa
1073	35A-481.95	Ninh Bình	2673	35A-471.65	Ninh Bình	4273	36K-246.65	Thanh Hóa
1074	35A-483.29	Ninh Bình	2674	35A-474.08	Ninh Bình	4274	36K-250.98	Thanh Hóa
1075	35C-185.59	Ninh Bình	2675	35A-475.65	Ninh Bình	4275	36K-251.58	Thanh Hóa
1076	35D-017.15	Ninh Bình	2676	35C-183.06	Ninh Bình	4276	36K-252.16	Thanh Hóa
1077	36B-047.08	Thanh Hóa	2677	35C-184.63	Ninh Bình	4277	36K-266.95	Thanh Hóa
1078	36C-549.83	Thanh Hóa	2678	36B-047.06	Thanh Hóa	4278	36K-270.59	Thanh Hóa
1079	36C-558.08	Thanh Hóa	2679	36C-551.59	Thanh Hóa	4279	36K-276.28	Thanh Hóa
1080	36C-573.18	Thanh Hóa	2680	36C-552.18	Thanh Hóa	4280	36K-278.59	Thanh Hóa
1081	36C-577.58	Thanh Hóa	2681	36C-552.36	Thanh Hóa	4281	36K-281.08	Thanh Hóa
1082	36C-579.95	Thanh Hóa	2682	36C-554.35	Thanh Hóa	4282	36K-283.26	Thanh Hóa
1083	36C-580.98	Thanh Hóa	2683	36C-554.63	Thanh Hóa	4283	36K-284.15	Thanh Hóa
1084	36K-231.15	Thanh Hóa	2684	36C-562.25	Thanh Hóa	4284	36K-292.58	Thanh Hóa
1085	36K-233.09	Thanh Hóa	2685	36C-568.29	Thanh Hóa	4285	37C-568.36	Nghệ An
1086	36K-237.29	Thanh Hóa	2686	36C-581.06	Thanh Hóa	4286	37C-586.06	Nghệ An
1087	36K-238.28	Thanh Hóa	2687	36D-031.38	Thanh Hóa	4287	37C-588.95	Nghệ An
1088	36K-245.58	Thanh Hóa	2688	36K-234.95	Thanh Hóa	4288	37K-498.19	Nghệ An
1089	36K-249.65	Thanh Hóa	2689	36K-235.18	Thanh Hóa	4289	37K-501.06	Nghệ An
1090	36K-258.09	Thanh Hóa	2690	36K-237.63	Thanh Hóa	4290	37K-503.09	Nghệ An
1091	36K-260.25	Thanh Hóa	2691	36K-237.83	Thanh Hóa	4291	37K-512.19	Nghệ An
1092	36K-263.08	Thanh Hóa	2692	36K-237.85	Thanh Hóa	4292	37K-512.29	Nghệ An
1093	36K-267.18	Thanh Hóa	2693	36K-260.15	Thanh Hóa	4293	37K-530.36	Nghệ An
1094	36K-285.36	Thanh Hóa	2694	36K-266.19	Thanh Hóa	4294	37K-534.85	Nghệ An
1095	36K-291.25	Thanh Hóa	2695	36K-271.08	Thanh Hóa	4295	37K-547.35	Nghệ An
1096	36K-302.65	Thanh Hóa	2696	36K-274.26	Thanh Hóa	4296	37K-550.35	Nghệ An
1097	37C-576.36	Nghệ An	2697	36K-274.65	Thanh Hóa	4297	37K-551.56	Nghệ An
1098	37C-583.19	Nghệ An	2698	36K-276.16	Thanh Hóa	4298	37K-553.98	Nghệ An
1099	37C-590.83	Nghệ An	2699	36K-299.63	Thanh Hóa	4299	37K-556.85	Nghệ An
1100	37C-591.58	Nghệ An	2700	37C-572.06	Nghệ An	4300	37K-567.19	Nghệ An
1101	37C-594.18	Nghệ An	2701	37C-573.58	Nghệ An	4301	37K-568.36	Nghệ An
1102	37K-488.95	Nghệ An	2702	37C-574.16	Nghệ An	4302	37K-569.98	Nghệ An
1103	37K-490.25	Nghệ An	2703	37C-577.08	Nghệ An	4303	37K-570.06	Nghệ An
1104	37K-490.96	Nghệ An	2704	37C-581.06	Nghệ An	4304	37K-573.63	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1105	37K-496.08	Nghệ An	2705	37D-050.96	Nghệ An	4305	38A-680.16	Hà Tĩnh
1106	37K-507.59	Nghệ An	2706	37K-491.83	Nghệ An	4306	38A-687.58	Hà Tĩnh
1107	37K-509.85	Nghệ An	2707	37K-496.18	Nghệ An	4307	38A-692.65	Hà Tĩnh
1108	37K-510.85	Nghệ An	2708	37K-499.25	Nghệ An	4308	38A-697.58	Hà Tĩnh
1109	37K-511.18	Nghệ An	2709	37K-505.35	Nghệ An	4309	38A-698.59	Hà Tĩnh
1110	37K-514.18	Nghệ An	2710	37K-506.56	Nghệ An	4310	38A-710.08	Hà Tĩnh
1111	37K-514.29	Nghệ An	2711	37K-516.29	Nghệ An	4311	38C-243.35	Hà Tĩnh
1112	37K-516.65	Nghệ An	2712	37K-517.38	Nghệ An	4312	38C-246.09	Hà Tĩnh
1113	37K-523.36	Nghệ An	2713	37K-526.59	Nghệ An	4313	38C-249.28	Hà Tĩnh
1114	37K-530.15	Nghệ An	2714	37K-533.06	Nghệ An	4314	38C-254.28	Hà Tĩnh
1115	37K-531.09	Nghệ An	2715	37K-539.19	Nghệ An	4315	43A-942.19	Đà Nẵng
1116	37K-543.18	Nghệ An	2716	37K-543.26	Nghệ An	4316	43A-943.06	Đà Nẵng
1117	37K-544.63	Nghệ An	2717	37K-543.83	Nghệ An	4317	43A-946.65	Đà Nẵng
1118	37K-546.18	Nghệ An	2718	37K-552.15	Nghệ An	4318	43A-951.83	Đà Nẵng
1119	37K-546.65	Nghệ An	2719	37K-556.16	Nghệ An	4319	43A-955.26	Đà Nẵng
1120	37K-560.35	Nghệ An	2720	37K-557.65	Nghệ An	4320	43A-972.83	Đà Nẵng
1121	37K-572.16	Nghệ An	2721	37K-569.36	Nghệ An	4321	43A-975.15	Đà Nẵng
1122	37K-573.36	Nghệ An	2722	37K-570.18	Nghệ An	4322	43C-315.65	Đà Nẵng
1123	37K-575.09	Nghệ An	2723	37K-572.85	Nghệ An	4323	43C-316.15	Đà Nẵng
1124	37K-575.38	Nghệ An	2724	38A-683.56	Hà Tĩnh	4324	43C-316.58	Đà Nẵng
1125	38A-690.06	Hà Tĩnh	2725	38A-684.25	Hà Tĩnh	4325	47A-817.29	Đắk Lắk
1126	38A-690.28	Hà Tĩnh	2726	38A-691.35	Hà Tĩnh	4326	47A-817.56	Đắk Lắk
1127	38A-698.28	Hà Tĩnh	2727	38A-695.83	Hà Tĩnh	4327	47A-819.06	Đắk Lắk
1128	38A-698.35	Hà Tĩnh	2728	38A-700.65	Hà Tĩnh	4328	47A-821.06	Đắk Lắk
1129	38A-704.09	Hà Tĩnh	2729	38A-704.56	Hà Tĩnh	4329	47A-822.08	Đắk Lắk
1130	38A-704.29	Hà Tĩnh	2730	38A-705.25	Hà Tĩnh	4330	47A-826.09	Đắk Lắk
1131	38C-243.06	Hà Tĩnh	2731	38A-707.18	Hà Tĩnh	4331	47A-843.19	Đắk Lắk
1132	38C-243.58	Hà Tĩnh	2732	38B-024.38	Hà Tĩnh	4332	47A-847.25	Đắk Lắk
1133	38C-245.15	Hà Tĩnh	2733	38C-244.29	Hà Tĩnh	4333	47A-848.36	Đắk Lắk
1134	38C-249.65	Hà Tĩnh	2734	38C-249.08	Hà Tĩnh	4334	47A-859.18	Đắk Lắk
1135	38C-251.65	Hà Tĩnh	2735	38C-249.29	Hà Tĩnh	4335	47A-863.83	Đắk Lắk
1136	38C-254.09	Hà Tĩnh	2736	38C-250.63	Hà Tĩnh	4336	47A-864.35	Đắk Lắk
1137	43A-943.59	Đà Nẵng	2737	38D-020.25	Hà Tĩnh	4337	47B-044.16	Đắk Lắk
1138	43A-945.38	Đà Nẵng	2738	43A-941.83	Đà Nẵng	4338	47B-045.25	Đắk Lắk
1139	43A-948.06	Đà Nẵng	2739	43A-942.95	Đà Nẵng	4339	47C-397.95	Đắk Lắk
1140	43A-948.09	Đà Nẵng	2740	43A-951.08	Đà Nẵng	4340	47C-399.38	Đắk Lắk
1141	43A-952.58	Đà Nẵng	2741	43A-955.65	Đà Nẵng	4341	47C-414.63	Đắk Lắk
1142	43A-963.29	Đà Nẵng	2742	43A-969.08	Đà Nẵng	4342	47C-417.06	Đắk Lắk
1143	43A-967.28	Đà Nẵng	2743	43A-979.65	Đà Nẵng	4343	47D-021.09	Đắk Lắk
1144	43A-967.95	Đà Nẵng	2744	43A-980.06	Đà Nẵng	4344	47D-022.06	Đắk Lắk
1145	43A-972.56	Đà Nẵng	2745	43C-317.63	Đà Nẵng	4345	48A-254.98	Đắk Nông

1-6
TY
31A
4NH
JAM
-T.P.V

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1146	43A-974.19	Đà Nẵng	2746	43C-318.09	Đà Nẵng	4346	48A-259.63	Đắk Nông
1147	43A-978.59	Đà Nẵng	2747	43C-319.56	Đà Nẵng	4347	48D-006.19	Đắk Nông
1148	43B-065.25	Đà Nẵng	2748	43C-322.09	Đà Nẵng	4348	48D-010.15	Đắk Nông
1149	43C-314.59	Đà Nẵng	2749	47A-814.35	Đắk Lắk	4349	49A-750.08	Lâm Đồng
1150	43C-314.85	Đà Nẵng	2750	47A-815.95	Đắk Lắk	4350	49A-750.15	Lâm Đồng
1151	43C-318.63	Đà Nẵng	2751	47A-821.98	Đắk Lắk	4351	49A-756.96	Lâm Đồng
1152	43C-320.28	Đà Nẵng	2752	47A-822.83	Đắk Lắk	4352	49A-757.59	Lâm Đồng
1153	43C-323.26	Đà Nẵng	2753	47A-831.36	Đắk Lắk	4353	49A-764.16	Lâm Đồng
1154	47A-816.59	Đắk Lắk	2754	47A-833.15	Đắk Lắk	4354	49A-766.83	Lâm Đồng
1155	47A-819.83	Đắk Lắk	2755	47A-837.59	Đắk Lắk	4355	49A-771.06	Lâm Đồng
1156	47A-820.18	Đắk Lắk	2756	47A-840.38	Đắk Lắk	4356	49A-773.29	Lâm Đồng
1157	47A-824.65	Đắk Lắk	2757	47A-845.16	Đắk Lắk	4357	49A-775.06	Lâm Đồng
1158	47A-830.16	Đắk Lắk	2758	47A-847.63	Đắk Lắk	4358	49B-034.58	Lâm Đồng
1159	47A-843.95	Đắk Lắk	2759	47A-848.15	Đắk Lắk	4359	49C-388.18	Lâm Đồng
1160	47A-844.85	Đắk Lắk	2760	47A-849.15	Đắk Lắk	4360	51E-340.98	Hồ Chí Minh
1161	47A-846.09	Đắk Lắk	2761	47A-855.36	Đắk Lắk	4361	51E-341.06	Hồ Chí Minh
1162	47A-860.35	Đắk Lắk	2762	47A-857.19	Đắk Lắk	4362	51E-342.08	Hồ Chí Minh
1163	47A-861.38	Đắk Lắk	2763	47A-858.63	Đắk Lắk	4363	51E-342.36	Hồ Chí Minh
1164	47A-862.38	Đắk Lắk	2764	47A-861.25	Đắk Lắk	4364	51E-344.19	Hồ Chí Minh
1165	47C-400.28	Đắk Lắk	2765	47A-865.08	Đắk Lắk	4365	51E-346.25	Hồ Chí Minh
1166	47C-406.25	Đắk Lắk	2766	47C-417.95	Đắk Lắk	4366	51E-346.26	Hồ Chí Minh
1167	47C-409.16	Đắk Lắk	2767	47C-418.16	Đắk Lắk	4367	51E-347.19	Hồ Chí Minh
1168	47C-414.56	Đắk Lắk	2768	47C-422.35	Đắk Lắk	4368	51E-347.59	Hồ Chí Minh
1169	47C-420.16	Đắk Lắk	2769	47D-018.85	Đắk Lắk	4369	51E-354.06	Hồ Chí Minh
1170	47D-020.85	Đắk Lắk	2770	48A-248.58	Đắk Nông	4370	51L-900.06	Hồ Chí Minh
1171	47D-021.35	Đắk Lắk	2771	48A-252.35	Đắk Nông	4371	51L-900.29	Hồ Chí Minh
1172	48A-249.36	Đắk Nông	2772	48A-254.63	Đắk Nông	4372	51L-906.58	Hồ Chí Minh
1173	48A-251.29	Đắk Nông	2773	48A-254.85	Đắk Nông	4373	51L-910.15	Hồ Chí Minh
1174	48B-016.25	Đắk Nông	2774	48A-257.19	Đắk Nông	4374	51L-910.25	Hồ Chí Minh
1175	48C-121.09	Đắk Nông	2775	48B-015.36	Đắk Nông	4375	51L-910.56	Hồ Chí Minh
1176	48C-123.36	Đắk Nông	2776	48C-117.16	Đắk Nông	4376	51L-927.26	Hồ Chí Minh
1177	48D-007.15	Đắk Nông	2777	49A-753.08	Lâm Đồng	4377	51L-928.83	Hồ Chí Minh
1178	49A-746.16	Lâm Đồng	2778	49A-753.19	Lâm Đồng	4378	51L-934.95	Hồ Chí Minh
1179	49A-747.95	Lâm Đồng	2779	49A-759.85	Lâm Đồng	4379	51L-941.63	Hồ Chí Minh
1180	49A-748.06	Lâm Đồng	2780	49A-760.25	Lâm Đồng	4380	51L-942.26	Hồ Chí Minh
1181	49A-762.96	Lâm Đồng	2781	49A-762.65	Lâm Đồng	4381	51L-944.06	Hồ Chí Minh
1182	49A-763.29	Lâm Đồng	2782	49A-763.56	Lâm Đồng	4382	51L-945.98	Hồ Chí Minh
1183	49A-763.95	Lâm Đồng	2783	49A-763.83	Lâm Đồng	4383	51L-949.16	Hồ Chí Minh
1184	49A-769.28	Lâm Đồng	2784	49A-764.28	Lâm Đồng	4384	51L-956.96	Hồ Chí Minh
1185	49A-775.65	Lâm Đồng	2785	49A-767.85	Lâm Đồng	4385	51L-957.25	Hồ Chí Minh
1186	49B-034.38	Lâm Đồng	2786	49A-769.29	Lâm Đồng	4386	51L-960.18	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1187	49C-387.28	Lâm Đồng	2787	49A-775.96	Lâm Đồng	4387	51L-965.29	Hồ Chí Minh
1188	49C-393.35	Lâm Đồng	2788	49B-032.85	Lâm Đồng	4388	51L-980.28	Hồ Chí Minh
1189	49D-016.15	Lâm Đồng	2789	49B-033.95	Lâm Đồng	4389	51L-994.98	Hồ Chí Minh
1190	49D-016.95	Lâm Đồng	2790	49B-035.63	Lâm Đồng	4390	51M-058.98	Hồ Chí Minh
1191	49D-017.56	Lâm Đồng	2791	49C-387.08	Lâm Đồng	4391	51M-061.95	Hồ Chí Minh
1192	51B-713.83	Hồ Chí Minh	2792	49C-388.15	Lâm Đồng	4392	51M-063.18	Hồ Chí Minh
1193	51E-341.58	Hồ Chí Minh	2793	49C-388.56	Lâm Đồng	4393	51M-064.83	Hồ Chí Minh
1194	51E-345.16	Hồ Chí Minh	2794	49C-393.98	Lâm Đồng	4394	51M-066.58	Hồ Chí Minh
1195	51E-345.58	Hồ Chí Minh	2795	49C-394.98	Lâm Đồng	4395	51M-070.58	Hồ Chí Minh
1196	51E-347.29	Hồ Chí Minh	2796	49C-400.18	Lâm Đồng	4396	51M-073.63	Hồ Chí Minh
1197	51E-351.63	Hồ Chí Minh	2797	49D-015.58	Lâm Đồng	4397	51M-073.65	Hồ Chí Minh
1198	51E-354.18	Hồ Chí Minh	2798	51E-346.28	Hồ Chí Minh	4398	51M-079.08	Hồ Chí Minh
1199	51L-901.16	Hồ Chí Minh	2799	51L-897.38	Hồ Chí Minh	4399	51M-091.83	Hồ Chí Minh
1200	51L-905.36	Hồ Chí Minh	2800	51L-900.98	Hồ Chí Minh	4400	51M-096.08	Hồ Chí Minh
1201	51L-906.36	Hồ Chí Minh	2801	51L-905.26	Hồ Chí Minh	4401	51M-104.15	Hồ Chí Minh
1202	51L-909.59	Hồ Chí Minh	2802	51L-906.18	Hồ Chí Minh	4402	51M-112.18	Hồ Chí Minh
1203	51L-913.83	Hồ Chí Minh	2803	51L-907.29	Hồ Chí Minh	4403	51M-116.98	Hồ Chí Minh
1204	51L-914.06	Hồ Chí Minh	2804	51L-914.98	Hồ Chí Minh	4404	51M-142.38	Hồ Chí Minh
1205	51L-916.25	Hồ Chí Minh	2805	51L-925.16	Hồ Chí Minh	4405	51M-150.19	Hồ Chí Minh
1206	51L-923.16	Hồ Chí Minh	2806	51L-927.15	Hồ Chí Minh	4406	51M-153.16	Hồ Chí Minh
1207	51L-930.35	Hồ Chí Minh	2807	51L-929.19	Hồ Chí Minh	4407	51M-156.28	Hồ Chí Minh
1208	51L-940.98	Hồ Chí Minh	2808	51L-938.16	Hồ Chí Minh	4408	51M-160.25	Hồ Chí Minh
1209	51L-944.25	Hồ Chí Minh	2809	51L-939.28	Hồ Chí Minh	4409	51M-164.58	Hồ Chí Minh
1210	51L-945.18	Hồ Chí Minh	2810	51L-943.36	Hồ Chí Minh	4410	51M-168.08	Hồ Chí Minh
1211	51L-948.26	Hồ Chí Minh	2811	51L-953.56	Hồ Chí Minh	4411	51M-172.85	Hồ Chí Minh
1212	51L-950.96	Hồ Chí Minh	2812	51L-954.06	Hồ Chí Minh	4412	51M-177.58	Hồ Chí Minh
1213	51L-952.35	Hồ Chí Minh	2813	51L-965.25	Hồ Chí Minh	4413	51M-192.25	Hồ Chí Minh
1214	51L-954.35	Hồ Chí Minh	2814	51L-969.38	Hồ Chí Minh	4414	51M-214.19	Hồ Chí Minh
1215	51L-960.59	Hồ Chí Minh	2815	51L-969.83	Hồ Chí Minh	4415	51M-217.08	Hồ Chí Minh
1216	51L-969.15	Hồ Chí Minh	2816	51L-970.25	Hồ Chí Minh	4416	51M-217.26	Hồ Chí Minh
1217	51L-972.98	Hồ Chí Minh	2817	51L-977.38	Hồ Chí Minh	4417	51M-217.98	Hồ Chí Minh
1218	51L-973.09	Hồ Chí Minh	2818	51L-978.35	Hồ Chí Minh	4418	51M-230.18	Hồ Chí Minh
1219	51L-978.98	Hồ Chí Minh	2819	51L-980.18	Hồ Chí Minh	4419	51M-235.56	Hồ Chí Minh
1220	51L-984.83	Hồ Chí Minh	2820	51L-982.36	Hồ Chí Minh	4420	51M-249.35	Hồ Chí Minh
1221	51L-988.35	Hồ Chí Minh	2821	51L-983.16	Hồ Chí Minh	4421	51M-252.56	Hồ Chí Minh
1222	51L-990.06	Hồ Chí Minh	2822	51M-053.29	Hồ Chí Minh	4422	51M-264.08	Hồ Chí Minh
1223	51L-990.38	Hồ Chí Minh	2823	51M-056.26	Hồ Chí Minh	4423	51M-270.36	Hồ Chí Minh
1224	51L-993.09	Hồ Chí Minh	2824	51M-063.19	Hồ Chí Minh	4424	51M-272.59	Hồ Chí Minh
1225	51M-056.85	Hồ Chí Minh	2825	51M-072.25	Hồ Chí Minh	4425	51M-272.83	Hồ Chí Minh
1226	51M-057.16	Hồ Chí Minh	2826	51M-073.36	Hồ Chí Minh	4426	51M-277.16	Hồ Chí Minh
1227	51M-060.08	Hồ Chí Minh	2827	51M-075.09	Hồ Chí Minh	4427	51M-281.29	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1228	51M-065.36	Hồ Chí Minh	2828	51M-078.06	Hồ Chí Minh	4428	51M-284.83	Hồ Chí Minh
1229	51M-069.85	Hồ Chí Minh	2829	51M-082.63	Hồ Chí Minh	4429	51M-288.25	Hồ Chí Minh
1230	51M-071.18	Hồ Chí Minh	2830	51M-090.19	Hồ Chí Minh	4430	51M-292.16	Hồ Chí Minh
1231	51M-075.58	Hồ Chí Minh	2831	51M-096.36	Hồ Chí Minh	4431	51M-294.38	Hồ Chí Minh
1232	51M-078.28	Hồ Chí Minh	2832	51M-101.63	Hồ Chí Minh	4432	51M-299.35	Hồ Chí Minh
1233	51M-088.59	Hồ Chí Minh	2833	51M-103.56	Hồ Chí Minh	4433	51M-300.09	Hồ Chí Minh
1234	51M-101.26	Hồ Chí Minh	2834	51M-104.35	Hồ Chí Minh	4434	51M-308.15	Hồ Chí Minh
1235	51M-117.96	Hồ Chí Minh	2835	51M-105.19	Hồ Chí Minh	4435	51N-000.83	Hồ Chí Minh
1236	51M-120.26	Hồ Chí Minh	2836	51M-105.83	Hồ Chí Minh	4436	51N-005.83	Hồ Chí Minh
1237	51M-122.36	Hồ Chí Minh	2837	51M-113.28	Hồ Chí Minh	4437	51N-011.28	Hồ Chí Minh
1238	51M-124.19	Hồ Chí Minh	2838	51M-117.35	Hồ Chí Minh	4438	51N-013.15	Hồ Chí Minh
1239	51M-125.85	Hồ Chí Minh	2839	51M-119.36	Hồ Chí Minh	4439	51N-023.83	Hồ Chí Minh
1240	51M-129.35	Hồ Chí Minh	2840	51M-130.26	Hồ Chí Minh	4440	51N-029.25	Hồ Chí Minh
1241	51M-131.15	Hồ Chí Minh	2841	51M-132.06	Hồ Chí Minh	4441	51N-033.28	Hồ Chí Minh
1242	51M-131.65	Hồ Chí Minh	2842	51M-133.95	Hồ Chí Minh	4442	51N-038.98	Hồ Chí Minh
1243	51M-141.09	Hồ Chí Minh	2843	51M-139.95	Hồ Chí Minh	4443	51N-042.85	Hồ Chí Minh
1244	51M-142.35	Hồ Chí Minh	2844	51M-154.18	Hồ Chí Minh	4444	51N-045.25	Hồ Chí Minh
1245	51M-144.56	Hồ Chí Minh	2845	51M-162.59	Hồ Chí Minh	4445	51N-045.29	Hồ Chí Minh
1246	51M-152.09	Hồ Chí Minh	2846	51M-163.83	Hồ Chí Minh	4446	51N-045.59	Hồ Chí Minh
1247	51M-153.19	Hồ Chí Minh	2847	51M-167.95	Hồ Chí Minh	4447	51N-074.95	Hồ Chí Minh
1248	51M-157.98	Hồ Chí Minh	2848	51M-170.85	Hồ Chí Minh	4448	51N-076.98	Hồ Chí Minh
1249	51M-173.83	Hồ Chí Minh	2849	51M-173.85	Hồ Chí Minh	4449	51N-081.59	Hồ Chí Minh
1250	51M-174.06	Hồ Chí Minh	2850	51M-178.08	Hồ Chí Minh	4450	51N-082.06	Hồ Chí Minh
1251	51M-178.15	Hồ Chí Minh	2851	51M-178.96	Hồ Chí Minh	4451	51N-095.38	Hồ Chí Minh
1252	51M-178.95	Hồ Chí Minh	2852	51M-192.26	Hồ Chí Minh	4452	51N-100.25	Hồ Chí Minh
1253	51M-180.38	Hồ Chí Minh	2853	51M-192.35	Hồ Chí Minh	4453	51N-102.83	Hồ Chí Minh
1254	51M-181.25	Hồ Chí Minh	2854	51M-194.25	Hồ Chí Minh	4454	51N-106.65	Hồ Chí Minh
1255	51M-182.25	Hồ Chí Minh	2855	51M-197.18	Hồ Chí Minh	4455	51N-108.63	Hồ Chí Minh
1256	51M-184.29	Hồ Chí Minh	2856	51M-197.63	Hồ Chí Minh	4456	51N-112.06	Hồ Chí Minh
1257	51M-191.96	Hồ Chí Minh	2857	51M-204.36	Hồ Chí Minh	4457	51N-117.29	Hồ Chí Minh
1258	51M-192.16	Hồ Chí Minh	2858	51M-211.56	Hồ Chí Minh	4458	51N-117.95	Hồ Chí Minh
1259	51M-193.95	Hồ Chí Minh	2859	51M-212.15	Hồ Chí Minh	4459	51N-119.29	Hồ Chí Minh
1260	51M-206.29	Hồ Chí Minh	2860	51M-212.59	Hồ Chí Minh	4460	51N-120.16	Hồ Chí Minh
1261	51M-210.08	Hồ Chí Minh	2861	51M-217.85	Hồ Chí Minh	4461	51N-120.25	Hồ Chí Minh
1262	51M-210.59	Hồ Chí Minh	2862	51M-218.96	Hồ Chí Minh	4462	51N-122.59	Hồ Chí Minh
1263	51M-211.85	Hồ Chí Minh	2863	51M-235.06	Hồ Chí Minh	4463	51N-124.83	Hồ Chí Minh
1264	51M-212.56	Hồ Chí Minh	2864	51M-241.59	Hồ Chí Minh	4464	51N-137.96	Hồ Chí Minh
1265	51M-216.63	Hồ Chí Minh	2865	51M-243.35	Hồ Chí Minh	4465	51N-146.35	Hồ Chí Minh
1266	51M-223.98	Hồ Chí Minh	2866	51M-246.29	Hồ Chí Minh	4466	51N-147.63	Hồ Chí Minh
1267	51M-224.28	Hồ Chí Minh	2867	51M-246.56	Hồ Chí Minh	4467	51N-148.83	Hồ Chí Minh
1268	51M-226.56	Hồ Chí Minh	2868	51M-252.28	Hồ Chí Minh	4468	51N-152.36	Hồ Chí Minh

01/41
 ÔNG
 ĐẦU G
 ỢP DA
 IỆT N
 XUÂN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1269	51M-229.16	Hồ Chí Minh	2869	51M-254.83	Hồ Chí Minh	4469	51N-152.83	Hồ Chí Minh
1270	51M-233.59	Hồ Chí Minh	2870	51M-263.28	Hồ Chí Minh	4470	51N-154.58	Hồ Chí Minh
1271	51M-234.96	Hồ Chí Minh	2871	51M-266.08	Hồ Chí Minh	4471	60C-759.26	Đồng Nai
1272	51M-236.19	Hồ Chí Minh	2872	51M-267.25	Hồ Chí Minh	4472	60C-767.85	Đồng Nai
1273	51M-253.28	Hồ Chí Minh	2873	51M-268.96	Hồ Chí Minh	4473	60C-776.28	Đồng Nai
1274	51M-253.98	Hồ Chí Minh	2874	51M-270.83	Hồ Chí Minh	4474	60C-779.98	Đồng Nai
1275	51M-254.98	Hồ Chí Minh	2875	51M-271.35	Hồ Chí Minh	4475	60C-783.19	Đồng Nai
1276	51M-262.16	Hồ Chí Minh	2876	51M-271.95	Hồ Chí Minh	4476	60C-783.36	Đồng Nai
1277	51M-266.36	Hồ Chí Minh	2877	51M-273.65	Hồ Chí Minh	4477	60C-788.65	Đồng Nai
1278	51M-267.08	Hồ Chí Minh	2878	51M-282.96	Hồ Chí Minh	4478	60K-631.85	Đồng Nai
1279	51M-267.09	Hồ Chí Minh	2879	51M-288.16	Hồ Chí Minh	4479	60K-637.16	Đồng Nai
1280	51M-267.19	Hồ Chí Minh	2880	51M-291.98	Hồ Chí Minh	4480	60K-638.16	Đồng Nai
1281	51M-285.35	Hồ Chí Minh	2881	51M-293.18	Hồ Chí Minh	4481	60K-640.25	Đồng Nai
1282	51M-295.35	Hồ Chí Minh	2882	51M-294.56	Hồ Chí Minh	4482	60K-646.58	Đồng Nai
1283	51M-301.56	Hồ Chí Minh	2883	51M-295.06	Hồ Chí Minh	4483	60K-661.83	Đồng Nai
1284	51M-307.63	Hồ Chí Minh	2884	51M-298.59	Hồ Chí Minh	4484	60K-663.09	Đồng Nai
1285	51M-309.56	Hồ Chí Minh	2885	51M-301.63	Hồ Chí Minh	4485	60K-663.18	Đồng Nai
1286	51N-002.59	Hồ Chí Minh	2886	51M-303.35	Hồ Chí Minh	4486	60K-664.09	Đồng Nai
1287	51N-013.25	Hồ Chí Minh	2887	51M-306.96	Hồ Chí Minh	4487	60K-671.95	Đồng Nai
1288	51N-014.08	Hồ Chí Minh	2888	51N-002.35	Hồ Chí Minh	4488	60K-689.26	Đồng Nai
1289	51N-016.15	Hồ Chí Minh	2889	51N-015.65	Hồ Chí Minh	4489	60K-689.36	Đồng Nai
1290	51N-019.08	Hồ Chí Minh	2890	51N-017.38	Hồ Chí Minh	4490	60K-698.28	Đồng Nai
1291	51N-024.85	Hồ Chí Minh	2891	51N-019.06	Hồ Chí Minh	4491	61B-047.28	Bình Dương
1292	51N-028.83	Hồ Chí Minh	2892	51N-021.06	Hồ Chí Minh	4492	61C-613.38	Bình Dương
1293	51N-034.38	Hồ Chí Minh	2893	51N-023.96	Hồ Chí Minh	4493	61C-614.65	Bình Dương
1294	51N-035.18	Hồ Chí Minh	2894	51N-029.35	Hồ Chí Minh	4494	61C-615.58	Bình Dương
1295	51N-040.16	Hồ Chí Minh	2895	51N-031.06	Hồ Chí Minh	4495	61C-623.58	Bình Dương
1296	51N-042.65	Hồ Chí Minh	2896	51N-039.63	Hồ Chí Minh	4496	61C-630.16	Bình Dương
1297	51N-053.58	Hồ Chí Minh	2897	51N-048.19	Hồ Chí Minh	4497	61C-635.58	Bình Dương
1298	51N-054.26	Hồ Chí Minh	2898	51N-050.85	Hồ Chí Minh	4498	61D-026.08	Bình Dương
1299	51N-057.59	Hồ Chí Minh	2899	51N-052.59	Hồ Chí Minh	4499	61K-524.09	Bình Dương
1300	51N-062.19	Hồ Chí Minh	2900	51N-054.29	Hồ Chí Minh	4500	61K-525.96	Bình Dương
1301	51N-064.35	Hồ Chí Minh	2901	51N-069.38	Hồ Chí Minh	4501	61K-539.06	Bình Dương
1302	51N-070.29	Hồ Chí Minh	2902	51N-075.65	Hồ Chí Minh	4502	61K-541.09	Bình Dương
1303	51N-075.63	Hồ Chí Minh	2903	51N-079.63	Hồ Chí Minh	4503	61K-547.83	Bình Dương
1304	51N-079.85	Hồ Chí Minh	2904	51N-083.65	Hồ Chí Minh	4504	61K-549.65	Bình Dương
1305	51N-086.29	Hồ Chí Minh	2905	51N-088.63	Hồ Chí Minh	4505	61K-549.85	Bình Dương
1306	51N-091.15	Hồ Chí Minh	2906	51N-096.65	Hồ Chí Minh	4506	61K-552.65	Bình Dương
1307	51N-097.08	Hồ Chí Minh	2907	51N-100.96	Hồ Chí Minh	4507	61K-553.58	Bình Dương
1308	51N-102.09	Hồ Chí Minh	2908	51N-135.63	Hồ Chí Minh	4508	61K-553.98	Bình Dương
1309	51N-103.56	Hồ Chí Minh	2909	51N-145.63	Hồ Chí Minh	4509	61K-568.35	Bình Dương

Y
C
H
M
I
P
H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1310	51N-108.25	Hồ Chí Minh	2910	51N-149.35	Hồ Chí Minh	4510	61K-569.25	Bình Dương
1311	51N-112.19	Hồ Chí Minh	2911	60B-078.65	Đồng Nai	4511	61K-571.06	Bình Dương
1312	51N-114.08	Hồ Chí Minh	2912	60C-757.65	Đồng Nai	4512	61K-572.25	Bình Dương
1313	51N-117.09	Hồ Chí Minh	2913	60C-760.96	Đồng Nai	4513	61K-572.35	Bình Dương
1314	51N-121.28	Hồ Chí Minh	2914	60C-774.85	Đồng Nai	4514	61K-581.09	Bình Dương
1315	51N-123.25	Hồ Chí Minh	2915	60C-779.58	Đồng Nai	4515	61K-584.65	Bình Dương
1316	51N-133.96	Hồ Chí Minh	2916	60C-791.16	Đồng Nai	4516	61K-591.28	Bình Dương
1317	51N-136.98	Hồ Chí Minh	2917	60C-793.08	Đồng Nai	4517	61K-596.35	Bình Dương
1318	51N-143.38	Hồ Chí Minh	2918	60D-023.19	Đồng Nai	4518	62A-472.96	Long An
1319	51N-154.18	Hồ Chí Minh	2919	60D-025.29	Đồng Nai	4519	62A-476.83	Long An
1320	60B-081.16	Đồng Nai	2920	60K-623.95	Đồng Nai	4520	62A-476.98	Long An
1321	60C-763.38	Đồng Nai	2921	60K-632.29	Đồng Nai	4521	62A-484.29	Long An
1322	60C-766.56	Đồng Nai	2922	60K-640.58	Đồng Nai	4522	62A-485.36	Long An
1323	60C-766.63	Đồng Nai	2923	60K-644.06	Đồng Nai	4523	62A-487.83	Long An
1324	60C-768.18	Đồng Nai	2924	60K-644.98	Đồng Nai	4524	62A-490.26	Long An
1325	60C-770.16	Đồng Nai	2925	60K-647.28	Đồng Nai	4525	62B-033.38	Long An
1326	60C-770.26	Đồng Nai	2926	60K-647.35	Đồng Nai	4526	62C-218.29	Long An
1327	60C-776.29	Đồng Nai	2927	60K-651.63	Đồng Nai	4527	63A-328.35	Tiền Giang
1328	60C-776.35	Đồng Nai	2928	60K-656.19	Đồng Nai	4528	63A-328.56	Tiền Giang
1329	60C-780.28	Đồng Nai	2929	60K-660.25	Đồng Nai	4529	63A-331.09	Tiền Giang
1330	60C-786.95	Đồng Nai	2930	60K-663.29	Đồng Nai	4530	63A-338.95	Tiền Giang
1331	60C-794.35	Đồng Nai	2931	60K-668.35	Đồng Nai	4531	63B-035.25	Tiền Giang
1332	60D-024.09	Đồng Nai	2932	60K-669.15	Đồng Nai	4532	63B-036.29	Tiền Giang
1333	60K-629.06	Đồng Nai	2933	60K-676.95	Đồng Nai	4533	63C-229.19	Tiền Giang
1334	60K-637.65	Đồng Nai	2934	60K-696.18	Đồng Nai	4534	63C-230.18	Tiền Giang
1335	60K-671.63	Đồng Nai	2935	61B-044.25	Bình Dương	4535	63C-232.18	Tiền Giang
1336	60K-672.19	Đồng Nai	2936	61C-613.36	Bình Dương	4536	63C-236.83	Tiền Giang
1337	60K-686.18	Đồng Nai	2937	61C-635.38	Bình Dương	4537	63C-237.59	Tiền Giang
1338	60K-695.58	Đồng Nai	2938	61C-637.96	Bình Dương	4538	63C-239.83	Tiền Giang
1339	60K-697.58	Đồng Nai	2939	61C-639.18	Bình Dương	4539	63D-013.18	Tiền Giang
1340	61C-620.63	Bình Dương	2940	61C-639.59	Bình Dương	4540	63D-013.25	Tiền Giang
1341	61C-622.08	Bình Dương	2941	61D-026.35	Bình Dương	4541	63D-013.83	Tiền Giang
1342	61C-624.85	Bình Dương	2942	61K-522.95	Bình Dương	4542	64A-206.98	Vĩnh Long
1343	61C-625.38	Bình Dương	2943	61K-528.96	Bình Dương	4543	64A-208.85	Vĩnh Long
1344	61C-627.38	Bình Dương	2944	61K-535.98	Bình Dương	4544	64B-016.65	Vĩnh Long
1345	61C-628.58	Bình Dương	2945	61K-536.18	Bình Dương	4545	64B-019.63	Vĩnh Long
1346	61K-520.26	Bình Dương	2946	61K-537.09	Bình Dương	4546	64C-135.63	Vĩnh Long
1347	61K-520.98	Bình Dương	2947	61K-539.25	Bình Dương	4547	64D-009.08	Vĩnh Long
1348	61K-527.63	Bình Dương	2948	61K-543.26	Bình Dương	4548	64D-010.08	Vĩnh Long
1349	61K-530.16	Bình Dương	2949	61K-550.38	Bình Dương	4549	65A-523.06	Cần Thơ
1350	61K-539.09	Bình Dương	2950	61K-554.56	Bình Dương	4550	65A-525.35	Cần Thơ

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1351	61K-551.18	Bình Dương	2951	61K-556.83	Bình Dương	4551	65A-528.83	Cần Thơ
1352	61K-560.58	Bình Dương	2952	61K-557.26	Bình Dương	4552	65A-530.96	Cần Thơ
1353	61K-566.38	Bình Dương	2953	61K-563.19	Bình Dương	4553	65A-533.85	Cần Thơ
1354	61K-574.08	Bình Dương	2954	61K-563.58	Bình Dương	4554	65A-534.18	Cần Thơ
1355	61K-575.16	Bình Dương	2955	61K-565.16	Bình Dương	4555	65C-261.56	Cần Thơ
1356	61K-583.35	Bình Dương	2956	61K-568.59	Bình Dương	4556	65C-268.16	Cần Thơ
1357	61K-584.15	Bình Dương	2957	61K-568.95	Bình Dương	4557	65C-268.59	Cần Thơ
1358	61K-592.58	Bình Dương	2958	61K-571.56	Bình Dương	4558	65C-272.19	Cần Thơ
1359	61K-596.56	Bình Dương	2959	61K-577.09	Bình Dương	4559	65C-277.06	Cần Thơ
1360	61K-598.08	Bình Dương	2960	61K-581.26	Bình Dương	4560	66A-302.15	Đồng Tháp
1361	61K-598.96	Bình Dương	2961	61K-583.28	Bình Dương	4561	66A-306.16	Đồng Tháp
1362	62A-471.36	Long An	2962	61K-595.38	Bình Dương	4562	66A-306.83	Đồng Tháp
1363	62A-487.63	Long An	2963	61K-597.06	Bình Dương	4563	66B-025.59	Đồng Tháp
1364	62D-014.65	Long An	2964	61K-599.08	Bình Dương	4564	66C-184.96	Đồng Tháp
1365	63A-330.18	Tiền Giang	2965	62A-475.63	Long An	4565	66C-189.65	Đồng Tháp
1366	63A-330.25	Tiền Giang	2966	62A-485.16	Long An	4566	66C-190.65	Đồng Tháp
1367	63A-341.36	Tiền Giang	2967	62A-487.38	Long An	4567	66D-015.65	Đồng Tháp
1368	63A-341.65	Tiền Giang	2968	62A-488.28	Long An	4568	67A-334.19	An Giang
1369	63B-033.95	Tiền Giang	2969	62B-033.09	Long An	4569	67A-341.16	An Giang
1370	63B-035.63	Tiền Giang	2970	62B-033.26	Long An	4570	67A-342.96	An Giang
1371	63C-230.58	Tiền Giang	2971	62D-017.56	Long An	4571	67A-345.06	An Giang
1372	63C-233.63	Tiền Giang	2972	63A-327.98	Tiền Giang	4572	67C-189.28	An Giang
1373	63C-240.15	Tiền Giang	2973	63A-336.56	Tiền Giang	4573	67C-193.58	An Giang
1374	64A-206.29	Vĩnh Long	2974	63A-339.83	Tiền Giang	4574	67C-194.38	An Giang
1375	64A-213.29	Vĩnh Long	2975	63B-035.83	Tiền Giang	4575	68A-367.26	Kiên Giang
1376	64B-018.95	Vĩnh Long	2976	63D-013.58	Tiền Giang	4576	68A-374.56	Kiên Giang
1377	65A-527.16	Cần Thơ	2977	64A-208.95	Vĩnh Long	4577	69A-168.95	Cà Mau
1378	65A-527.95	Cần Thơ	2978	64A-209.38	Vĩnh Long	4578	69A-169.28	Cà Mau
1379	65A-528.98	Cần Thơ	2979	64B-016.98	Vĩnh Long	4579	69A-169.56	Cà Mau
1380	65A-529.65	Cần Thơ	2980	65A-516.38	Cần Thơ	4580	69A-171.16	Cà Mau
1381	65A-534.28	Cần Thơ	2981	65A-532.19	Cần Thơ	4581	69A-174.25	Cà Mau
1382	65C-271.58	Cần Thơ	2982	65C-251.38	Cần Thơ	4582	69B-014.09	Cà Mau
1383	66A-302.08	Đồng Tháp	2983	65C-255.18	Cần Thơ	4583	69B-014.96	Cà Mau
1384	66A-311.09	Đồng Tháp	2984	65D-014.26	Cần Thơ	4584	69C-109.29	Cà Mau
1385	66B-026.95	Đồng Tháp	2985	66A-303.25	Đồng Tháp	4585	69D-005.58	Cà Mau
1386	66C-191.28	Đồng Tháp	2986	66A-308.16	Đồng Tháp	4586	70A-590.38	Tây Ninh
1387	66C-192.28	Đồng Tháp	2987	66B-024.35	Đồng Tháp	4587	70A-592.25	Tây Ninh
1388	67A-337.83	An Giang	2988	66B-026.98	Đồng Tháp	4588	70A-599.19	Tây Ninh
1389	67B-032.08	An Giang	2989	66C-184.38	Đồng Tháp	4589	70A-604.56	Tây Ninh
1390	67C-193.15	An Giang	2990	66D-012.29	Đồng Tháp	4590	70A-605.28	Tây Ninh
1391	67C-197.16	An Giang	2991	66D-012.63	Đồng Tháp	4591	70A-607.36	Tây Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1392	67D-009.35	An Giang	2992	66D-014.18	Đồng Tháp	4592	70A-612.25	Tây Ninh
1393	67D-012.16	An Giang	2993	67A-330.56	An Giang	4593	70A-615.58	Tây Ninh
1394	68A-365.18	Kiên Giang	2994	67A-335.19	An Giang	4594	70C-216.28	Tây Ninh
1395	68A-366.29	Kiên Giang	2995	67A-336.08	An Giang	4595	70D-012.06	Tây Ninh
1396	68A-373.56	Kiên Giang	2996	67A-341.36	An Giang	4596	71A-216.08	Bến Tre
1397	68A-373.65	Kiên Giang	2997	67A-342.56	An Giang	4597	71A-217.36	Bến Tre
1398	68A-380.96	Kiên Giang	2998	67C-194.18	An Giang	4598	71A-220.06	Bến Tre
1399	68B-034.18	Kiên Giang	2999	67D-010.29	An Giang	4599	71A-221.18	Bến Tre
1400	68B-035.16	Kiên Giang	3000	67D-011.08	An Giang	4600	71B-022.98	Bến Tre
1401	68B-036.09	Kiên Giang	3001	67D-011.96	An Giang	4601	71B-026.18	Bến Tre
1402	68B-036.65	Kiên Giang	3002	68A-369.15	Kiên Giang	4602	71B-026.19	Bến Tre
1403	68B-037.95	Kiên Giang	3003	68A-380.85	Kiên Giang	4603	71C-137.95	Bến Tre
1404	68C-178.35	Kiên Giang	3004	68A-381.06	Kiên Giang	4604	71D-009.18	Bến Tre
1405	68C-180.58	Kiên Giang	3005	68B-034.83	Kiên Giang	4605	72A-844.35	Bà Rịa - Vũng Tàu
1406	68C-181.96	Kiên Giang	3006	68C-178.83	Kiên Giang	4606	72A-850.09	Bà Rịa - Vũng Tàu
1407	68C-184.56	Kiên Giang	3007	68C-180.09	Kiên Giang	4607	72A-853.25	Bà Rịa - Vũng Tàu
1408	68D-007.26	Kiên Giang	3008	68C-184.15	Kiên Giang	4608	72A-864.95	Bà Rịa - Vũng Tàu
1409	69A-170.16	Cà Mau	3009	68D-008.65	Kiên Giang	4609	72A-869.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
1410	69A-176.18	Cà Mau	3010	69A-170.09	Cà Mau	4610	72A-876.85	Bà Rịa - Vũng Tàu
1411	69C-104.08	Cà Mau	3011	69A-172.25	Cà Mau	4611	72C-265.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
1412	69C-107.18	Cà Mau	3012	69B-015.26	Cà Mau	4612	72C-267.08	Bà Rịa - Vũng Tàu
1413	69C-108.26	Cà Mau	3013	69C-109.19	Cà Mau	4613	72C-274.16	Bà Rịa - Vũng Tàu
1414	69D-005.83	Cà Mau	3014	69D-006.56	Cà Mau	4614	72C-282.25	Bà Rịa - Vũng Tàu
1415	70A-596.15	Tây Ninh	3015	70A-587.16	Tây Ninh	4615	72C-282.65	Bà Rịa - Vũng Tàu
1416	70A-600.96	Tây Ninh	3016	70A-600.65	Tây Ninh	4616	73A-369.65	Quảng Bình
1417	70A-607.38	Tây Ninh	3017	70A-606.56	Tây Ninh	4617	73A-370.29	Quảng Bình
1418	70A-613.83	Tây Ninh	3018	70A-611.19	Tây Ninh	4618	73A-371.65	Quảng Bình
1419	70C-215.59	Tây Ninh	3019	70C-213.63	Tây Ninh	4619	73A-375.38	Quảng Bình
1420	70C-216.38	Tây Ninh	3020	70C-217.28	Tây Ninh	4620	73A-379.56	Quảng Bình
1421	70C-216.98	Tây Ninh	3021	70C-217.83	Tây Ninh	4621	73A-380.65	Quảng Bình
1422	70D-012.95	Tây Ninh	3022	71A-214.25	Bến Tre	4622	73A-382.35	Quảng Bình
1423	71A-217.28	Bến Tre	3023	71A-223.36	Bến Tre	4623	73B-018.59	Quảng Bình
1424	71B-025.28	Bến Tre	3024	71B-025.65	Bến Tre	4624	74A-280.26	Quảng Trị
1425	71C-136.19	Bến Tre	3025	71C-133.98	Bến Tre	4625	74A-285.16	Quảng Trị
1426	71C-138.25	Bến Tre	3026	72A-846.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	4626	74B-019.15	Quảng Trị
1427	71D-007.63	Bến Tre	3027	72A-847.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	4627	74D-012.29	Quảng Trị
1428	72A-846.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	3028	72A-867.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	4628	75A-398.58	Thừa Thiên Huế
1429	72A-847.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	3029	72A-873.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	4629	75A-400.16	Thừa Thiên Huế
1430	72A-870.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	3030	72A-879.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	4630	75A-401.09	Thừa Thiên Huế
1431	72A-872.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	3031	72A-879.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	4631	75A-402.58	Thừa Thiên Huế
1432	72A-873.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	3032	72A-881.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	4632	75A-402.63	Thừa Thiên Huế

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1433	72A-874.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3033	72C-265.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	4633	75B-029.19	Thừa Thiên Huế
1434	72A-876.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	3034	72C-265.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	4634	75B-032.06	Thừa Thiên Huế
1435	72A-877.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	3035	72C-268.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	4635	75C-158.28	Thừa Thiên Huế
1436	72A-878.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	3036	72C-272.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	4636	76A-330.83	Quảng Ngãi
1437	72B-046.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	3037	72C-278.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	4637	76A-332.65	Quảng Ngãi
1438	72C-266.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3038	72C-280.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	4638	76A-335.83	Quảng Ngãi
1439	72C-268.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	3039	72D-013.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	4639	76A-336.29	Quảng Ngãi
1440	72C-271.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	3040	72D-013.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	4640	76A-336.38	Quảng Ngãi
1441	72C-275.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	3041	72D-016.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	4641	76B-026.95	Quảng Ngãi
1442	72C-280.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	3042	73A-374.19	Quảng Bình	4642	76C-179.36	Quảng Ngãi
1443	72C-282.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	3043	73A-377.15	Quảng Bình	4643	76D-012.26	Quảng Ngãi
1444	72C-282.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	3044	73A-381.59	Quảng Bình	4644	76D-012.28	Quảng Ngãi
1445	72D-015.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	3045	73C-196.56	Quảng Bình	4645	76D-012.58	Quảng Ngãi
1446	73A-376.29	Quảng Bình	3046	73D-009.83	Quảng Bình	4646	77A-366.28	Bình Định
1447	73A-379.28	Quảng Bình	3047	74A-278.96	Quảng Trị	4647	77A-370.85	Bình Định
1448	73A-380.85	Quảng Bình	3048	74A-280.96	Quảng Trị	4648	77A-371.65	Bình Định
1449	73C-194.56	Quảng Bình	3049	74A-282.09	Quảng Trị	4649	77B-039.65	Bình Định
1450	73D-009.56	Quảng Bình	3050	74C-145.06	Quảng Trị	4650	77C-267.15	Bình Định
1451	73D-012.29	Quảng Bình	3051	75A-390.38	Thừa Thiên Huế	4651	78A-220.15	Phú Yên
1452	74A-285.96	Quảng Trị	3052	75A-392.16	Thừa Thiên Huế	4652	78A-223.08	Phú Yên
1453	74A-286.08	Quảng Trị	3053	75A-394.36	Thừa Thiên Huế	4653	78A-224.83	Phú Yên
1454	75A-390.35	Thừa Thiên Huế	3054	75C-157.26	Thừa Thiên Huế	4654	78B-019.56	Phú Yên
1455	75A-398.18	Thừa Thiên Huế	3055	75C-158.16	Thừa Thiên Huế	4655	78C-129.26	Phú Yên
1456	75A-401.85	Thừa Thiên Huế	3056	75D-010.16	Thừa Thiên Huế	4656	78D-009.06	Phú Yên
1457	75B-031.09	Thừa Thiên Huế	3057	75D-012.36	Thừa Thiên Huế	4657	79A-571.25	Khánh Hòa
1458	75C-158.35	Thừa Thiên Huế	3058	76A-334.59	Quảng Ngãi	4658	79A-573.19	Khánh Hòa
1459	75C-160.09	Thừa Thiên Huế	3059	76B-029.58	Quảng Ngãi	4659	79A-575.83	Khánh Hòa
1460	75D-010.08	Thừa Thiên Huế	3060	76D-015.09	Quảng Ngãi	4660	79A-577.26	Khánh Hòa
1461	75D-010.35	Thừa Thiên Huế	3061	77A-363.18	Bình Định	4661	79A-584.63	Khánh Hòa
1462	76A-324.85	Quảng Ngãi	3062	77A-367.96	Bình Định	4662	79A-585.08	Khánh Hòa
1463	76C-180.35	Quảng Ngãi	3063	77A-370.38	Bình Định	4663	79A-586.25	Khánh Hòa
1464	76D-012.85	Quảng Ngãi	3064	77D-007.36	Bình Định	4664	79A-587.35	Khánh Hòa
1465	77A-361.26	Bình Định	3065	77D-010.19	Bình Định	4665	79A-590.19	Khánh Hòa
1466	77A-366.26	Bình Định	3066	78A-224.65	Phú Yên	4666	79B-044.09	Khánh Hòa
1467	77A-366.98	Bình Định	3067	78C-129.16	Phú Yên	4667	79B-045.63	Khánh Hòa
1468	77C-263.65	Bình Định	3068	78D-008.29	Phú Yên	4668	79B-047.16	Khánh Hòa
1469	77D-009.95	Bình Định	3069	79A-570.65	Khánh Hòa	4669	79C-232.98	Khánh Hòa
1470	78A-216.25	Phú Yên	3070	79A-573.29	Khánh Hòa	4670	81A-457.08	Gia Lai
1471	78A-221.83	Phú Yên	3071	79A-575.18	Khánh Hòa	4671	81C-283.16	Gia Lai
1472	78A-223.25	Phú Yên	3072	79A-576.65	Khánh Hòa	4672	81C-298.15	Gia Lai
1473	78A-223.28	Phú Yên	3073	79A-578.38	Khánh Hòa	4673	82A-161.98	Kon Tum

T.Y
 GIÁ
 NH
 IAM
 - T.P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1474	78B-020.38	Phú Yên	3074	79A-584.08	Khánh Hòa	4674	82C-097.08	Kon Tum
1475	78C-126.95	Phú Yên	3075	79A-589.09	Khánh Hòa	4675	82D-013.06	Kon Tum
1476	79A-569.26	Khánh Hòa	3076	79B-047.25	Khánh Hòa	4676	82D-014.06	Kon Tum
1477	79A-581.06	Khánh Hòa	3077	79C-227.96	Khánh Hòa	4677	83A-196.36	Sóc Trăng
1478	79A-582.63	Khánh Hòa	3078	79C-232.96	Khánh Hòa	4678	83B-024.65	Sóc Trăng
1479	79A-584.35	Khánh Hòa	3079	81A-454.65	Gia Lai	4679	83B-026.16	Sóc Trăng
1480	79A-586.29	Khánh Hòa	3080	81A-456.85	Gia Lai	4680	83C-138.63	Sóc Trăng
1481	79A-590.28	Khánh Hòa	3081	81A-459.56	Gia Lai	4681	83C-139.18	Sóc Trăng
1482	79C-233.19	Khánh Hòa	3082	81A-467.09	Gia Lai	4682	84A-153.08	Trà Vinh
1483	81A-455.19	Gia Lai	3083	81A-473.85	Gia Lai	4683	84A-153.56	Trà Vinh
1484	81A-457.59	Gia Lai	3084	81A-477.36	Gia Lai	4684	84A-153.85	Trà Vinh
1485	81A-478.63	Gia Lai	3085	81A-479.29	Gia Lai	4685	84B-022.56	Trà Vinh
1486	81C-283.36	Gia Lai	3086	81B-029.36	Gia Lai	4686	84C-128.38	Trà Vinh
1487	81C-285.09	Gia Lai	3087	81C-285.15	Gia Lai	4687	85A-152.19	Ninh Thuận
1488	81C-286.63	Gia Lai	3088	81D-014.35	Gia Lai	4688	85C-086.28	Ninh Thuận
1489	81C-290.15	Gia Lai	3089	82A-159.83	Kon Tum	4689	85C-087.65	Ninh Thuận
1490	81C-295.15	Gia Lai	3090	82A-161.36	Kon Tum	4690	85D-009.83	Ninh Thuận
1491	81C-297.09	Gia Lai	3091	82B-023.26	Kon Tum	4691	85D-010.09	Ninh Thuận
1492	82A-160.29	Kon Tum	3092	82B-023.83	Kon Tum	4692	86A-324.35	Bình Thuận
1493	82B-021.36	Kon Tum	3093	82C-098.36	Kon Tum	4693	86A-325.36	Bình Thuận
1494	82D-011.06	Kon Tum	3094	83C-137.26	Sóc Trăng	4694	86A-326.06	Bình Thuận
1495	82D-013.19	Kon Tum	3095	83D-009.98	Sóc Trăng	4695	86A-331.63	Bình Thuận
1496	83A-194.98	Sóc Trăng	3096	84A-147.98	Trà Vinh	4696	86C-210.15	Bình Thuận
1497	83A-196.65	Sóc Trăng	3097	84A-148.28	Trà Vinh	4697	86C-214.63	Bình Thuận
1498	83B-026.25	Sóc Trăng	3098	84A-148.56	Trà Vinh	4698	88A-793.06	Vĩnh Phúc
1499	83B-026.63	Sóc Trăng	3099	84B-020.19	Trà Vinh	4699	88A-804.16	Vĩnh Phúc
1500	84A-148.36	Trà Vinh	3100	84C-126.63	Trà Vinh	4700	88A-807.19	Vĩnh Phúc
1501	84A-149.56	Trà Vinh	3101	84D-007.56	Trà Vinh	4701	88A-809.29	Vĩnh Phúc
1502	84B-022.18	Trà Vinh	3102	85A-147.16	Ninh Thuận	4702	88A-815.85	Vĩnh Phúc
1503	84C-127.25	Trà Vinh	3103	85A-150.63	Ninh Thuận	4703	88A-820.98	Vĩnh Phúc
1504	84D-005.16	Trà Vinh	3104	85B-017.28	Ninh Thuận	4704	88B-024.16	Vĩnh Phúc
1505	84D-005.63	Trà Vinh	3105	85C-085.63	Ninh Thuận	4705	88C-315.06	Vĩnh Phúc
1506	85A-147.19	Ninh Thuận	3106	85C-086.65	Ninh Thuận	4706	88C-317.28	Vĩnh Phúc
1507	85A-148.56	Ninh Thuận	3107	85D-007.16	Ninh Thuận	4707	88C-317.56	Vĩnh Phúc
1508	85B-016.83	Ninh Thuận	3108	85D-007.85	Ninh Thuận	4708	88C-321.95	Vĩnh Phúc
1509	85B-017.63	Ninh Thuận	3109	85D-009.58	Ninh Thuận	4709	88D-023.35	Vĩnh Phúc
1510	85D-007.18	Ninh Thuận	3110	85D-010.15	Ninh Thuận	4710	89A-533.18	Hưng Yên
1511	85D-008.18	Ninh Thuận	3111	86A-325.58	Bình Thuận	4711	89A-534.09	Hưng Yên
1512	86B-026.15	Bình Thuận	3112	86A-327.83	Bình Thuận	4712	89A-536.58	Hưng Yên
1513	86C-214.06	Bình Thuận	3113	86A-329.36	Bình Thuận	4713	89A-545.19	Hưng Yên
1514	88A-789.09	Vĩnh Phúc	3114	86A-331.98	Bình Thuận	4714	89A-545.35	Hưng Yên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1515	88A-790.98	Vĩnh Phúc	3115	88A-790.63	Vĩnh Phúc	4715	89A-556.29	Hưng Yên
1516	88A-799.65	Vĩnh Phúc	3116	88A-803.59	Vĩnh Phúc	4716	89A-562.98	Hưng Yên
1517	88A-806.19	Vĩnh Phúc	3117	88A-805.19	Vĩnh Phúc	4717	89A-567.16	Hưng Yên
1518	88A-806.26	Vĩnh Phúc	3118	88A-807.16	Vĩnh Phúc	4718	89B-028.59	Hưng Yên
1519	88A-807.59	Vĩnh Phúc	3119	88A-823.06	Vĩnh Phúc	4719	89C-346.36	Hưng Yên
1520	88A-817.09	Vĩnh Phúc	3120	88A-825.98	Vĩnh Phúc	4720	89C-346.63	Hưng Yên
1521	88A-821.26	Vĩnh Phúc	3121	88C-311.28	Vĩnh Phúc	4721	89C-357.63	Hưng Yên
1522	88A-825.58	Vĩnh Phúc	3122	88C-312.59	Vĩnh Phúc	4722	90A-288.35	Hà Nam
1523	88B-021.63	Vĩnh Phúc	3123	88C-313.65	Vĩnh Phúc	4723	90A-291.35	Hà Nam
1524	88C-319.65	Vĩnh Phúc	3124	88C-318.25	Vĩnh Phúc	4724	90A-292.98	Hà Nam
1525	88C-320.96	Vĩnh Phúc	3125	88C-321.58	Vĩnh Phúc	4725	90A-297.36	Hà Nam
1526	88C-321.18	Vĩnh Phúc	3126	88C-321.96	Vĩnh Phúc	4726	90A-300.85	Hà Nam
1527	89A-534.96	Hưng Yên	3127	89A-540.15	Hưng Yên	4727	90B-013.96	Hà Nam
1528	89A-535.19	Hưng Yên	3128	89A-541.08	Hưng Yên	4728	90B-014.58	Hà Nam
1529	89A-537.25	Hưng Yên	3129	89A-545.08	Hưng Yên	4729	90B-016.29	Hà Nam
1530	89A-538.28	Hưng Yên	3130	89A-549.56	Hưng Yên	4730	90C-155.26	Hà Nam
1531	89A-545.56	Hưng Yên	3131	89A-558.98	Hưng Yên	4731	90C-160.09	Hà Nam
1532	89A-547.95	Hưng Yên	3132	89A-562.25	Hưng Yên	4732	90D-010.28	Hà Nam
1533	89A-551.95	Hưng Yên	3133	89C-353.58	Hưng Yên	4733	92A-439.16	Quảng Nam
1534	89A-557.16	Hưng Yên	3134	90A-289.56	Hà Nam	4734	92C-261.09	Quảng Nam
1535	89A-564.85	Hưng Yên	3135	90A-298.83	Hà Nam	4735	92C-261.29	Quảng Nam
1536	89A-566.85	Hưng Yên	3136	90A-299.59	Hà Nam	4736	92C-266.15	Quảng Nam
1537	89C-347.06	Hưng Yên	3137	90A-302.09	Hà Nam	4737	92D-013.36	Quảng Nam
1538	89C-347.59	Hưng Yên	3138	90D-012.19	Hà Nam	4738	93A-509.19	Bình Phước
1539	89C-348.08	Hưng Yên	3139	92A-436.85	Quảng Nam	4739	93A-512.36	Bình Phước
1540	89C-357.28	Hưng Yên	3140	92A-436.98	Quảng Nam	4740	93A-516.63	Bình Phước
1541	89C-358.08	Hưng Yên	3141	92A-440.36	Quảng Nam	4741	93A-517.95	Bình Phước
1542	89C-360.65	Hưng Yên	3142	92A-447.56	Quảng Nam	4742	93A-523.38	Bình Phước
1543	90A-288.63	Hà Nam	3143	92C-260.29	Quảng Nam	4743	93B-022.59	Bình Phước
1544	90A-296.36	Hà Nam	3144	92C-263.85	Quảng Nam	4744	93C-200.09	Bình Phước
1545	90A-296.95	Hà Nam	3145	92D-012.06	Quảng Nam	4745	93C-201.26	Bình Phước
1546	90A-300.15	Hà Nam	3146	92D-012.58	Quảng Nam	4746	93C-203.96	Bình Phước
1547	92A-436.08	Quảng Nam	3147	92D-014.59	Quảng Nam	4747	93C-205.59	Bình Phước
1548	92C-259.16	Quảng Nam	3148	92D-015.06	Quảng Nam	4748	93D-008.59	Bình Phước
1549	92C-265.19	Quảng Nam	3149	92D-015.59	Quảng Nam	4749	94B-014.96	Bạc Liêu
1550	92D-013.15	Quảng Nam	3150	93A-518.96	Bình Phước	4750	94B-018.25	Bạc Liêu
1551	93A-506.09	Bình Phước	3151	93B-022.18	Bình Phước	4751	95A-140.19	Hậu Giang
1552	93A-509.06	Bình Phước	3152	93B-024.83	Bình Phước	4752	95A-141.59	Hậu Giang
1553	93A-515.95	Bình Phước	3153	93B-025.06	Bình Phước	4753	95B-017.36	Hậu Giang
1554	93A-519.29	Bình Phước	3154	93C-202.56	Bình Phước	4754	95C-091.36	Hậu Giang
1555	93A-522.59	Bình Phước	3155	93C-204.98	Bình Phước	4755	95C-093.83	Hậu Giang

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1556	93A-522.83	Bình Phước	3156	93C-205.36	Bình Phước	4756	97A-100.29	Bắc Kạn
1557	93B-024.38	Bình Phước	3157	93D-010.85	Bình Phước	4757	97D-009.63	Bắc Kạn
1558	93C-203.08	Bình Phước	3158	94B-016.98	Bạc Liêu	4758	98A-861.15	Bắc Giang
1559	93D-010.83	Bình Phước	3159	94B-017.56	Bạc Liêu	4759	98A-862.96	Bắc Giang
1560	93D-011.16	Bình Phước	3160	94D-005.59	Bạc Liêu	4760	98A-863.95	Bắc Giang
1561	94C-087.28	Bạc Liêu	3161	95A-140.96	Hậu Giang	4761	98A-864.85	Bắc Giang
1562	95A-136.59	Hậu Giang	3162	95A-143.08	Hậu Giang	4762	98A-869.19	Bắc Giang
1563	95A-143.58	Hậu Giang	3163	95C-089.83	Hậu Giang	4763	98A-870.98	Bắc Giang
1564	95D-024.85	Hậu Giang	3164	95C-091.25	Hậu Giang	4764	98A-873.36	Bắc Giang
1565	97A-099.29	Bắc Kạn	3165	95C-092.26	Hậu Giang	4765	98A-880.36	Bắc Giang
1566	97D-011.25	Bắc Kạn	3166	95C-092.38	Hậu Giang	4766	98A-887.98	Bắc Giang
1567	98A-867.35	Bắc Giang	3167	95D-023.83	Hậu Giang	4767	98A-898.59	Bắc Giang
1568	98A-871.19	Bắc Giang	3168	97C-051.19	Bắc Kạn	4768	98A-900.65	Bắc Giang
1569	98A-873.06	Bắc Giang	3169	97D-007.85	Bắc Kạn	4769	98A-902.85	Bắc Giang
1570	98A-873.15	Bắc Giang	3170	98A-861.19	Bắc Giang	4770	98A-906.28	Bắc Giang
1571	98A-880.95	Bắc Giang	3171	98A-863.16	Bắc Giang	4771	98A-906.38	Bắc Giang
1572	98A-882.35	Bắc Giang	3172	98A-879.18	Bắc Giang	4772	98A-909.63	Bắc Giang
1573	98A-885.15	Bắc Giang	3173	98A-882.58	Bắc Giang	4773	98B-044.16	Bắc Giang
1574	98A-890.28	Bắc Giang	3174	98A-890.96	Bắc Giang	4774	98B-044.18	Bắc Giang
1575	98A-901.08	Bắc Giang	3175	98A-892.08	Bắc Giang	4775	98B-044.65	Bắc Giang
1576	98A-905.95	Bắc Giang	3176	98A-892.09	Bắc Giang	4776	98B-044.96	Bắc Giang
1577	98A-909.38	Bắc Giang	3177	98A-899.06	Bắc Giang	4777	98B-046.15	Bắc Giang
1578	98A-910.15	Bắc Giang	3178	98A-902.36	Bắc Giang	4778	98C-381.65	Bắc Giang
1579	98A-910.18	Bắc Giang	3179	98A-904.65	Bắc Giang	4779	98C-389.63	Bắc Giang
1580	98B-045.38	Bắc Giang	3180	98A-909.16	Bắc Giang	4780	98C-390.28	Bắc Giang
1581	98B-045.59	Bắc Giang	3181	98C-379.35	Bắc Giang	4781	98C-395.06	Bắc Giang
1582	98B-045.63	Bắc Giang	3182	98C-381.09	Bắc Giang	4782	99A-851.56	Bắc Ninh
1583	98B-046.38	Bắc Giang	3183	98C-387.09	Bắc Giang	4783	99A-854.96	Bắc Ninh
1584	98B-047.98	Bắc Giang	3184	98D-022.15	Bắc Giang	4784	99A-858.08	Bắc Ninh
1585	98C-387.63	Bắc Giang	3185	99A-851.25	Bắc Ninh	4785	99A-861.28	Bắc Ninh
1586	98C-391.28	Bắc Giang	3186	99A-854.35	Bắc Ninh	4786	99A-865.83	Bắc Ninh
1587	98C-394.58	Bắc Giang	3187	99A-854.98	Bắc Ninh	4787	99A-865.96	Bắc Ninh
1588	98D-024.19	Bắc Giang	3188	99A-856.19	Bắc Ninh	4788	99A-867.98	Bắc Ninh
1589	99A-857.63	Bắc Ninh	3189	99A-856.98	Bắc Ninh	4789	99A-868.15	Bắc Ninh
1590	99A-857.98	Bắc Ninh	3190	99A-879.15	Bắc Ninh	4790	99A-873.96	Bắc Ninh
1591	99A-869.58	Bắc Ninh	3191	99A-883.56	Bắc Ninh	4791	99A-877.63	Bắc Ninh
1592	99A-872.06	Bắc Ninh	3192	99A-885.15	Bắc Ninh	4792	99A-893.59	Bắc Ninh
1593	99A-887.36	Bắc Ninh	3193	99A-886.59	Bắc Ninh	4793	99A-897.06	Bắc Ninh
1594	99A-888.65	Bắc Ninh	3194	99A-894.19	Bắc Ninh	4794	99B-031.36	Bắc Ninh
1595	99A-890.96	Bắc Ninh	3195	99A-895.58	Bắc Ninh	4795	99B-032.98	Bắc Ninh
1596	99A-894.06	Bắc Ninh	3196	99B-031.08	Bắc Ninh	4796	99C-332.96	Bắc Ninh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1597	99C-334.26	Bắc Ninh	3197	99C-334.58	Bắc Ninh	4797	99C-339.16	Bắc Ninh
1598	99C-337.28	Bắc Ninh	3198	99C-341.15	Bắc Ninh	4798	99C-346.95	Bắc Ninh
1599	99C-339.63	Bắc Ninh	3199	99C-345.09	Bắc Ninh	4799	99D-027.15	Bắc Ninh
1600	99C-344.63	Bắc Ninh	3200	99D-026.58	Bắc Ninh	4800	99D-027.85	Bắc Ninh

41
G T Y
GIÁ
DANH
NAM
N - T.P

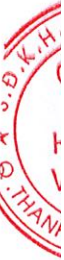
Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4801	14A-999.33	Quảng Ninh	6401	15K-449.99	Hải Phòng			
4802	14K-005.55	Quảng Ninh	6402	20A-885.88	Thái Nguyên			
4803	29K-359.99	Hà Nội	6403	20A-888.99	Thái Nguyên			
4804	30M-039.99	Hà Nội	6404	30M-099.66	Hà Nội			
4805	30M-168.69	Hà Nội	6405	30M-215.55	Hà Nội			
4806	37K-556.69	Nghệ An	6406	30M-219.99	Hà Nội			
4807	38A-699.98	Hà Tĩnh	6407	30M-292.99	Hà Nội			
4808	47C-422.22	Đắk Lắk	6408	30M-375.55	Hà Nội			
4809	49A-768.88	Lâm Đồng	6409	34A-949.99	Hải Dương			
4810	51M-248.88	Hồ Chí Minh	6410	36K-278.88	Thanh Hóa			
4811	51N-117.77	Hồ Chí Minh	6411	48C-122.22	Đắk Nông			
4812	60K-658.88	Đồng Nai	6412	51N-089.88	Hồ Chí Minh			
4813	67A-338.88	An Giang	6413	62A-486.66	Long An			
4814	72A-876.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	6414	67A-335.55	An Giang			
4815	88A-800.01	Vĩnh Phúc	6415	70A-600.00	Tây Ninh			
4816	99A-881.88	Bắc Ninh	6416	75A-328.68	Thừa Thiên Huế			
4817	99A-887.77	Bắc Ninh	6417	79A-589.99	Khánh Hòa			
4818	15K-488.98	Hải Phòng	6418	88A-826.66	Vĩnh Phúc			
4819	18A-383.69	Nam Định	6419	98A-906.66	Bắc Giang			
4820	19C-268.66	Phú Thọ	6420	15K-234.66	Hải Phòng			
4821	24A-282.69	Lào Cai	6421	19A-583.33	Phú Thọ			
4822	30M-169.88	Hà Nội	6422	20A-898.85	Thái Nguyên			
4823	30M-216.61	Hà Nội	6423	21A-222.28	Yên Bái			
4824	30M-219.81	Hà Nội	6424	29D-635.79	Hà Nội			
4825	43A-968.69	Đà Nẵng	6425	30L-785.86	Hà Nội			
4826	47A-856.66	Đắk Lắk	6426	30M-030.30	Hà Nội			
4827	51M-222.21	Hồ Chí Minh	6427	30M-111.39	Hà Nội			
4828	51M-267.89	Hồ Chí Minh	6428	30M-166.68	Hà Nội			
4829	51N-079.97	Hồ Chí Minh	6429	38A-699.68	Hà Tĩnh			
4830	60C-777.72	Đồng Nai	6430	51D-996.68	Hồ Chí Minh			
4831	61K-555.15	Bình Dương	6431	51L-989.85	Hồ Chí Minh			
4832	61K-559.79	Bình Dương	6432	51M-222.23	Hồ Chí Minh			
4833	61K-593.79	Bình Dương	6433	51M-224.68	Hồ Chí Minh			
4834	70A-599.89	Tây Ninh	6434	51M-296.99	Hồ Chí Minh			
4835	77A-300.79	Bình Định	6435	70A-588.68	Tây Ninh			
4836	79A-486.79	Khánh Hòa	6436	72A-858.55	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4837	88A-797.89	Vĩnh Phúc	6437	75A-369.79	Thừa Thiên Huế			
4838	88A-819.87	Vĩnh Phúc	6438	75A-398.99	Thừa Thiên Huế			
4839	99A-755.58	Bắc Ninh	6439	83A-188.83	Sóc Trăng			
4840	30M-031.69	Hà Nội	6440	86A-333.30	Bình Thuận			
4841	30M-033.89	Hà Nội	6441	90A-299.95	Hà Nam			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4842	30M-034.55	Hà Nội	6442	98A-727.27	Bắc Giang			
4843	30M-036.63	Hà Nội	6443	98A-886.89	Bắc Giang			
4844	30M-042.79	Hà Nội	6444	30M-031.11	Hà Nội			
4845	30M-044.22	Hà Nội	6445	30M-046.64	Hà Nội			
4846	30M-047.86	Hà Nội	6446	30M-054.89	Hà Nội			
4847	30M-056.69	Hà Nội	6447	30M-056.68	Hà Nội			
4848	30M-071.22	Hà Nội	6448	30M-062.44	Hà Nội			
4849	30M-072.77	Hà Nội	6449	30M-063.88	Hà Nội			
4850	30M-075.77	Hà Nội	6450	30M-064.65	Hà Nội			
4851	30M-077.86	Hà Nội	6451	30M-072.86	Hà Nội			
4852	30M-081.82	Hà Nội	6452	30M-073.37	Hà Nội			
4853	30M-093.33	Hà Nội	6453	30M-074.47	Hà Nội			
4854	30M-094.55	Hà Nội	6454	30M-086.00	Hà Nội			
4855	30M-110.79	Hà Nội	6455	30M-092.86	Hà Nội			
4856	30M-126.27	Hà Nội	6456	30M-099.86	Hà Nội			
4857	30M-149.88	Hà Nội	6457	30M-100.88	Hà Nội			
4858	30M-159.59	Hà Nội	6458	30M-103.00	Hà Nội			
4859	30M-173.37	Hà Nội	6459	30M-104.89	Hà Nội			
4860	30M-187.69	Hà Nội	6460	30M-109.55	Hà Nội			
4861	30M-191.55	Hà Nội	6461	30M-111.78	Hà Nội			
4862	30M-194.66	Hà Nội	6462	30M-120.99	Hà Nội			
4863	30M-198.55	Hà Nội	6463	30M-128.89	Hà Nội			
4864	30M-207.02	Hà Nội	6464	30M-133.34	Hà Nội			
4865	30M-208.44	Hà Nội	6465	30M-141.33	Hà Nội			
4866	30M-210.44	Hà Nội	6466	30M-145.14	Hà Nội			
4867	30M-218.22	Hà Nội	6467	30M-148.68	Hà Nội			
4868	30M-225.66	Hà Nội	6468	30M-150.39	Hà Nội			
4869	30M-229.89	Hà Nội	6469	30M-155.44	Hà Nội			
4870	30M-251.51	Hà Nội	6470	30M-163.11	Hà Nội			
4871	30M-251.66	Hà Nội	6471	30M-167.69	Hà Nội			
4872	30M-269.39	Hà Nội	6472	30M-171.99	Hà Nội			
4873	30M-276.27	Hà Nội	6473	30M-180.77	Hà Nội			
4874	30M-276.86	Hà Nội	6474	30M-191.00	Hà Nội			
4875	30M-278.69	Hà Nội	6475	30M-191.89	Hà Nội			
4876	30M-279.88	Hà Nội	6476	30M-196.22	Hà Nội			
4877	30M-292.66	Hà Nội	6477	30M-201.10	Hà Nội			
4878	30M-293.22	Hà Nội	6478	30M-207.11	Hà Nội			
4879	30M-301.01	Hà Nội	6479	30M-212.11	Hà Nội			
4880	30M-302.22	Hà Nội	6480	30M-212.33	Hà Nội			
4881	30M-310.89	Hà Nội	6481	30M-225.22	Hà Nội			
4882	30M-315.79	Hà Nội	6482	30M-226.77	Hà Nội			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4883	30M-319.77	Hà Nội	6483	30M-234.39	Hà Nội			
4884	30M-320.32	Hà Nội	6484	30M-243.39	Hà Nội			
4885	30M-320.88	Hà Nội	6485	30M-244.89	Hà Nội			
4886	30M-324.22	Hà Nội	6486	30M-246.77	Hà Nội			
4887	30M-334.79	Hà Nội	6487	30M-248.49	Hà Nội			
4888	30M-338.33	Hà Nội	6488	30M-250.50	Hà Nội			
4889	30M-341.68	Hà Nội	6489	30M-251.86	Hà Nội			
4890	30M-341.88	Hà Nội	6490	30M-256.00	Hà Nội			
4891	30M-346.88	Hà Nội	6491	30M-257.33	Hà Nội			
4892	30M-353.44	Hà Nội	6492	30M-274.39	Hà Nội			
4893	30M-354.39	Hà Nội	6493	30M-274.74	Hà Nội			
4894	30M-356.65	Hà Nội	6494	30M-274.86	Hà Nội			
4895	30M-357.33	Hà Nội	6495	30M-281.28	Hà Nội			
4896	30M-372.44	Hà Nội	6496	30M-283.89	Hà Nội			
4897	30M-375.00	Hà Nội	6497	30M-289.86	Hà Nội			
4898	30M-378.66	Hà Nội	6498	30M-291.88	Hà Nội			
4899	30M-380.86	Hà Nội	6499	30M-296.29	Hà Nội			
4900	30M-384.83	Hà Nội	6500	30M-296.88	Hà Nội			
4901	30M-390.79	Hà Nội	6501	30M-297.98	Hà Nội			
4902	30M-413.44	Hà Nội	6502	30M-301.33	Hà Nội			
4903	30M-413.99	Hà Nội	6503	30M-308.80	Hà Nội			
4904	30M-421.86	Hà Nội	6504	30M-313.66	Hà Nội			
4905	51L-898.22	Hồ Chí Minh	6505	30M-340.68	Hà Nội			
4906	51L-905.88	Hồ Chí Minh	6506	30M-340.77	Hà Nội			
4907	51L-907.86	Hồ Chí Minh	6507	30M-346.00	Hà Nội			
4908	51L-909.11	Hồ Chí Minh	6508	30M-351.68	Hà Nội			
4909	51L-910.19	Hồ Chí Minh	6509	30M-353.79	Hà Nội			
4910	51L-912.00	Hồ Chí Minh	6510	30M-358.44	Hà Nội			
4911	51L-918.99	Hồ Chí Minh	6511	30M-369.66	Hà Nội			
4912	51L-919.33	Hồ Chí Minh	6512	30M-370.71	Hà Nội			
4913	51L-922.92	Hồ Chí Minh	6513	30M-382.77	Hà Nội			
4914	51L-929.86	Hồ Chí Minh	6514	30M-392.33	Hà Nội			
4915	51L-935.33	Hồ Chí Minh	6515	30M-393.33	Hà Nội			
4916	51L-935.86	Hồ Chí Minh	6516	30M-401.40	Hà Nội			
4917	51L-935.93	Hồ Chí Minh	6517	30M-403.00	Hà Nội			
4918	51L-941.14	Hồ Chí Minh	6518	30M-403.44	Hà Nội			
4919	51L-945.68	Hồ Chí Minh	6519	30M-403.55	Hà Nội			
4920	51L-947.47	Hồ Chí Minh	6520	30M-404.04	Hà Nội			
4921	51L-948.49	Hồ Chí Minh	6521	30M-405.99	Hà Nội			
4922	51L-948.86	Hồ Chí Minh	6522	30M-411.44	Hà Nội			
4923	51L-949.96	Hồ Chí Minh	6523	30M-414.68	Hà Nội			

ĐI 4
ĐNG
AU
JP D
ET M
XUÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4924	51L-953.39	Hồ Chí Minh	6524	30M-420.00	Hà Nội			
4925	51L-958.86	Hồ Chí Minh	6525	30M-421.66	Hà Nội			
4926	51L-964.39	Hồ Chí Minh	6526	51L-900.11	Hồ Chí Minh			
4927	51L-968.33	Hồ Chí Minh	6527	51L-904.44	Hồ Chí Minh			
4928	51L-977.78	Hồ Chí Minh	6528	51L-904.79	Hồ Chí Minh			
4929	51L-989.11	Hồ Chí Minh	6529	51L-910.44	Hồ Chí Minh			
4930	51L-994.68	Hồ Chí Minh	6530	51L-913.39	Hồ Chí Minh			
4931	51M-055.89	Hồ Chí Minh	6531	51L-923.11	Hồ Chí Minh			
4932	51M-064.44	Hồ Chí Minh	6532	51L-924.66	Hồ Chí Minh			
4933	51M-064.77	Hồ Chí Minh	6533	51L-926.86	Hồ Chí Minh			
4934	51M-068.00	Hồ Chí Minh	6534	51L-929.11	Hồ Chí Minh			
4935	51M-071.99	Hồ Chí Minh	6535	51L-931.93	Hồ Chí Minh			
4936	51M-072.39	Hồ Chí Minh	6536	51L-933.69	Hồ Chí Minh			
4937	51M-072.73	Hồ Chí Minh	6537	51L-937.44	Hồ Chí Minh			
4938	51M-075.55	Hồ Chí Minh	6538	51L-945.22	Hồ Chí Minh			
4939	51M-076.68	Hồ Chí Minh	6539	51L-950.39	Hồ Chí Minh			
4940	51M-077.33	Hồ Chí Minh	6540	51L-952.89	Hồ Chí Minh			
4941	51M-078.99	Hồ Chí Minh	6541	51L-953.79	Hồ Chí Minh			
4942	51M-092.55	Hồ Chí Minh	6542	51L-965.68	Hồ Chí Minh			
4943	51M-096.09	Hồ Chí Minh	6543	51L-974.68	Hồ Chí Minh			
4944	51M-096.88	Hồ Chí Minh	6544	51L-976.44	Hồ Chí Minh			
4945	51M-104.44	Hồ Chí Minh	6545	51L-985.79	Hồ Chí Minh			
4946	51M-109.68	Hồ Chí Minh	6546	51L-989.39	Hồ Chí Minh			
4947	51M-114.44	Hồ Chí Minh	6547	51L-990.66	Hồ Chí Minh			
4948	51M-114.68	Hồ Chí Minh	6548	51L-998.22	Hồ Chí Minh			
4949	51M-127.11	Hồ Chí Minh	6549	51M-057.77	Hồ Chí Minh			
4950	51M-130.55	Hồ Chí Minh	6550	51M-059.55	Hồ Chí Minh			
4951	51M-130.88	Hồ Chí Minh	6551	51M-061.60	Hồ Chí Minh			
4952	51M-132.33	Hồ Chí Minh	6552	51M-062.66	Hồ Chí Minh			
4953	51M-135.39	Hồ Chí Minh	6553	51M-066.11	Hồ Chí Minh			
4954	51M-136.86	Hồ Chí Minh	6554	51M-078.07	Hồ Chí Minh			
4955	51M-143.22	Hồ Chí Minh	6555	51M-081.79	Hồ Chí Minh			
4956	51M-148.44	Hồ Chí Minh	6556	51M-084.85	Hồ Chí Minh			
4957	51M-150.77	Hồ Chí Minh	6557	51M-094.95	Hồ Chí Minh			
4958	51M-152.39	Hồ Chí Minh	6558	51M-098.68	Hồ Chí Minh			
4959	51M-156.22	Hồ Chí Minh	6559	51M-107.68	Hồ Chí Minh			
4960	51M-162.99	Hồ Chí Minh	6560	51M-112.68	Hồ Chí Minh			
4961	51M-164.11	Hồ Chí Minh	6561	51M-121.44	Hồ Chí Minh			
4962	51M-167.22	Hồ Chí Minh	6562	51M-127.99	Hồ Chí Minh			
4963	51M-167.67	Hồ Chí Minh	6563	51M-141.68	Hồ Chí Minh			
4964	51M-171.17	Hồ Chí Minh	6564	51M-143.88	Hồ Chí Minh			

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100
101
102
103
104
105
106
107
108
109
110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200
201
202
203
204
205
206
207
208
209
210
211
212
213
214
215
216
217
218
219
220
221
222
223
224
225
226
227
228
229
230
231
232
233
234
235
236
237
238
239
240
241
242
243
244
245
246
247
248
249
250
251
252
253
254
255
256
257
258
259
260
261
262
263
264
265
266
267
268
269
270
271
272
273
274
275
276
277
278
279
280
281
282
283
284
285
286
287
288
289
290
291
292
293
294
295
296
297
298
299
300
301
302
303
304
305
306
307
308
309
310
311
312
313
314
315
316
317
318
319
320
321
322
323
324
325
326
327
328
329
330
331
332
333
334
335
336
337
338
339
340
341
342
343
344
345
346
347
348
349
350
351
352
353
354
355
356
357
358
359
360
361
362
363
364
365
366
367
368
369
370
371
372
373
374
375
376
377
378
379
380
381
382
383
384
385
386
387
388
389
390
391
392
393
394
395
396
397
398
399
400
401
402
403
404
405
406
407
408
409
410
411
412
413
414
415
416
417
418
419
420
421
422
423
424
425
426
427
428
429
430
431
432
433
434
435
436
437
438
439
440
441
442
443
444
445
446
447
448
449
450
451
452
453
454
455
456
457
458
459
460
461
462
463
464
465
466
467
468
469
470
471
472
473
474
475
476
477
478
479
480
481
482
483
484
485
486
487
488
489
490
491
492
493
494
495
496
497
498
499
500
501
502
503
504
505
506
507
508
509
510
511
512
513
514
515
516
517
518
519
520
521
522
523
524
525
526
527
528
529
530
531
532
533
534
535
536
537
538
539
540
541
542
543
544
545
546
547
548
549
550
551
552
553
554
555
556
557
558
559
560
561
562
563
564
565
566
567
568
569
570
571
572
573
574
575
576
577
578
579
580
581
582
583
584
585
586
587
588
589
590
591
592
593
594
595
596
597
598
599
600
601
602
603
604
605
606
607
608
609
610
611
612
613
614
615
616
617
618
619
620
621
622
623
624
625
626
627
628
629
630
631
632
633
634
635
636
637
638
639
640
641
642
643
644
645
646
647
648
649
650
651
652
653
654
655
656
657
658
659
660
661
662
663
664
665
666
667
668
669
670
671
672
673
674
675
676
677
678
679
680
681
682
683
684
685
686
687
688
689
690
691
692
693
694
695
696
697
698
699
700
701
702
703
704
705
706
707
708
709
710
711
712
713
714
715
716
717
718
719
720
721
722
723
724
725
726
727
728
729
730
731
732
733
734
735
736
737
738
739
740
741
742
743
744
745
746
747
748
749
750
751
752
753
754
755
756
757
758
759
760
761
762
763
764
765
766
767
768
769
770
771
772
773
774
775
776
777
778
779
780
781
782
783
784
785
786
787
788
789
790
791
792
793
794
795
796
797
798
799
800
801
802
803
804
805
806
807
808
809
810
811
812
813
814
815
816
817
818
819
820
821
822
823
824
825
826
827
828
829
830
831
832
833
834
835
836
837
838
839
840
841
842
843
844
845
846
847
848
849
850
851
852
853
854
855
856
857
858
859
860
861
862
863
864
865
866
867
868
869
870
871
872
873
874
875
876
877
878
879
880
881
882
883
884
885
886
887
888
889
890
891
892
893
894
895
896
897
898
899
900
901
902
903
904
905
906
907
908
909
910
911
912
913
914
915
916
917
918
919
920
921
922
923
924
925
926
927
928
929
930
931
932
933
934
935
936
937
938
939
940
941
942
943
944
945
946
947
948
949
950
951
952
953
954
955
956
957
958
959
960
961
962
963
964
965
966
967
968
969
970
971
972
973
974
975
976
977
978
979
980
981
982
983
984
985
986
987
988
989
990
991
992
993
994
995
996
997
998
999
1000

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4965	51M-177.22	Hồ Chí Minh	6565	51M-145.77	Hồ Chí Minh			
4966	51M-178.66	Hồ Chí Minh	6566	51M-152.69	Hồ Chí Minh			
4967	51M-184.88	Hồ Chí Minh	6567	51M-155.68	Hồ Chí Minh			
4968	51M-191.33	Hồ Chí Minh	6568	51M-164.64	Hồ Chí Minh			
4969	51M-199.22	Hồ Chí Minh	6569	51M-180.81	Hồ Chí Minh			
4970	51M-204.66	Hồ Chí Minh	6570	51M-201.55	Hồ Chí Minh			
4971	51M-206.55	Hồ Chí Minh	6571	51M-213.77	Hồ Chí Minh			
4972	51M-213.89	Hồ Chí Minh	6572	51M-222.57	Hồ Chí Minh			
4973	51M-216.22	Hồ Chí Minh	6573	51M-225.77	Hồ Chí Minh			
4974	51M-217.21	Hồ Chí Minh	6574	51M-232.22	Hồ Chí Minh			
4975	51M-224.69	Hồ Chí Minh	6575	51M-235.33	Hồ Chí Minh			
4976	51M-235.86	Hồ Chí Minh	6576	51M-241.00	Hồ Chí Minh			
4977	51M-253.11	Hồ Chí Minh	6577	51M-243.24	Hồ Chí Minh			
4978	51M-254.68	Hồ Chí Minh	6578	51M-274.99	Hồ Chí Minh			
4979	51M-273.73	Hồ Chí Minh	6579	51M-280.69	Hồ Chí Minh			
4980	51M-275.33	Hồ Chí Minh	6580	51M-284.79	Hồ Chí Minh			
4981	51M-278.44	Hồ Chí Minh	6581	51M-289.55	Hồ Chí Minh			
4982	51M-281.11	Hồ Chí Minh	6582	51M-291.99	Hồ Chí Minh			
4983	51M-289.00	Hồ Chí Minh	6583	51M-292.00	Hồ Chí Minh			
4984	51M-289.66	Hồ Chí Minh	6584	51M-295.95	Hồ Chí Minh			
4985	51M-291.33	Hồ Chí Minh	6585	51M-296.29	Hồ Chí Minh			
4986	51M-293.66	Hồ Chí Minh	6586	51M-298.22	Hồ Chí Minh			
4987	51M-306.22	Hồ Chí Minh	6587	51M-303.88	Hồ Chí Minh			
4988	51N-001.66	Hồ Chí Minh	6588	51M-306.33	Hồ Chí Minh			
4989	51N-002.11	Hồ Chí Minh	6589	51N-020.00	Hồ Chí Minh			
4990	51N-005.50	Hồ Chí Minh	6590	51N-020.89	Hồ Chí Minh			
4991	51N-006.44	Hồ Chí Minh	6591	51N-027.66	Hồ Chí Minh			
4992	51N-009.79	Hồ Chí Minh	6592	51N-029.55	Hồ Chí Minh			
4993	51N-011.88	Hồ Chí Minh	6593	51N-038.86	Hồ Chí Minh			
4994	51N-013.01	Hồ Chí Minh	6594	51N-041.41	Hồ Chí Minh			
4995	51N-016.61	Hồ Chí Minh	6595	51N-041.77	Hồ Chí Minh			
4996	51N-023.79	Hồ Chí Minh	6596	51N-043.79	Hồ Chí Minh			
4997	51N-023.88	Hồ Chí Minh	6597	51N-046.33	Hồ Chí Minh			
4998	51N-028.77	Hồ Chí Minh	6598	51N-047.00	Hồ Chí Minh			
4999	51N-030.30	Hồ Chí Minh	6599	51N-051.33	Hồ Chí Minh			
5000	51N-030.99	Hồ Chí Minh	6600	51N-052.05	Hồ Chí Minh			
5001	51N-032.03	Hồ Chí Minh	6601	51N-056.99	Hồ Chí Minh			
5002	51N-034.99	Hồ Chí Minh	6602	51N-060.68	Hồ Chí Minh			
5003	51N-039.89	Hồ Chí Minh	6603	51N-061.44	Hồ Chí Minh			
5004	51N-042.22	Hồ Chí Minh	6604	51N-081.81	Hồ Chí Minh			
5005	51N-044.39	Hồ Chí Minh	6605	51N-087.89	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5006	51N-054.33	Hồ Chí Minh	6606	51N-092.29	Hồ Chí Minh			
5007	51N-073.00	Hồ Chí Minh	6607	51N-094.00	Hồ Chí Minh			
5008	51N-079.33	Hồ Chí Minh	6608	51N-095.69	Hồ Chí Minh			
5009	51N-086.33	Hồ Chí Minh	6609	51N-095.99	Hồ Chí Minh			
5010	51N-094.09	Hồ Chí Minh	6610	51N-110.22	Hồ Chí Minh			
5011	51N-096.55	Hồ Chí Minh	6611	51N-113.14	Hồ Chí Minh			
5012	51N-103.66	Hồ Chí Minh	6612	51N-126.99	Hồ Chí Minh			
5013	51N-109.01	Hồ Chí Minh	6613	51N-130.22	Hồ Chí Minh			
5014	51N-111.07	Hồ Chí Minh	6614	51N-134.11	Hồ Chí Minh			
5015	51N-113.79	Hồ Chí Minh	6615	51N-139.55	Hồ Chí Minh			
5016	51N-115.68	Hồ Chí Minh	6616	51N-142.86	Hồ Chí Minh			
5017	51N-120.77	Hồ Chí Minh	6617	11B-014.86	Cao Bằng			
5018	51N-122.69	Hồ Chí Minh	6618	11C-088.39	Cao Bằng			
5019	51N-126.33	Hồ Chí Minh	6619	11D-009.88	Cao Bằng			
5020	51N-130.88	Hồ Chí Minh	6620	12A-265.68	Lạng Sơn			
5021	51N-143.68	Hồ Chí Minh	6621	12B-017.79	Lạng Sơn			
5022	51N-150.89	Hồ Chí Minh	6622	12C-143.99	Lạng Sơn			
5023	11C-090.66	Cao Bằng	6623	14A-990.39	Quảng Ninh			
5024	11D-010.89	Cao Bằng	6624	14A-991.22	Quảng Ninh			
5025	11D-012.12	Cao Bằng	6625	14B-055.68	Quảng Ninh			
5026	12A-270.27	Lạng Sơn	6626	14C-462.68	Quảng Ninh			
5027	12B-016.61	Lạng Sơn	6627	14C-463.66	Quảng Ninh			
5028	12B-018.22	Lạng Sơn	6628	14C-464.65	Quảng Ninh			
5029	12C-141.69	Lạng Sơn	6629	14C-471.71	Quảng Ninh			
5030	12D-011.33	Lạng Sơn	6630	14D-032.99	Quảng Ninh			
5031	14A-991.77	Quảng Ninh	6631	14K-003.79	Quảng Ninh			
5032	14A-992.92	Quảng Ninh	6632	14K-003.89	Quảng Ninh			
5033	14A-997.11	Quảng Ninh	6633	14K-004.44	Quảng Ninh			
5034	14A-998.39	Quảng Ninh	6634	14K-005.06	Quảng Ninh			
5035	14A-999.23	Quảng Ninh	6635	14K-026.69	Quảng Ninh			
5036	14C-451.11	Quảng Ninh	6636	14K-037.79	Quảng Ninh			
5037	14C-452.33	Quảng Ninh	6637	14K-041.86	Quảng Ninh			
5038	14C-457.99	Quảng Ninh	6638	15B-057.22	Hải Phòng			
5039	14C-459.33	Quảng Ninh	6639	15C-484.89	Hải Phòng			
5040	14C-470.33	Quảng Ninh	6640	15C-489.77	Hải Phòng			
5041	14K-000.33	Quảng Ninh	6641	15C-493.88	Hải Phòng			
5042	14K-000.47	Quảng Ninh	6642	15K-436.88	Hải Phòng			
5043	14K-006.60	Quảng Ninh	6643	15K-437.11	Hải Phòng			
5044	14K-007.44	Quảng Ninh	6644	15K-444.00	Hải Phòng			
5045	14K-016.22	Quảng Ninh	6645	15K-449.00	Hải Phòng			
5046	14K-016.89	Quảng Ninh	6646	15K-454.33	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5047	14K-018.00	Quảng Ninh	6647	15K-465.69	Hải Phòng			
5048	14K-020.21	Quảng Ninh	6648	15K-466.46	Hải Phòng			
5049	14K-026.88	Quảng Ninh	6649	15K-470.22	Hải Phòng			
5050	14K-028.66	Quảng Ninh	6650	15K-479.44	Hải Phòng			
5051	14K-028.82	Quảng Ninh	6651	15K-480.33	Hải Phòng			
5052	14K-033.30	Quảng Ninh	6652	15K-482.86	Hải Phòng			
5053	14K-034.68	Quảng Ninh	6653	15K-484.79	Hải Phòng			
5054	14K-035.89	Quảng Ninh	6654	15K-495.11	Hải Phòng			
5055	14K-036.36	Quảng Ninh	6655	15K-496.94	Hải Phòng			
5056	14K-043.39	Quảng Ninh	6656	15K-503.68	Hải Phòng			
5057	15C-484.11	Hải Phòng	6657	15K-505.22	Hải Phòng			
5058	15C-488.55	Hải Phòng	6658	15K-506.50	Hải Phòng			
5059	15C-491.49	Hải Phòng	6659	17A-493.69	Thái Bình			
5060	15D-055.22	Hải Phòng	6660	17A-497.89	Thái Bình			
5061	15K-432.86	Hải Phòng	6661	18A-491.49	Nam Định			
5062	15K-434.86	Hải Phòng	6662	18A-498.66	Nam Định			
5063	15K-435.68	Hải Phòng	6663	18C-179.17	Nam Định			
5064	15K-437.39	Hải Phòng	6664	19A-721.21	Phú Thọ			
5065	15K-441.55	Hải Phòng	6665	19A-726.55	Phú Thọ			
5066	15K-444.07	Hải Phòng	6666	19A-727.11	Phú Thọ			
5067	15K-451.11	Hải Phòng	6667	19A-730.77	Phú Thọ			
5068	15K-451.66	Hải Phòng	6668	19A-737.99	Phú Thọ			
5069	15K-452.79	Hải Phòng	6669	19A-745.89	Phú Thọ			
5070	15K-462.33	Hải Phòng	6670	19A-746.39	Phú Thọ			
5071	15K-465.65	Hải Phòng	6671	19A-748.00	Phú Thọ			
5072	15K-495.59	Hải Phòng	6672	19A-752.75	Phú Thọ			
5073	17A-492.89	Thái Bình	6673	19B-028.77	Phú Thọ			
5074	17A-495.33	Thái Bình	6674	19C-272.66	Phú Thọ			
5075	17A-502.33	Thái Bình	6675	19C-272.69	Phú Thọ			
5076	17A-503.44	Thái Bình	6676	19C-277.44	Phú Thọ			
5077	17A-506.06	Thái Bình	6677	19C-277.72	Phú Thọ			
5078	17B-029.11	Thái Bình	6678	19C-278.99	Phú Thọ			
5079	17C-222.09	Thái Bình	6679	19D-019.99	Phú Thọ			
5080	17C-222.48	Thái Bình	6680	19D-022.77	Phú Thọ			
5081	18A-490.88	Nam Định	6681	20A-866.67	Thái Nguyên			
5082	18A-494.22	Nam Định	6682	20A-872.00	Thái Nguyên			
5083	18A-503.22	Nam Định	6683	20A-887.44	Thái Nguyên			
5084	18A-506.50	Nam Định	6684	20A-891.33	Thái Nguyên			
5085	18D-016.17	Nam Định	6685	20A-903.90	Thái Nguyên			
5086	18D-016.99	Nam Định	6686	20A-906.39	Thái Nguyên			
5087	19A-715.69	Phú Thọ	6687	20B-036.99	Thái Nguyên			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5088	19A-719.11	Phú Thọ	6688	20B-037.79	Thái Nguyên			
5089	19A-729.11	Phú Thọ	6689	20C-309.66	Thái Nguyên			
5090	19A-730.99	Phú Thọ	6690	20C-314.11	Thái Nguyên			
5091	19A-749.44	Phú Thọ	6691	20C-319.99	Thái Nguyên			
5092	19A-750.22	Phú Thọ	6692	21A-222.12	Yên Bái			
5093	19A-756.55	Phú Thọ	6693	21A-227.44	Yên Bái			
5094	19A-756.75	Phú Thọ	6694	21B-013.69	Yên Bái			
5095	19A-757.69	Phú Thọ	6695	21B-016.68	Yên Bái			
5096	19B-030.44	Phú Thọ	6696	22A-272.44	Tuyên Quang			
5097	19C-264.33	Phú Thọ	6697	22A-275.99	Tuyên Quang			
5098	19C-268.77	Phú Thọ	6698	22A-282.39	Tuyên Quang			
5099	19C-273.22	Phú Thọ	6699	22A-282.66	Tuyên Quang			
5100	19C-273.73	Phú Thọ	6700	22B-015.88	Tuyên Quang			
5101	19C-277.55	Phú Thọ	6701	22B-017.22	Tuyên Quang			
5102	19D-020.22	Phú Thọ	6702	22D-012.10	Tuyên Quang			
5103	20A-861.79	Thái Nguyên	6703	22D-013.55	Tuyên Quang			
5104	20A-865.33	Thái Nguyên	6704	23A-165.86	Hà Giang			
5105	20A-865.77	Thái Nguyên	6705	23A-170.89	Hà Giang			
5106	20A-880.44	Thái Nguyên	6706	23B-012.77	Hà Giang			
5107	20A-883.22	Thái Nguyên	6707	24A-316.00	Lào Cai			
5108	20A-886.00	Thái Nguyên	6708	24A-321.12	Lào Cai			
5109	20A-891.11	Thái Nguyên	6709	24A-322.55	Lào Cai			
5110	20A-903.55	Thái Nguyên	6710	24B-019.01	Lào Cai			
5111	20A-906.99	Thái Nguyên	6711	24C-168.33	Lào Cai			
5112	20B-035.30	Thái Nguyên	6712	24C-169.68	Lào Cai			
5113	20B-036.39	Thái Nguyên	6713	24C-170.07	Lào Cai			
5114	21A-222.47	Yên Bái	6714	25A-086.08	Lai Châu			
5115	21A-231.44	Yên Bái	6715	25A-086.80	Lai Châu			
5116	21A-232.11	Yên Bái	6716	25A-087.88	Lai Châu			
5117	21B-015.68	Yên Bái	6717	25B-008.00	Lai Châu			
5118	22A-272.27	Tuyên Quang	6718	25B-009.86	Lai Châu			
5119	22A-273.99	Tuyên Quang	6719	25B-009.96	Lai Châu			
5120	22A-280.89	Tuyên Quang	6720	25C-060.68	Lai Châu			
5121	22A-281.79	Tuyên Quang	6721	26A-243.44	Sơn La			
5122	22C-118.66	Tuyên Quang	6722	26A-246.24	Sơn La			
5123	23A-165.88	Hà Giang	6723	26C-164.11	Sơn La			
5124	23B-011.69	Hà Giang	6724	26C-164.66	Sơn La			
5125	23B-013.01	Hà Giang	6725	26C-168.69	Sơn La			
5126	23B-013.14	Hà Giang	6726	27A-129.33	Điện Biên			
5127	23C-090.77	Hà Giang	6727	27A-129.86	Điện Biên			
5128	23D-007.69	Hà Giang	6728	27A-133.79	Điện Biên			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5129	24A-319.86	Lào Cai	6729	27A-134.68	Điện Biên			
5130	24B-019.99	Lào Cai	6730	27A-135.39	Điện Biên			
5131	25C-062.22	Lai Châu	6731	27B-016.61	Điện Biên			
5132	25D-007.68	Lai Châu	6732	27C-077.70	Điện Biên			
5133	25D-009.55	Lai Châu	6733	27D-009.09	Điện Biên			
5134	25D-010.39	Lai Châu	6734	28A-269.26	Hòa Bình			
5135	26A-236.68	Sơn La	6735	28D-011.44	Hòa Bình			
5136	26A-238.77	Sơn La	6736	28D-011.99	Hòa Bình			
5137	26C-163.68	Sơn La	6737	28D-012.66	Hòa Bình			
5138	26C-166.16	Sơn La	6738	28D-012.69	Hòa Bình			
5139	27A-129.79	Điện Biên	6739	29B-659.11	Hà Nội			
5140	27A-131.22	Điện Biên	6740	29D-626.77	Hà Nội			
5141	27A-134.39	Điện Biên	6741	29K-331.79	Hà Nội			
5142	27A-135.68	Điện Biên	6742	29K-342.39	Hà Nội			
5143	27B-014.33	Điện Biên	6743	29K-343.66	Hà Nội			
5144	27B-015.11	Điện Biên	6744	29K-350.05	Hà Nội			
5145	27B-016.16	Điện Biên	6745	29K-351.88	Hà Nội			
5146	27D-008.22	Điện Biên	6746	29K-356.77	Hà Nội			
5147	27D-009.69	Điện Biên	6747	29K-359.22	Hà Nội			
5148	28A-259.77	Hòa Bình	6748	29K-359.68	Hà Nội			
5149	28A-260.00	Hòa Bình	6749	29K-369.11	Hà Nội			
5150	28C-124.55	Hòa Bình	6750	29K-373.44	Hà Nội			
5151	29D-627.77	Hà Nội	6751	29K-384.68	Hà Nội			
5152	29D-631.00	Hà Nội	6752	29K-385.00	Hà Nội			
5153	29D-632.68	Hà Nội	6753	29K-397.86	Hà Nội			
5154	29D-636.69	Hà Nội	6754	29K-400.40	Hà Nội			
5155	29K-337.38	Hà Nội	6755	29K-405.88	Hà Nội			
5156	29K-337.99	Hà Nội	6756	29K-414.55	Hà Nội			
5157	29K-346.47	Hà Nội	6757	29K-417.14	Hà Nội			
5158	29K-350.11	Hà Nội	6758	29K-420.20	Hà Nội			
5159	29K-358.22	Hà Nội	6759	29K-429.24	Hà Nội			
5160	29K-366.36	Hà Nội	6760	29K-434.86	Hà Nội			
5161	29K-368.00	Hà Nội	6761	29K-435.69	Hà Nội			
5162	29K-375.11	Hà Nội	6762	29K-438.33	Hà Nội			
5163	29K-378.89	Hà Nội	6763	29K-440.22	Hà Nội			
5164	29K-380.22	Hà Nội	6764	29K-442.44	Hà Nội			
5165	29K-382.00	Hà Nội	6765	29K-459.11	Hà Nội			
5166	29K-383.55	Hà Nội	6766	29K-459.33	Hà Nội			
5167	29K-386.77	Hà Nội	6767	29K-460.00	Hà Nội			
5168	29K-387.38	Hà Nội	6768	29K-462.33	Hà Nội			
5169	29K-390.11	Hà Nội	6769	29K-462.89	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5170	29K-394.79	Hà Nội	6770	29K-463.88	Hà Nội			
5171	29K-402.20	Hà Nội	6771	29K-468.39	Hà Nội			
5172	29K-402.39	Hà Nội	6772	29K-473.86	Hà Nội			
5173	29K-402.79	Hà Nội	6773	29K-476.99	Hà Nội			
5174	29K-404.00	Hà Nội	6774	34A-923.79	Hải Dương			
5175	29K-406.00	Hà Nội	6775	34A-928.69	Hải Dương			
5176	29K-407.04	Hà Nội	6776	34A-939.11	Hải Dương			
5177	29K-428.29	Hà Nội	6777	34A-954.86	Hải Dương			
5178	29K-430.69	Hà Nội	6778	34A-958.69	Hải Dương			
5179	29K-434.22	Hà Nội	6779	34A-959.96	Hải Dương			
5180	29K-436.77	Hà Nội	6780	34C-436.37	Hải Dương			
5181	29K-439.34	Hà Nội	6781	34C-437.33	Hải Dương			
5182	29K-444.37	Hà Nội	6782	34C-441.33	Hải Dương			
5183	29K-444.69	Hà Nội	6783	34C-444.23	Hải Dương			
5184	29K-469.22	Hà Nội	6784	34C-452.55	Hải Dương			
5185	34A-922.89	Hải Dương	6785	34D-040.44	Hải Dương			
5186	34A-926.11	Hải Dương	6786	35A-474.55	Ninh Bình			
5187	34A-928.86	Hải Dương	6787	35A-478.68	Ninh Bình			
5188	34A-933.93	Hải Dương	6788	35A-480.89	Ninh Bình			
5189	34A-944.99	Hải Dương	6789	35A-482.99	Ninh Bình			
5190	34A-949.49	Hải Dương	6790	36C-553.39	Thanh Hóa			
5191	34A-959.00	Hải Dương	6791	36C-554.99	Thanh Hóa			
5192	34A-960.44	Hải Dương	6792	36C-555.88	Thanh Hóa			
5193	34B-046.88	Hải Dương	6793	36C-557.99	Thanh Hóa			
5194	34C-435.36	Hải Dương	6794	36C-559.00	Thanh Hóa			
5195	34C-437.89	Hải Dương	6795	36C-570.86	Thanh Hóa			
5196	34C-439.77	Hải Dương	6796	36C-572.75	Thanh Hóa			
5197	34C-447.48	Hải Dương	6797	36C-580.22	Thanh Hóa			
5198	34C-448.00	Hải Dương	6798	36D-032.39	Thanh Hóa			
5199	34D-041.66	Hải Dương	6799	36K-230.88	Thanh Hóa			
5200	35A-464.00	Ninh Bình	6800	36K-231.44	Thanh Hóa			
5201	35A-464.66	Ninh Bình	6801	36K-233.32	Thanh Hóa			
5202	35B-026.26	Ninh Bình	6802	36K-236.22	Thanh Hóa			
5203	35C-185.22	Ninh Bình	6803	36K-244.77	Thanh Hóa			
5204	35C-185.88	Ninh Bình	6804	36K-248.44	Thanh Hóa			
5205	35D-018.18	Ninh Bình	6805	36K-254.89	Thanh Hóa			
5206	36B-049.39	Thanh Hóa	6806	36K-255.79	Thanh Hóa			
5207	36C-554.69	Thanh Hóa	6807	36K-276.00	Thanh Hóa			
5208	36C-559.77	Thanh Hóa	6808	36K-278.66	Thanh Hóa			
5209	36C-560.79	Thanh Hóa	6809	36K-280.28	Thanh Hóa			
5210	36C-569.66	Thanh Hóa	6810	36K-286.39	Thanh Hóa			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5211	36C-576.33	Thanh Hóa	6811	36K-291.69	Thanh Hóa			
5212	36C-576.55	Thanh Hóa	6812	36K-292.93	Thanh Hóa			
5213	36C-579.11	Thanh Hóa	6813	36K-304.39	Thanh Hóa			
5214	36C-579.69	Thanh Hóa	6814	36K-306.69	Thanh Hóa			
5215	36C-581.85	Thanh Hóa	6815	37C-567.55	Nghệ An			
5216	36K-229.88	Thanh Hóa	6816	37C-569.33	Nghệ An			
5217	36K-230.89	Thanh Hóa	6817	37C-570.88	Nghệ An			
5218	36K-232.69	Thanh Hóa	6818	37C-571.68	Nghệ An			
5219	36K-234.66	Thanh Hóa	6819	37C-576.68	Nghệ An			
5220	36K-235.32	Thanh Hóa	6820	37C-581.68	Nghệ An			
5221	36K-235.36	Thanh Hóa	6821	37C-583.39	Nghệ An			
5222	36K-241.24	Thanh Hóa	6822	37C-584.86	Nghệ An			
5223	36K-243.24	Thanh Hóa	6823	37D-050.33	Nghệ An			
5224	36K-248.42	Thanh Hóa	6824	37D-050.88	Nghệ An			
5225	36K-250.50	Thanh Hóa	6825	37K-510.11	Nghệ An			
5226	36K-253.88	Thanh Hóa	6826	37K-512.66	Nghệ An			
5227	36K-254.22	Thanh Hóa	6827	37K-519.86	Nghệ An			
5228	36K-259.39	Thanh Hóa	6828	37K-523.22	Nghệ An			
5229	36K-272.72	Thanh Hóa	6829	37K-525.22	Nghệ An			
5230	36K-281.00	Thanh Hóa	6830	37K-530.44	Nghệ An			
5231	36K-289.00	Thanh Hóa	6831	37K-531.69	Nghệ An			
5232	36K-290.92	Thanh Hóa	6832	37K-540.33	Nghệ An			
5233	36K-291.11	Thanh Hóa	6833	37K-545.54	Nghệ An			
5234	36K-295.89	Thanh Hóa	6834	37K-547.11	Nghệ An			
5235	36K-305.68	Thanh Hóa	6835	37K-552.33	Nghệ An			
5236	37C-577.78	Nghệ An	6836	37K-555.36	Nghệ An			
5237	37C-579.69	Nghệ An	6837	37K-561.66	Nghệ An			
5238	37C-580.11	Nghệ An	6838	37K-568.44	Nghệ An			
5239	37C-581.77	Nghệ An	6839	37K-575.39	Nghệ An			
5240	37C-585.55	Nghệ An	6840	38A-685.77	Hà Tĩnh			
5241	37C-592.66	Nghệ An	6841	38A-710.77	Hà Tĩnh			
5242	37C-592.92	Nghệ An	6842	38A-711.33	Hà Tĩnh			
5243	37C-596.89	Nghệ An	6843	38B-025.66	Hà Tĩnh			
5244	37K-483.44	Nghệ An	6844	38B-026.68	Hà Tĩnh			
5245	37K-488.11	Nghệ An	6845	38C-242.86	Hà Tĩnh			
5246	37K-491.94	Nghệ An	6846	38C-244.66	Hà Tĩnh			
5247	37K-493.22	Nghệ An	6847	38C-245.46	Hà Tĩnh			
5248	37K-499.39	Nghệ An	6848	38C-247.22	Hà Tĩnh			
5249	37K-500.11	Nghệ An	6849	38D-020.66	Hà Tĩnh			
5250	37K-500.79	Nghệ An	6850	43A-950.11	Đà Nẵng			
5251	37K-503.79	Nghệ An	6851	43A-953.11	Đà Nẵng			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5252	37K-506.68	Nghệ An	6852	43A-956.89	Đà Nẵng			
5253	37K-516.88	Nghệ An	6853	43A-974.75	Đà Nẵng			
5254	37K-521.00	Nghệ An	6854	43A-974.86	Đà Nẵng			
5255	37K-524.42	Nghệ An	6855	43B-066.22	Đà Nẵng			
5256	37K-526.52	Nghệ An	6856	43B-066.68	Đà Nẵng			
5257	37K-534.89	Nghệ An	6857	43C-324.24	Đà Nẵng			
5258	37K-537.88	Nghệ An	6858	47A-818.69	Đắk Lắk			
5259	37K-543.69	Nghệ An	6859	47A-820.88	Đắk Lắk			
5260	37K-549.45	Nghệ An	6860	47A-823.55	Đắk Lắk			
5261	37K-554.54	Nghệ An	6861	47A-825.26	Đắk Lắk			
5262	37K-555.48	Nghệ An	6862	47A-828.77	Đắk Lắk			
5263	37K-565.65	Nghệ An	6863	47A-834.68	Đắk Lắk			
5264	38A-690.39	Hà Tĩnh	6864	47A-843.43	Đắk Lắk			
5265	38A-691.22	Hà Tĩnh	6865	47A-845.22	Đắk Lắk			
5266	38A-693.00	Hà Tĩnh	6866	47A-845.84	Đắk Lắk			
5267	38A-693.79	Hà Tĩnh	6867	47A-848.44	Đắk Lắk			
5268	38A-708.77	Hà Tĩnh	6868	47A-849.39	Đắk Lắk			
5269	38A-709.09	Hà Tĩnh	6869	47A-852.79	Đắk Lắk			
5270	38B-026.69	Hà Tĩnh	6870	47A-857.69	Đắk Lắk			
5271	38C-248.77	Hà Tĩnh	6871	47A-858.85	Đắk Lắk			
5272	43A-944.69	Đà Nẵng	6872	47A-860.77	Đắk Lắk			
5273	43A-951.79	Đà Nẵng	6873	47A-862.55	Đắk Lắk			
5274	43A-952.11	Đà Nẵng	6874	47A-864.44	Đắk Lắk			
5275	43A-952.77	Đà Nẵng	6875	47C-398.11	Đắk Lắk			
5276	43A-953.69	Đà Nẵng	6876	47C-408.69	Đắk Lắk			
5277	43A-954.55	Đà Nẵng	6877	47C-411.14	Đắk Lắk			
5278	43A-954.77	Đà Nẵng	6878	47C-413.41	Đắk Lắk			
5279	43A-955.69	Đà Nẵng	6879	47C-416.66	Đắk Lắk			
5280	43A-962.69	Đà Nẵng	6880	47C-422.66	Đắk Lắk			
5281	43A-965.77	Đà Nẵng	6881	47D-021.44	Đắk Lắk			
5282	43A-972.00	Đà Nẵng	6882	47D-025.02	Đắk Lắk			
5283	43A-976.89	Đà Nẵng	6883	48A-251.68	Đắk Nông			
5284	43B-065.69	Đà Nẵng	6884	48A-255.25	Đắk Nông			
5285	43C-315.77	Đà Nẵng	6885	48A-260.61	Đắk Nông			
5286	43C-318.44	Đà Nẵng	6886	48C-121.68	Đắk Nông			
5287	43C-319.77	Đà Nẵng	6887	48C-122.89	Đắk Nông			
5288	43C-321.12	Đà Nẵng	6888	49A-746.79	Lâm Đồng			
5289	43C-322.44	Đà Nẵng	6889	49A-748.55	Lâm Đồng			
5290	47A-825.68	Đắk Lắk	6890	49A-754.11	Lâm Đồng			
5291	47A-847.33	Đắk Lắk	6891	49A-754.89	Lâm Đồng			
5292	47A-859.44	Đắk Lắk	6892	49A-756.69	Lâm Đồng			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5293	47A-864.00	Đắk Lắk	6893	49A-760.22	Lâm Đồng			
5294	47B-043.00	Đắk Lắk	6894	49A-761.33	Lâm Đồng			
5295	47C-398.77	Đắk Lắk	6895	49A-764.11	Lâm Đồng			
5296	47C-403.55	Đắk Lắk	6896	49A-773.33	Lâm Đồng			
5297	47C-416.41	Đắk Lắk	6897	49B-034.22	Lâm Đồng			
5298	47C-417.41	Đắk Lắk	6898	49B-035.68	Lâm Đồng			
5299	47C-421.42	Đắk Lắk	6899	49C-386.11	Lâm Đồng			
5300	47C-422.77	Đắk Lắk	6900	49C-388.00	Lâm Đồng			
5301	47D-022.33	Đắk Lắk	6901	49C-389.33	Lâm Đồng			
5302	48A-261.26	Đắk Nông	6902	49C-390.11	Lâm Đồng			
5303	49A-746.46	Lâm Đồng	6903	49C-390.22	Lâm Đồng			
5304	49A-748.74	Lâm Đồng	6904	49C-396.93	Lâm Đồng			
5305	49A-749.00	Lâm Đồng	6905	51B-714.22	Hồ Chí Minh			
5306	49A-749.33	Lâm Đồng	6906	51E-344.45	Hồ Chí Minh			
5307	49A-750.51	Lâm Đồng	6907	51E-352.79	Hồ Chí Minh			
5308	49A-752.75	Lâm Đồng	6908	51E-353.22	Hồ Chí Minh			
5309	49A-757.11	Lâm Đồng	6909	60B-077.66	Đồng Nai			
5310	49A-760.60	Lâm Đồng	6910	60C-757.39	Đồng Nai			
5311	49A-764.46	Lâm Đồng	6911	60C-763.69	Đồng Nai			
5312	49A-768.76	Lâm Đồng	6912	60C-770.68	Đồng Nai			
5313	49A-769.00	Lâm Đồng	6913	60C-783.00	Đồng Nai			
5314	49A-777.23	Lâm Đồng	6914	60C-784.39	Đồng Nai			
5315	49A-780.44	Lâm Đồng	6915	60C-784.66	Đồng Nai			
5316	49C-384.44	Lâm Đồng	6916	60D-025.25	Đồng Nai			
5317	49C-389.44	Lâm Đồng	6917	60K-621.33	Đồng Nai			
5318	49C-390.89	Lâm Đồng	6918	60K-631.32	Đồng Nai			
5319	49C-390.90	Lâm Đồng	6919	60K-634.36	Đồng Nai			
5320	49C-390.91	Lâm Đồng	6920	60K-638.36	Đồng Nai			
5321	49C-391.69	Lâm Đồng	6921	60K-640.40	Đồng Nai			
5322	49C-396.00	Lâm Đồng	6922	60K-647.22	Đồng Nai			
5323	51E-342.77	Hồ Chí Minh	6923	60K-649.49	Đồng Nai			
5324	60B-078.70	Đồng Nai	6924	60K-650.88	Đồng Nai			
5325	60C-767.77	Đồng Nai	6925	60K-654.99	Đồng Nai			
5326	60C-782.88	Đồng Nai	6926	60K-656.33	Đồng Nai			
5327	60C-784.99	Đồng Nai	6927	60K-656.65	Đồng Nai			
5328	60C-789.39	Đồng Nai	6928	60K-665.68	Đồng Nai			
5329	60C-792.89	Đồng Nai	6929	60K-670.67	Đồng Nai			
5330	60D-024.20	Đồng Nai	6930	60K-672.86	Đồng Nai			
5331	60K-619.86	Đồng Nai	6931	60K-675.75	Đồng Nai			
5332	60K-625.69	Đồng Nai	6932	60K-677.76	Đồng Nai			
5333	60K-630.79	Đồng Nai	6933	60K-678.55	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5334	60K-631.36	Đồng Nai	6934	60K-682.00	Đồng Nai			
5335	60K-644.66	Đồng Nai	6935	60K-683.79	Đồng Nai			
5336	60K-651.39	Đồng Nai	6936	60K-686.33	Đồng Nai			
5337	60K-652.53	Đồng Nai	6937	60K-686.55	Đồng Nai			
5338	60K-655.69	Đồng Nai	6938	60K-690.96	Đồng Nai			
5339	60K-657.66	Đồng Nai	6939	60K-698.66	Đồng Nai			
5340	60K-674.86	Đồng Nai	6940	60K-701.00	Đồng Nai			
5341	60K-681.82	Đồng Nai	6941	61C-615.33	Bình Dương			
5342	60K-685.66	Đồng Nai	6942	61C-616.11	Bình Dương			
5343	60K-691.86	Đồng Nai	6943	61C-619.44	Bình Dương			
5344	60K-693.86	Đồng Nai	6944	61C-621.26	Bình Dương			
5345	61C-613.55	Bình Dương	6945	61C-635.22	Bình Dương			
5346	61C-615.89	Bình Dương	6946	61D-022.88	Bình Dương			
5347	61C-619.39	Bình Dương	6947	61D-023.00	Bình Dương			
5348	61C-622.39	Bình Dương	6948	61K-524.89	Bình Dương			
5349	61C-623.86	Bình Dương	6949	61K-535.77	Bình Dương			
5350	61C-634.11	Bình Dương	6950	61K-536.11	Bình Dương			
5351	61C-637.86	Bình Dương	6951	61K-537.66	Bình Dương			
5352	61C-640.39	Bình Dương	6952	61K-538.86	Bình Dương			
5353	61K-528.86	Bình Dương	6953	61K-552.53	Bình Dương			
5354	61K-529.00	Bình Dương	6954	61K-555.69	Bình Dương			
5355	61K-532.66	Bình Dương	6955	61K-563.69	Bình Dương			
5356	61K-534.00	Bình Dương	6956	61K-565.39	Bình Dương			
5357	61K-543.34	Bình Dương	6957	61K-565.44	Bình Dương			
5358	61K-551.69	Bình Dương	6958	61K-570.71	Bình Dương			
5359	61K-552.89	Bình Dương	6959	61K-578.77	Bình Dương			
5360	61K-558.11	Bình Dương	6960	61K-579.75	Bình Dương			
5361	61K-563.33	Bình Dương	6961	61K-582.83	Bình Dương			
5362	61K-564.11	Bình Dương	6962	61K-592.29	Bình Dương			
5363	61K-567.00	Bình Dương	6963	61K-598.55	Bình Dương			
5364	61K-574.74	Bình Dương	6964	62A-475.88	Long An			
5365	61K-578.44	Bình Dương	6965	62A-476.88	Long An			
5366	61K-581.69	Bình Dương	6966	62A-483.22	Long An			
5367	61K-582.79	Bình Dương	6967	62A-491.49	Long An			
5368	61K-596.22	Bình Dương	6968	62A-491.55	Long An			
5369	62A-473.11	Long An	6969	62A-491.92	Long An			
5370	62A-478.11	Long An	6970	62A-492.79	Long An			
5371	62A-481.55	Long An	6971	62B-034.03	Long An			
5372	62B-033.99	Long An	6972	62B-034.68	Long An			
5373	62C-217.89	Long An	6973	62C-219.99	Long An			
5374	63A-329.88	Tiền Giang	6974	62C-220.11	Long An			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5375	63A-332.55	Tiền Giang	6975	62C-224.42	Long An			
5376	63A-333.24	Tiền Giang	6976	63A-330.03	Tiền Giang			
5377	63A-336.79	Tiền Giang	6977	63A-330.69	Tiền Giang			
5378	63A-341.39	Tiền Giang	6978	63A-334.39	Tiền Giang			
5379	63C-234.77	Tiền Giang	6979	63A-341.41	Tiền Giang			
5380	63C-239.96	Tiền Giang	6980	63B-036.39	Tiền Giang			
5381	63D-012.88	Tiền Giang	6981	63C-229.77	Tiền Giang			
5382	64A-209.55	Vĩnh Long	6982	63C-235.99	Tiền Giang			
5383	64A-209.77	Vĩnh Long	6983	63C-237.38	Tiền Giang			
5384	64C-135.77	Vĩnh Long	6984	63C-239.00	Tiền Giang			
5385	64C-140.14	Vĩnh Long	6985	63C-240.44	Tiền Giang			
5386	65A-518.68	Cần Thơ	6986	63C-240.88	Tiền Giang			
5387	65A-518.79	Cần Thơ	6987	64A-204.33	Vĩnh Long			
5388	65A-519.77	Cần Thơ	6988	64A-206.11	Vĩnh Long			
5389	65A-521.86	Cần Thơ	6989	64D-009.22	Vĩnh Long			
5390	65A-523.88	Cần Thơ	6990	65A-524.86	Cần Thơ			
5391	65A-534.43	Cần Thơ	6991	65A-528.29	Cần Thơ			
5392	65C-260.22	Cần Thơ	6992	65A-530.99	Cần Thơ			
5393	65C-261.77	Cần Thơ	6993	65A-535.11	Cần Thơ			
5394	65C-265.99	Cần Thơ	6994	65C-249.77	Cần Thơ			
5395	65C-267.86	Cần Thơ	6995	65C-253.77	Cần Thơ			
5396	65C-267.99	Cần Thơ	6996	65C-256.77	Cần Thơ			
5397	65C-269.44	Cần Thơ	6997	65C-259.33	Cần Thơ			
5398	65C-270.44	Cần Thơ	6998	65C-265.65	Cần Thơ			
5399	65C-275.39	Cần Thơ	6999	65C-268.33	Cần Thơ			
5400	65C-276.55	Cần Thơ	7000	65C-272.89	Cần Thơ			
5401	65D-014.10	Cần Thơ	7001	65C-273.00	Cần Thơ			
5402	66A-304.69	Đồng Tháp	7002	65C-279.22	Cần Thơ			
5403	66A-308.66	Đồng Tháp	7003	65D-012.68	Cần Thơ			
5404	66C-191.44	Đồng Tháp	7004	65D-013.66	Cần Thơ			
5405	67A-333.26	An Giang	7005	66A-302.66	Đồng Tháp			
5406	67A-336.79	An Giang	7006	66A-308.11	Đồng Tháp			
5407	67A-338.89	An Giang	7007	66B-023.69	Đồng Tháp			
5408	67C-192.77	An Giang	7008	66C-184.68	Đồng Tháp			
5409	67C-193.66	An Giang	7009	66C-191.88	Đồng Tháp			
5410	68A-374.11	Kiên Giang	7010	66D-012.01	Đồng Tháp			
5411	68A-381.66	Kiên Giang	7011	66D-012.21	Đồng Tháp			
5412	68C-179.96	Kiên Giang	7012	66D-013.69	Đồng Tháp			
5413	68C-184.85	Kiên Giang	7013	66D-013.77	Đồng Tháp			
5414	68C-184.88	Kiên Giang	7014	67A-333.69	An Giang			
5415	69A-170.69	Cà Mau	7015	67C-195.69	An Giang			

01/4
 ÔNG
 ĐẦU C
 ỢP D
 IỆT M
 XUÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5416	69B-014.55	Cà Mau	7016	68A-367.77	Kiên Giang			
5417	69C-106.77	Cà Mau	7017	68A-379.22	Kiên Giang			
5418	70A-590.79	Tây Ninh	7018	68A-379.44	Kiên Giang			
5419	70A-600.22	Tây Ninh	7019	68D-007.79	Kiên Giang			
5420	70A-601.00	Tây Ninh	7020	69A-168.77	Cà Mau			
5421	70A-601.88	Tây Ninh	7021	69A-175.79	Cà Mau			
5422	70A-614.61	Tây Ninh	7022	69B-015.88	Cà Mau			
5423	70A-614.68	Tây Ninh	7023	69D-007.88	Cà Mau			
5424	70B-034.22	Tây Ninh	7024	70A-594.22	Tây Ninh			
5425	70B-035.30	Tây Ninh	7025	70A-596.59	Tây Ninh			
5426	70B-036.89	Tây Ninh	7026	70A-599.77	Tây Ninh			
5427	70C-214.86	Tây Ninh	7027	70A-604.11	Tây Ninh			
5428	70C-215.89	Tây Ninh	7028	70A-615.11	Tây Ninh			
5429	71C-137.31	Bến Tre	7029	70B-035.00	Tây Ninh			
5430	71D-006.44	Bến Tre	7030	70C-217.22	Tây Ninh			
5431	72A-847.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	7031	71C-136.55	Bến Tre			
5432	72A-848.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	7032	71D-007.44	Bến Tre			
5433	72A-851.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	7033	72A-851.11	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5434	72A-852.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	7034	72A-852.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5435	72A-853.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7035	72A-857.89	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5436	72A-859.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7036	72A-858.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5437	72A-864.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	7037	72A-866.67	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5438	72A-873.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	7038	72A-867.11	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5439	72C-277.72	Bà Rịa - Vũng Tàu	7039	72A-868.22	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5440	72D-013.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	7040	72A-873.44	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5441	73A-374.89	Quảng Bình	7041	72A-873.74	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5442	73A-381.38	Quảng Bình	7042	72A-874.87	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5443	73A-382.11	Quảng Bình	7043	72A-882.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5444	73B-018.39	Quảng Bình	7044	72B-047.04	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5445	73D-011.89	Quảng Bình	7045	72B-047.22	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5446	74A-280.68	Quảng Trị	7046	72C-266.68	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5447	74C-149.94	Quảng Trị	7047	72C-267.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5448	74D-015.44	Quảng Trị	7048	72C-268.00	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5449	75A-391.55	Thừa Thiên Huế	7049	72C-269.77	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5450	75A-396.79	Thừa Thiên Huế	7050	72C-270.88	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5451	75A-401.66	Thừa Thiên Huế	7051	72C-273.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5452	75B-029.88	Thừa Thiên Huế	7052	72D-013.55	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5453	75B-030.03	Thừa Thiên Huế	7053	73A-373.44	Quảng Bình			
5454	75B-032.86	Thừa Thiên Huế	7054	73A-375.00	Quảng Bình			
5455	75C-159.88	Thừa Thiên Huế	7055	73A-377.00	Quảng Bình			
5456	75C-160.66	Thừa Thiên Huế	7056	73A-377.88	Quảng Bình			

T. PH. NH. Á. C.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5457	75C-164.33	Thừa Thiên Huế	7057	73A-381.22	Quảng Bình			
5458	75D-009.69	Thừa Thiên Huế	7058	73C-192.11	Quảng Bình			
5459	76A-324.22	Quảng Ngãi	7059	73C-192.33	Quảng Bình			
5460	76A-328.11	Quảng Ngãi	7060	73C-192.44	Quảng Bình			
5461	76A-334.43	Quảng Ngãi	7061	73C-195.11	Quảng Bình			
5462	76D-015.10	Quảng Ngãi	7062	73C-197.91	Quảng Bình			
5463	77A-359.44	Bình Định	7063	73D-010.86	Quảng Bình			
5464	77A-360.22	Bình Định	7064	74A-281.55	Quảng Trị			
5465	77A-363.44	Bình Định	7065	74A-286.11	Quảng Trị			
5466	77A-363.77	Bình Định	7066	74B-018.69	Quảng Trị			
5467	77A-368.77	Bình Định	7067	75A-387.83	Thừa Thiên Huế			
5468	77A-369.11	Bình Định	7068	75A-387.86	Thừa Thiên Huế			
5469	77C-266.11	Bình Định	7069	75A-388.77	Thừa Thiên Huế			
5470	77D-009.11	Bình Định	7070	75A-392.88	Thừa Thiên Huế			
5471	77D-009.33	Bình Định	7071	75A-401.69	Thừa Thiên Huế			
5472	77D-009.44	Bình Định	7072	75B-032.99	Thừa Thiên Huế			
5473	78A-219.44	Phú Yên	7073	75C-159.22	Thừa Thiên Huế			
5474	78C-127.11	Phú Yên	7074	75C-161.55	Thừa Thiên Huế			
5475	78C-128.44	Phú Yên	7075	76A-325.68	Quảng Ngãi			
5476	78D-007.07	Phú Yên	7076	76A-326.39	Quảng Ngãi			
5477	79A-570.99	Khánh Hòa	7077	76A-328.32	Quảng Ngãi			
5478	79A-582.85	Khánh Hòa	7078	76A-330.66	Quảng Ngãi			
5479	79A-583.38	Khánh Hòa	7079	76A-333.13	Quảng Ngãi			
5480	79A-591.11	Khánh Hòa	7080	76B-030.31	Quảng Ngãi			
5481	79C-230.31	Khánh Hòa	7081	77A-360.60	Bình Định			
5482	79C-232.88	Khánh Hòa	7082	77A-368.00	Bình Định			
5483	79D-013.79	Khánh Hòa	7083	77B-040.68	Bình Định			
5484	81A-464.89	Gia Lai	7084	77C-263.22	Bình Định			
5485	81A-469.00	Gia Lai	7085	77C-263.69	Bình Định			
5486	81A-470.74	Gia Lai	7086	77C-266.00	Bình Định			
5487	81D-015.15	Gia Lai	7087	78A-216.16	Phú Yên			
5488	82A-159.39	Kon Tum	7088	78A-217.11	Phú Yên			
5489	82A-160.11	Kon Tum	7089	78A-219.00	Phú Yên			
5490	82A-163.86	Kon Tum	7090	78A-219.69	Phú Yên			
5491	82B-023.77	Kon Tum	7091	78A-221.79	Phú Yên			
5492	82C-098.69	Kon Tum	7092	78B-018.77	Phú Yên			
5493	82D-013.00	Kon Tum	7093	78C-126.62	Phú Yên			
5494	82D-014.22	Kon Tum	7094	78D-007.00	Phú Yên			
5495	83A-197.88	Sóc Trăng	7095	78D-009.44	Phú Yên			
5496	83B-024.66	Sóc Trăng	7096	79A-575.00	Khánh Hòa			
5497	83C-135.55	Sóc Trăng	7097	79A-578.89	Khánh Hòa			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5498	83C-137.77	Sóc Trăng	7098	79A-580.22	Khánh Hòa			
5499	83D-011.01	Sóc Trăng	7099	79A-581.89	Khánh Hòa			
5500	84A-147.39	Trà Vinh	7100	79A-582.86	Khánh Hòa			
5501	84A-148.89	Trà Vinh	7101	79A-593.00	Khánh Hòa			
5502	84B-020.33	Trà Vinh	7102	79C-228.22	Khánh Hòa			
5503	84B-021.68	Trà Vinh	7103	79C-230.33	Khánh Hòa			
5504	84B-021.79	Trà Vinh	7104	79D-012.21	Khánh Hòa			
5505	85A-149.44	Ninh Thuận	7105	81A-453.69	Gia Lai			
5506	85B-016.11	Ninh Thuận	7106	81A-455.88	Gia Lai			
5507	85C-087.22	Ninh Thuận	7107	81A-461.55	Gia Lai			
5508	85D-009.44	Ninh Thuận	7108	81A-469.22	Gia Lai			
5509	86A-328.66	Bình Thuận	7109	81A-471.44	Gia Lai			
5510	86A-329.22	Bình Thuận	7110	81B-029.55	Gia Lai			
5511	86A-330.88	Bình Thuận	7111	81B-031.66	Gia Lai			
5512	86B-026.02	Bình Thuận	7112	81C-283.33	Gia Lai			
5513	86D-007.70	Bình Thuận	7113	81C-294.92	Gia Lai			
5514	86D-009.90	Bình Thuận	7114	81C-295.55	Gia Lai			
5515	88A-798.44	Vĩnh Phúc	7115	81C-298.55	Gia Lai			
5516	88A-806.44	Vĩnh Phúc	7116	81D-016.79	Gia Lai			
5517	88A-807.44	Vĩnh Phúc	7117	82A-159.89	Kon Tum			
5518	88A-807.80	Vĩnh Phúc	7118	82A-160.60	Kon Tum			
5519	88A-811.86	Vĩnh Phúc	7119	83B-024.99	Sóc Trăng			
5520	88A-818.44	Vĩnh Phúc	7120	83C-136.88	Sóc Trăng			
5521	88A-821.00	Vĩnh Phúc	7121	83D-010.66	Sóc Trăng			
5522	88A-823.77	Vĩnh Phúc	7122	83D-011.55	Sóc Trăng			
5523	88B-023.02	Vĩnh Phúc	7123	83D-011.89	Sóc Trăng			
5524	88C-312.68	Vĩnh Phúc	7124	84A-147.41	Trà Vinh			
5525	88C-318.22	Vĩnh Phúc	7125	84A-151.00	Trà Vinh			
5526	88C-320.11	Vĩnh Phúc	7126	84A-153.86	Trà Vinh			
5527	88C-322.32	Vĩnh Phúc	7127	84B-023.20	Trà Vinh			
5528	88D-023.00	Vĩnh Phúc	7128	84D-006.77	Trà Vinh			
5529	89A-536.44	Hưng Yên	7129	85A-152.51	Ninh Thuận			
5530	89A-540.45	Hưng Yên	7130	85B-016.16	Ninh Thuận			
5531	89A-559.59	Hưng Yên	7131	85C-085.68	Ninh Thuận			
5532	89A-562.00	Hưng Yên	7132	85C-085.80	Ninh Thuận			
5533	89A-567.79	Hưng Yên	7133	86A-324.25	Bình Thuận			
5534	89B-026.55	Hưng Yên	7134	86A-333.02	Bình Thuận			
5535	89B-028.77	Hưng Yên	7135	86A-333.04	Bình Thuận			
5536	89C-345.43	Hưng Yên	7136	86D-007.07	Bình Thuận			
5537	89C-353.33	Hưng Yên	7137	88A-788.79	Vĩnh Phúc			
5538	89C-355.44	Hưng Yên	7138	88A-794.77	Vĩnh Phúc			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5539	89C-357.88	Hưng Yên	7139	88A-802.80	Vĩnh Phúc			
5540	89D-024.55	Hưng Yên	7140	88A-803.00	Vĩnh Phúc			
5541	90A-289.33	Hà Nam	7141	88A-803.77	Vĩnh Phúc			
5542	90A-290.33	Hà Nam	7142	88A-822.69	Vĩnh Phúc			
5543	90A-295.88	Hà Nam	7143	88A-824.69	Vĩnh Phúc			
5544	90A-297.00	Hà Nam	7144	88A-829.00	Vĩnh Phúc			
5545	90A-301.10	Hà Nam	7145	88A-829.44	Vĩnh Phúc			
5546	92A-434.34	Quảng Nam	7146	88C-311.86	Vĩnh Phúc			
5547	92A-435.44	Quảng Nam	7147	88C-316.66	Vĩnh Phúc			
5548	92A-438.55	Quảng Nam	7148	88C-322.39	Vĩnh Phúc			
5549	92A-444.18	Quảng Nam	7149	88D-021.44	Vĩnh Phúc			
5550	92A-444.38	Quảng Nam	7150	89A-545.88	Hưng Yên			
5551	92A-445.22	Quảng Nam	7151	89A-551.51	Hưng Yên			
5552	92B-040.69	Quảng Nam	7152	89A-565.77	Hưng Yên			
5553	92C-258.33	Quảng Nam	7153	89B-025.89	Hưng Yên			
5554	93A-507.44	Bình Phước	7154	89B-026.00	Hưng Yên			
5555	93A-508.05	Bình Phước	7155	89C-345.11	Hưng Yên			
5556	93A-509.22	Bình Phước	7156	89C-360.36	Hưng Yên			
5557	93A-514.69	Bình Phước	7157	89C-360.39	Hưng Yên			
5558	93A-515.22	Bình Phước	7158	90A-291.33	Hà Nam			
5559	93A-516.61	Bình Phước	7159	90A-294.92	Hà Nam			
5560	93A-519.11	Bình Phước	7160	90A-298.55	Hà Nam			
5561	93A-524.88	Bình Phước	7161	90C-156.00	Hà Nam			
5562	93B-024.11	Bình Phước	7162	92A-433.22	Quảng Nam			
5563	93D-009.90	Bình Phước	7163	92A-444.01	Quảng Nam			
5564	94A-114.33	Bạc Liêu	7164	92A-444.55	Quảng Nam			
5565	94B-017.11	Bạc Liêu	7165	92C-262.63	Quảng Nam			
5566	94B-017.71	Bạc Liêu	7166	92C-263.79	Quảng Nam			
5567	95A-137.39	Hậu Giang	7167	93A-508.77	Bình Phước			
5568	95A-137.44	Hậu Giang	7168	93A-513.89	Bình Phước			
5569	95C-091.00	Hậu Giang	7169	93A-517.88	Bình Phước			
5570	95D-026.44	Hậu Giang	7170	93A-521.86	Bình Phước			
5571	97A-098.79	Bắc Kạn	7171	93A-523.24	Bình Phước			
5572	97C-050.22	Bắc Kạn	7172	93C-201.33	Bình Phước			
5573	98A-859.68	Bắc Giang	7173	93D-007.39	Bình Phước			
5574	98A-860.61	Bắc Giang	7174	93D-008.09	Bình Phước			
5575	98A-862.55	Bắc Giang	7175	94B-014.79	Bạc Liêu			
5576	98A-871.72	Bắc Giang	7176	94C-085.89	Bạc Liêu			
5577	98A-872.22	Bắc Giang	7177	94C-086.44	Bạc Liêu			
5578	98A-880.66	Bắc Giang	7178	94C-087.66	Bạc Liêu			
5579	98A-884.33	Bắc Giang	7179	94D-006.06	Bạc Liêu			

Đ:
 ÔN
 ĐẦU
 ỢP I
 ỆT
 XUA

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5580	98A-887.89	Bắc Giang	7180	95A-136.31	Hậu Giang			
5581	98A-891.88	Bắc Giang	7181	95B-019.86	Hậu Giang			
5582	98A-893.00	Bắc Giang	7182	95C-093.00	Hậu Giang			
5583	98A-903.22	Bắc Giang	7183	95D-027.27	Hậu Giang			
5584	98A-904.04	Bắc Giang	7184	97B-016.11	Bắc Kạn			
5585	98A-905.90	Bắc Giang	7185	98A-858.85	Bắc Giang			
5586	98A-906.09	Bắc Giang	7186	98A-864.99	Bắc Giang			
5587	98A-911.66	Bắc Giang	7187	98A-869.88	Bắc Giang			
5588	98B-045.04	Bắc Giang	7188	98A-872.66	Bắc Giang			
5589	98B-046.88	Bắc Giang	7189	98A-876.67	Bắc Giang			
5590	98C-380.68	Bắc Giang	7190	98A-884.44	Bắc Giang			
5591	98C-381.00	Bắc Giang	7191	98A-884.69	Bắc Giang			
5592	98C-384.79	Bắc Giang	7192	98A-888.19	Bắc Giang			
5593	98C-390.77	Bắc Giang	7193	98A-906.07	Bắc Giang			
5594	98C-394.93	Bắc Giang	7194	98A-912.21	Bắc Giang			
5595	98C-396.44	Bắc Giang	7195	98C-378.77	Bắc Giang			
5596	98D-021.44	Bắc Giang	7196	98C-380.22	Bắc Giang			
5597	99A-851.55	Bắc Ninh	7197	98C-386.38	Bắc Giang			
5598	99A-854.66	Bắc Ninh	7198	98C-387.86	Bắc Giang			
5599	99A-858.77	Bắc Ninh	7199	98C-390.90	Bắc Giang			
5600	99A-860.69	Bắc Ninh	7200	98C-394.94	Bắc Giang			
5601	99A-864.00	Bắc Ninh	7201	99A-854.55	Bắc Ninh			
5602	99A-868.39	Bắc Ninh	7202	99A-857.00	Bắc Ninh			
5603	99A-872.99	Bắc Ninh	7203	99A-858.66	Bắc Ninh			
5604	99A-875.39	Bắc Ninh	7204	99A-858.69	Bắc Ninh			
5605	99A-891.39	Bắc Ninh	7205	99A-867.33	Bắc Ninh			
5606	99B-032.68	Bắc Ninh	7206	99A-873.88	Bắc Ninh			
5607	99C-336.33	Bắc Ninh	7207	99A-881.99	Bắc Ninh			
5608	99C-340.44	Bắc Ninh	7208	99A-882.44	Bắc Ninh			
5609	99C-340.89	Bắc Ninh	7209	99A-886.33	Bắc Ninh			
5610	99C-341.66	Bắc Ninh	7210	99A-886.44	Bắc Ninh			
5611	99C-344.33	Bắc Ninh	7211	99C-329.96	Bắc Ninh			
5612	99D-027.11	Bắc Ninh	7212	99C-330.30	Bắc Ninh			
5613	99D-027.72	Bắc Ninh	7213	99C-333.57	Bắc Ninh			
5614	11A-139.59	Cao Bằng	7214	99C-333.78	Bắc Ninh			
5615	11B-016.38	Cao Bằng	7215	99C-336.79	Bắc Ninh			
5616	11C-089.56	Cao Bằng	7216	99C-338.38	Bắc Ninh			
5617	11D-011.63	Cao Bằng	7217	99D-024.88	Bắc Ninh			
5618	12A-269.06	Lạng Sơn	7218	11D-010.19	Cao Bằng			
5619	12A-271.15	Lạng Sơn	7219	12B-016.18	Lạng Sơn			
5620	12C-141.15	Lạng Sơn	7220	12B-017.35	Lạng Sơn			

1 - C
TỶ
GIÁ
ANH
I AM
- T.P.H

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5621	12C-141.19	Lạng Sơn	7221	12B-019.16	Lạng Sơn			
5622	12C-144.25	Lạng Sơn	7222	14A-990.98	Quảng Ninh			
5623	12D-008.95	Lạng Sơn	7223	14A-996.18	Quảng Ninh			
5624	12D-009.63	Lạng Sơn	7224	14A-998.19	Quảng Ninh			
5625	14A-991.26	Quảng Ninh	7225	14B-053.16	Quảng Ninh			
5626	14C-451.16	Quảng Ninh	7226	14C-450.15	Quảng Ninh			
5627	14C-451.28	Quảng Ninh	7227	14C-453.83	Quảng Ninh			
5628	14C-453.59	Quảng Ninh	7228	14C-459.06	Quảng Ninh			
5629	14C-454.85	Quảng Ninh	7229	14C-464.09	Quảng Ninh			
5630	14C-455.38	Quảng Ninh	7230	14K-004.58	Quảng Ninh			
5631	14C-457.28	Quảng Ninh	7231	14K-007.83	Quảng Ninh			
5632	14C-460.28	Quảng Ninh	7232	14K-033.29	Quảng Ninh			
5633	14C-460.56	Quảng Ninh	7233	14K-033.56	Quảng Ninh			
5634	14C-460.96	Quảng Ninh	7234	14K-037.59	Quảng Ninh			
5635	14C-464.16	Quảng Ninh	7235	14K-048.63	Quảng Ninh			
5636	14D-029.36	Quảng Ninh	7236	14K-049.19	Quảng Ninh			
5637	14K-000.83	Quảng Ninh	7237	15B-055.09	Hải Phòng			
5638	14K-004.19	Quảng Ninh	7238	15C-484.09	Hải Phòng			
5639	14K-008.15	Quảng Ninh	7239	15C-485.65	Hải Phòng			
5640	14K-012.26	Quảng Ninh	7240	15C-492.25	Hải Phòng			
5641	14K-020.28	Quảng Ninh	7241	15C-493.96	Hải Phòng			
5642	14K-022.06	Quảng Ninh	7242	15C-494.06	Hải Phòng			
5643	14K-022.95	Quảng Ninh	7243	15D-055.83	Hải Phòng			
5644	14K-023.65	Quảng Ninh	7244	15K-433.18	Hải Phòng			
5645	14K-033.96	Quảng Ninh	7245	15K-437.36	Hải Phòng			
5646	14K-037.19	Quảng Ninh	7246	15K-439.85	Hải Phòng			
5647	14K-038.95	Quảng Ninh	7247	15K-440.38	Hải Phòng			
5648	14K-041.26	Quảng Ninh	7248	15K-451.58	Hải Phòng			
5649	14K-043.56	Quảng Ninh	7249	15K-452.36	Hải Phòng			
5650	14K-045.63	Quảng Ninh	7250	15K-455.26	Hải Phòng			
5651	15B-055.58	Hải Phòng	7251	15K-456.83	Hải Phòng			
5652	15B-056.95	Hải Phòng	7252	15K-464.98	Hải Phòng			
5653	15B-057.63	Hải Phòng	7253	15K-465.26	Hải Phòng			
5654	15C-481.15	Hải Phòng	7254	15K-465.28	Hải Phòng			
5655	15C-481.36	Hải Phòng	7255	15K-467.98	Hải Phòng			
5656	15C-488.18	Hải Phòng	7256	15K-470.83	Hải Phòng			
5657	15C-492.58	Hải Phòng	7257	15K-473.28	Hải Phòng			
5658	15C-497.83	Hải Phòng	7258	15K-476.15	Hải Phòng			
5659	15D-056.38	Hải Phòng	7259	15K-477.65	Hải Phòng			
5660	15K-427.18	Hải Phòng	7260	15K-480.28	Hải Phòng			
5661	15K-430.83	Hải Phòng	7261	15K-480.95	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5662	15K-440.83	Hải Phòng	7262	15K-484.26	Hải Phòng			
5663	15K-446.65	Hải Phòng	7263	15K-485.96	Hải Phòng			
5664	15K-449.59	Hải Phòng	7264	15K-486.63	Hải Phòng			
5665	15K-453.09	Hải Phòng	7265	15K-487.35	Hải Phòng			
5666	15K-454.19	Hải Phòng	7266	15K-487.95	Hải Phòng			
5667	15K-455.65	Hải Phòng	7267	15K-498.83	Hải Phòng			
5668	15K-467.25	Hải Phòng	7268	15K-505.16	Hải Phòng			
5669	15K-477.25	Hải Phòng	7269	15K-508.19	Hải Phòng			
5670	15K-479.83	Hải Phòng	7270	17A-493.19	Thái Bình			
5671	15K-484.95	Hải Phòng	7271	17A-507.19	Thái Bình			
5672	15K-489.08	Hải Phòng	7272	17A-507.63	Thái Bình			
5673	15K-495.58	Hải Phòng	7273	17A-513.95	Thái Bình			
5674	15K-496.36	Hải Phòng	7274	17B-030.56	Thái Bình			
5675	15K-496.63	Hải Phòng	7275	17C-217.36	Thái Bình			
5676	15K-510.63	Hải Phòng	7276	17C-218.36	Thái Bình			
5677	17A-493.63	Thái Bình	7277	17C-220.19	Thái Bình			
5678	17A-496.38	Thái Bình	7278	18A-506.25	Nam Định			
5679	17A-499.18	Thái Bình	7279	18A-507.25	Nam Định			
5680	17A-505.08	Thái Bình	7280	18A-509.25	Nam Định			
5681	17C-218.65	Thái Bình	7281	18B-032.38	Nam Định			
5682	17C-219.38	Thái Bình	7282	18B-033.95	Nam Định			
5683	18A-491.65	Nam Định	7283	18C-176.95	Nam Định			
5684	18A-495.28	Nam Định	7284	18C-177.28	Nam Định			
5685	18A-499.19	Nam Định	7285	18C-177.36	Nam Định			
5686	18A-503.29	Nam Định	7286	18C-178.95	Nam Định			
5687	18A-512.26	Nam Định	7287	18D-016.63	Nam Định			
5688	18B-034.85	Nam Định	7288	18D-017.28	Nam Định			
5689	18C-178.26	Nam Định	7289	18D-018.56	Nam Định			
5690	18D-016.58	Nam Định	7290	19A-716.35	Phú Thọ			
5691	19A-718.56	Phú Thọ	7291	19A-717.16	Phú Thọ			
5692	19A-719.29	Phú Thọ	7292	19A-730.29	Phú Thọ			
5693	19A-720.26	Phú Thọ	7293	19A-735.08	Phú Thọ			
5694	19A-725.28	Phú Thọ	7294	19C-267.08	Phú Thọ			
5695	19A-729.16	Phú Thọ	7295	19C-270.83	Phú Thọ			
5696	19A-730.95	Phú Thọ	7296	19C-272.25	Phú Thọ			
5697	19A-750.26	Phú Thọ	7297	19C-273.96	Phú Thọ			
5698	19B-030.29	Phú Thọ	7298	19C-279.16	Phú Thọ			
5699	19B-030.95	Phú Thọ	7299	19D-022.19	Phú Thọ			
5700	19C-272.18	Phú Thọ	7300	20A-862.18	Thái Nguyên			
5701	19C-274.29	Phú Thọ	7301	20A-866.95	Thái Nguyên			
5702	19C-275.98	Phú Thọ	7302	20A-867.63	Thái Nguyên			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5703	19C-278.95	Phú Thọ	7303	20A-885.35	Thái Nguyên			
5704	19C-279.06	Phú Thọ	7304	20A-885.83	Thái Nguyên			
5705	19C-280.85	Phú Thọ	7305	20A-886.98	Thái Nguyên			
5706	19D-018.98	Phú Thọ	7306	20A-892.63	Thái Nguyên			
5707	19D-020.85	Phú Thọ	7307	20A-906.08	Thái Nguyên			
5708	20A-864.28	Thái Nguyên	7308	20B-038.36	Thái Nguyên			
5709	20A-864.85	Thái Nguyên	7309	20C-310.95	Thái Nguyên			
5710	20A-874.28	Thái Nguyên	7310	20C-313.63	Thái Nguyên			
5711	20A-876.95	Thái Nguyên	7311	20C-314.56	Thái Nguyên			
5712	20A-878.36	Thái Nguyên	7312	20C-321.95	Thái Nguyên			
5713	20A-879.26	Thái Nguyên	7313	20C-323.06	Thái Nguyên			
5714	20A-895.26	Thái Nguyên	7314	20C-323.26	Thái Nguyên			
5715	20A-900.26	Thái Nguyên	7315	20D-032.85	Thái Nguyên			
5716	20A-903.85	Thái Nguyên	7316	20D-033.36	Thái Nguyên			
5717	20B-035.59	Thái Nguyên	7317	20D-033.63	Thái Nguyên			
5718	20B-038.59	Thái Nguyên	7318	21A-223.29	Yên Bái			
5719	20C-314.09	Thái Nguyên	7319	21A-225.08	Yên Bái			
5720	20C-314.26	Thái Nguyên	7320	21B-016.59	Yên Bái			
5721	21B-015.25	Yên Bái	7321	21C-111.95	Yên Bái			
5722	21C-114.65	Yên Bái	7322	21C-114.63	Yên Bái			
5723	22A-272.65	Tuyên Quang	7323	21C-116.15	Yên Bái			
5724	22A-272.85	Tuyên Quang	7324	21D-008.85	Yên Bái			
5725	22A-278.16	Tuyên Quang	7325	22A-273.28	Tuyên Quang			
5726	22A-279.15	Tuyên Quang	7326	22A-275.09	Tuyên Quang			
5727	22A-279.38	Tuyên Quang	7327	22B-016.95	Tuyên Quang			
5728	22A-281.38	Tuyên Quang	7328	22B-017.56	Tuyên Quang			
5729	22B-016.96	Tuyên Quang	7329	22B-019.16	Tuyên Quang			
5730	22B-019.35	Tuyên Quang	7330	22C-113.98	Tuyên Quang			
5731	22C-113.83	Tuyên Quang	7331	22C-117.15	Tuyên Quang			
5732	22C-115.85	Tuyên Quang	7332	22D-011.58	Tuyên Quang			
5733	22C-118.16	Tuyên Quang	7333	22D-012.38	Tuyên Quang			
5734	22D-012.56	Tuyên Quang	7334	23A-164.25	Hà Giang			
5735	22D-012.83	Tuyên Quang	7335	23A-166.98	Hà Giang			
5736	23A-170.56	Hà Giang	7336	23B-014.09	Hà Giang			
5737	23B-011.25	Hà Giang	7337	23C-091.28	Hà Giang			
5738	23B-012.38	Hà Giang	7338	23C-093.58	Hà Giang			
5739	24C-167.08	Lào Cai	7339	23D-008.98	Hà Giang			
5740	24D-010.25	Lào Cai	7340	24A-315.58	Lào Cai			
5741	24D-013.25	Lào Cai	7341	24A-318.58	Lào Cai			
5742	25A-085.18	Lai Châu	7342	24A-324.56	Lào Cai			
5743	25A-087.35	Lai Châu	7343	24A-325.58	Lào Cai			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5744	25B-009.35	Lai Châu	7344	24B-019.56	Lào Cai			
5745	25B-010.06	Lai Châu	7345	24C-167.26	Lào Cai			
5746	25B-010.65	Lai Châu	7346	24C-170.58	Lào Cai			
5747	25C-061.26	Lai Châu	7347	24D-010.59	Lào Cai			
5748	26A-235.28	Sơn La	7348	25B-007.98	Lai Châu			
5749	26A-235.58	Sơn La	7349	25C-062.28	Lai Châu			
5750	26A-235.85	Sơn La	7350	25C-063.16	Lai Châu			
5751	26A-238.29	Sơn La	7351	26A-237.36	Sơn La			
5752	26A-240.63	Sơn La	7352	26A-237.58	Sơn La			
5753	26A-243.56	Sơn La	7353	26A-241.38	Sơn La			
5754	26B-020.19	Sơn La	7354	26A-242.28	Sơn La			
5755	26B-021.38	Sơn La	7355	26A-243.35	Sơn La			
5756	27A-129.06	Điện Biên	7356	26A-245.83	Sơn La			
5757	27C-076.95	Điện Biên	7357	26B-022.85	Sơn La			
5758	27C-077.26	Điện Biên	7358	26C-168.96	Sơn La			
5759	28A-267.09	Hòa Bình	7359	27A-130.58	Điện Biên			
5760	28D-014.96	Hòa Bình	7360	27B-015.29	Điện Biên			
5761	29B-659.35	Hà Nội	7361	27B-016.98	Điện Biên			
5762	29B-662.36	Hà Nội	7362	28A-262.15	Hòa Bình			
5763	29D-631.25	Hà Nội	7363	28A-266.63	Hòa Bình			
5764	29D-632.15	Hà Nội	7364	28A-267.36	Hòa Bình			
5765	29D-633.26	Hà Nội	7365	28A-269.85	Hòa Bình			
5766	29D-638.06	Hà Nội	7366	28B-018.26	Hòa Bình			
5767	29K-334.15	Hà Nội	7367	28C-123.15	Hòa Bình			
5768	29K-341.15	Hà Nội	7368	28D-011.58	Hòa Bình			
5769	29K-351.96	Hà Nội	7369	29B-661.65	Hà Nội			
5770	29K-355.98	Hà Nội	7370	29D-626.85	Hà Nội			
5771	29K-357.83	Hà Nội	7371	29D-632.85	Hà Nội			
5772	29K-358.56	Hà Nội	7372	29D-636.25	Hà Nội			
5773	29K-359.38	Hà Nội	7373	29D-637.25	Hà Nội			
5774	29K-363.96	Hà Nội	7374	29D-638.25	Hà Nội			
5775	29K-367.95	Hà Nội	7375	29D-639.25	Hà Nội			
5776	29K-370.09	Hà Nội	7376	29D-641.19	Hà Nội			
5777	29K-371.58	Hà Nội	7377	29K-329.83	Hà Nội			
5778	29K-378.65	Hà Nội	7378	29K-331.08	Hà Nội			
5779	29K-379.15	Hà Nội	7379	29K-336.59	Hà Nội			
5780	29K-385.65	Hà Nội	7380	29K-341.08	Hà Nội			
5781	29K-386.56	Hà Nội	7381	29K-349.56	Hà Nội			
5782	29K-388.63	Hà Nội	7382	29K-349.83	Hà Nội			
5783	29K-391.06	Hà Nội	7383	29K-356.16	Hà Nội			
5784	29K-401.18	Hà Nội	7384	29K-358.06	Hà Nội			

- C.
 T.Y
 IÁ
 NH
 AM
 - T.P.H

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5785	29K-401.36	Hà Nội	7385	29K-367.08	Hà Nội			
5786	29K-410.06	Hà Nội	7386	29K-368.28	Hà Nội			
5787	29K-415.06	Hà Nội	7387	29K-368.59	Hà Nội			
5788	29K-429.18	Hà Nội	7388	29K-369.26	Hà Nội			
5789	29K-430.35	Hà Nội	7389	29K-378.29	Hà Nội			
5790	29K-456.19	Hà Nội	7390	29K-384.19	Hà Nội			
5791	29K-456.58	Hà Nội	7391	29K-388.85	Hà Nội			
5792	29K-459.63	Hà Nội	7392	29K-391.29	Hà Nội			
5793	29K-461.08	Hà Nội	7393	29K-393.59	Hà Nội			
5794	29K-462.58	Hà Nội	7394	29K-394.38	Hà Nội			
5795	29K-470.83	Hà Nội	7395	29K-394.83	Hà Nội			
5796	29K-471.65	Hà Nội	7396	29K-408.15	Hà Nội			
5797	29K-474.26	Hà Nội	7397	29K-411.63	Hà Nội			
5798	29K-476.65	Hà Nội	7398	29K-412.56	Hà Nội			
5799	30M-035.65	Hà Nội	7399	29K-415.63	Hà Nội			
5800	30M-051.08	Hà Nội	7400	29K-418.58	Hà Nội			
5801	30M-077.96	Hà Nội	7401	29K-421.25	Hà Nội			
5802	30M-082.16	Hà Nội	7402	29K-426.25	Hà Nội			
5803	30M-086.65	Hà Nội	7403	29K-432.38	Hà Nội			
5804	30M-112.18	Hà Nội	7404	29K-439.29	Hà Nội			
5805	30M-116.85	Hà Nội	7405	29K-449.56	Hà Nội			
5806	30M-120.35	Hà Nội	7406	29K-454.98	Hà Nội			
5807	30M-123.35	Hà Nội	7407	29K-456.06	Hà Nội			
5808	30M-132.83	Hà Nội	7408	29K-461.18	Hà Nội			
5809	30M-134.65	Hà Nội	7409	29K-462.85	Hà Nội			
5810	30M-138.28	Hà Nội	7410	29K-475.98	Hà Nội			
5811	30M-140.35	Hà Nội	7411	29K-477.38	Hà Nội			
5812	30M-142.26	Hà Nội	7412	30M-031.95	Hà Nội			
5813	30M-145.59	Hà Nội	7413	30M-036.96	Hà Nội			
5814	30M-153.26	Hà Nội	7414	30M-038.08	Hà Nội			
5815	30M-155.06	Hà Nội	7415	30M-038.19	Hà Nội			
5816	30M-156.58	Hà Nội	7416	30M-046.85	Hà Nội			
5817	30M-157.26	Hà Nội	7417	30M-053.18	Hà Nội			
5818	30M-167.58	Hà Nội	7418	30M-053.83	Hà Nội			
5819	30M-171.09	Hà Nội	7419	30M-054.98	Hà Nội			
5820	30M-173.25	Hà Nội	7420	30M-060.28	Hà Nội			
5821	30M-174.38	Hà Nội	7421	30M-068.26	Hà Nội			
5822	30M-179.06	Hà Nội	7422	30M-068.85	Hà Nội			
5823	30M-194.63	Hà Nội	7423	30M-079.25	Hà Nội			
5824	30M-204.29	Hà Nội	7424	30M-094.96	Hà Nội			
5825	30M-205.09	Hà Nội	7425	30M-101.15	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5826	30M-205.36	Hà Nội	7426	30M-112.59	Hà Nội			
5827	30M-206.58	Hà Nội	7427	30M-121.95	Hà Nội			
5828	30M-213.85	Hà Nội	7428	30M-129.36	Hà Nội			
5829	30M-220.38	Hà Nội	7429	30M-130.36	Hà Nội			
5830	30M-225.83	Hà Nội	7430	30M-133.28	Hà Nội			
5831	30M-226.09	Hà Nội	7431	30M-140.95	Hà Nội			
5832	30M-238.08	Hà Nội	7432	30M-141.19	Hà Nội			
5833	30M-241.35	Hà Nội	7433	30M-147.29	Hà Nội			
5834	30M-247.16	Hà Nội	7434	30M-149.95	Hà Nội			
5835	30M-247.28	Hà Nội	7435	30M-160.59	Hà Nội			
5836	30M-255.15	Hà Nội	7436	30M-161.59	Hà Nội			
5837	30M-258.19	Hà Nội	7437	30M-162.15	Hà Nội			
5838	30M-258.26	Hà Nội	7438	30M-168.19	Hà Nội			
5839	30M-265.58	Hà Nội	7439	30M-169.85	Hà Nội			
5840	30M-271.58	Hà Nội	7440	30M-170.25	Hà Nội			
5841	30M-282.18	Hà Nội	7441	30M-180.98	Hà Nội			
5842	30M-289.08	Hà Nội	7442	30M-183.25	Hà Nội			
5843	30M-291.25	Hà Nội	7443	30M-188.08	Hà Nội			
5844	30M-292.63	Hà Nội	7444	30M-192.25	Hà Nội			
5845	30M-294.26	Hà Nội	7445	30M-198.85	Hà Nội			
5846	30M-302.15	Hà Nội	7446	30M-225.98	Hà Nội			
5847	30M-304.19	Hà Nội	7447	30M-230.85	Hà Nội			
5848	30M-306.63	Hà Nội	7448	30M-232.96	Hà Nội			
5849	30M-309.36	Hà Nội	7449	30M-236.15	Hà Nội			
5850	30M-313.58	Hà Nội	7450	30M-242.26	Hà Nội			
5851	30M-337.26	Hà Nội	7451	30M-249.28	Hà Nội			
5852	30M-343.83	Hà Nội	7452	30M-251.98	Hà Nội			
5853	30M-350.59	Hà Nội	7453	30M-256.59	Hà Nội			
5854	30M-358.63	Hà Nội	7454	30M-257.56	Hà Nội			
5855	30M-364.15	Hà Nội	7455	30M-258.83	Hà Nội			
5856	30M-364.83	Hà Nội	7456	30M-260.25	Hà Nội			
5857	30M-368.35	Hà Nội	7457	30M-269.95	Hà Nội			
5858	30M-372.28	Hà Nội	7458	30M-278.98	Hà Nội			
5859	30M-374.35	Hà Nội	7459	30M-286.35	Hà Nội			
5860	30M-375.36	Hà Nội	7460	30M-289.15	Hà Nội			
5861	30M-376.28	Hà Nội	7461	30M-290.06	Hà Nội			
5862	30M-376.36	Hà Nội	7462	30M-296.26	Hà Nội			
5863	30M-377.56	Hà Nội	7463	30M-297.28	Hà Nội			
5864	30M-392.15	Hà Nội	7464	30M-300.56	Hà Nội			
5865	30M-398.56	Hà Nội	7465	30M-303.16	Hà Nội			
5866	30M-399.59	Hà Nội	7466	30M-311.95	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5867	30M-400.15	Hà Nội	7467	30M-313.85	Hà Nội			
5868	30M-403.08	Hà Nội	7468	30M-325.09	Hà Nội			
5869	30M-407.95	Hà Nội	7469	30M-331.83	Hà Nội			
5870	30M-408.95	Hà Nội	7470	30M-339.59	Hà Nội			
5871	30M-409.06	Hà Nội	7471	30M-342.96	Hà Nội			
5872	30M-410.95	Hà Nội	7472	30M-345.98	Hà Nội			
5873	30M-411.29	Hà Nội	7473	30M-346.15	Hà Nội			
5874	34A-925.06	Hải Dương	7474	30M-348.18	Hà Nội			
5875	34A-935.58	Hải Dương	7475	30M-348.19	Hà Nội			
5876	34A-936.95	Hải Dương	7476	30M-358.28	Hà Nội			
5877	34A-938.58	Hải Dương	7477	30M-369.25	Hà Nội			
5878	34A-938.85	Hải Dương	7478	30M-385.36	Hà Nội			
5879	34A-949.28	Hải Dương	7479	30M-386.06	Hà Nội			
5880	34A-958.29	Hải Dương	7480	30M-389.59	Hà Nội			
5881	34A-963.15	Hải Dương	7481	30M-394.38	Hà Nội			
5882	34A-963.25	Hải Dương	7482	30M-400.29	Hà Nội			
5883	34A-963.56	Hải Dương	7483	30M-404.98	Hà Nội			
5884	34A-966.38	Hải Dương	7484	30M-405.65	Hà Nội			
5885	34B-044.08	Hải Dương	7485	30M-410.58	Hà Nội			
5886	34B-045.18	Hải Dương	7486	34A-920.83	Hải Dương			
5887	34C-435.06	Hải Dương	7487	34A-921.58	Hải Dương			
5888	34C-437.26	Hải Dương	7488	34A-922.95	Hải Dương			
5889	34C-437.56	Hải Dương	7489	34A-928.59	Hải Dương			
5890	34C-438.19	Hải Dương	7490	34A-932.08	Hải Dương			
5891	34C-439.56	Hải Dương	7491	34A-932.19	Hải Dương			
5892	34C-440.08	Hải Dương	7492	34A-945.26	Hải Dương			
5893	34C-440.59	Hải Dương	7493	34A-955.28	Hải Dương			
5894	35A-471.28	Ninh Bình	7494	34A-966.18	Hải Dương			
5895	35A-475.15	Ninh Bình	7495	34B-043.28	Hải Dương			
5896	35A-478.16	Ninh Bình	7496	34C-434.58	Hải Dương			
5897	35A-481.98	Ninh Bình	7497	34C-437.29	Hải Dương			
5898	35A-482.16	Ninh Bình	7498	34C-445.65	Hải Dương			
5899	35B-025.09	Ninh Bình	7499	34D-040.16	Hải Dương			
5900	35C-185.15	Ninh Bình	7500	35A-464.98	Ninh Bình			
5901	35D-018.08	Ninh Bình	7501	35A-465.98	Ninh Bình			
5902	36B-049.35	Thanh Hóa	7502	35A-470.06	Ninh Bình			
5903	36B-049.95	Thanh Hóa	7503	35A-480.16	Ninh Bình			
5904	36C-552.63	Thanh Hóa	7504	35A-481.58	Ninh Bình			
5905	36C-553.29	Thanh Hóa	7505	36B-047.96	Thanh Hóa			
5906	36C-555.98	Thanh Hóa	7506	36C-547.65	Thanh Hóa			
5907	36C-559.09	Thanh Hóa	7507	36C-564.36	Thanh Hóa			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5908	36C-562.06	Thanh Hóa	7508	36C-569.38	Thanh Hóa			
5909	36C-565.28	Thanh Hóa	7509	36D-031.56	Thanh Hóa			
5910	36C-571.09	Thanh Hóa	7510	36D-032.63	Thanh Hóa			
5911	36K-233.35	Thanh Hóa	7511	36D-033.29	Thanh Hóa			
5912	36K-233.96	Thanh Hóa	7512	36K-234.29	Thanh Hóa			
5913	36K-246.15	Thanh Hóa	7513	36K-242.59	Thanh Hóa			
5914	36K-248.08	Thanh Hóa	7514	36K-248.38	Thanh Hóa			
5915	36K-251.19	Thanh Hóa	7515	36K-250.08	Thanh Hóa			
5916	36K-276.09	Thanh Hóa	7516	36K-254.16	Thanh Hóa			
5917	36K-281.15	Thanh Hóa	7517	36K-266.36	Thanh Hóa			
5918	36K-288.15	Thanh Hóa	7518	36K-270.06	Thanh Hóa			
5919	36K-291.59	Thanh Hóa	7519	36K-283.35	Thanh Hóa			
5920	36K-299.25	Thanh Hóa	7520	36K-283.65	Thanh Hóa			
5921	36K-305.36	Thanh Hóa	7521	36K-284.08	Thanh Hóa			
5922	37C-566.95	Nghệ An	7522	36K-291.16	Thanh Hóa			
5923	37C-572.83	Nghệ An	7523	36K-291.36	Thanh Hóa			
5924	37C-573.15	Nghệ An	7524	36K-293.35	Thanh Hóa			
5925	37C-580.95	Nghệ An	7525	36K-296.85	Thanh Hóa			
5926	37C-594.29	Nghệ An	7526	36K-301.36	Thanh Hóa			
5927	37C-596.28	Nghệ An	7527	37C-567.06	Nghệ An			
5928	37C-597.38	Nghệ An	7528	37C-570.63	Nghệ An			
5929	37D-047.19	Nghệ An	7529	37C-571.19	Nghệ An			
5930	37D-048.56	Nghệ An	7530	37C-576.59	Nghệ An			
5931	37K-495.56	Nghệ An	7531	37C-577.35	Nghệ An			
5932	37K-496.35	Nghệ An	7532	37C-579.95	Nghệ An			
5933	37K-503.18	Nghệ An	7533	37C-593.35	Nghệ An			
5934	37K-507.19	Nghệ An	7534	37C-594.85	Nghệ An			
5935	37K-509.19	Nghệ An	7535	37D-047.15	Nghệ An			
5936	37K-510.36	Nghệ An	7536	37K-485.15	Nghệ An			
5937	37K-515.98	Nghệ An	7537	37K-486.83	Nghệ An			
5938	37K-519.58	Nghệ An	7538	37K-487.09	Nghệ An			
5939	37K-526.83	Nghệ An	7539	37K-487.29	Nghệ An			
5940	37K-553.26	Nghệ An	7540	37K-500.96	Nghệ An			
5941	37K-573.98	Nghệ An	7541	37K-501.85	Nghệ An			
5942	38A-694.16	Hà Tĩnh	7542	37K-505.09	Nghệ An			
5943	38A-703.15	Hà Tĩnh	7543	37K-505.15	Nghệ An			
5944	38A-706.85	Hà Tĩnh	7544	37K-518.35	Nghệ An			
5945	38B-024.09	Hà Tĩnh	7545	37K-523.28	Nghệ An			
5946	38B-026.58	Hà Tĩnh	7546	37K-527.08	Nghệ An			
5947	38C-246.38	Hà Tĩnh	7547	37K-547.09	Nghệ An			
5948	43A-948.95	Đà Nẵng	7548	37K-552.63	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5949	43A-949.26	Đà Nẵng	7549	38A-687.35	Hà Tĩnh			
5950	43A-950.96	Đà Nẵng	7550	38A-691.83	Hà Tĩnh			
5951	43A-951.56	Đà Nẵng	7551	38A-692.08	Hà Tĩnh			
5952	43A-965.85	Đà Nẵng	7552	38A-699.83	Hà Tĩnh			
5953	43A-970.83	Đà Nẵng	7553	38A-701.09	Hà Tĩnh			
5954	43A-980.63	Đà Nẵng	7554	38A-711.15	Hà Tĩnh			
5955	43B-065.85	Đà Nẵng	7555	38A-711.28	Hà Tĩnh			
5956	43C-321.16	Đà Nẵng	7556	38C-244.83	Hà Tĩnh			
5957	43D-013.36	Đà Nẵng	7557	38C-245.59	Hà Tĩnh			
5958	47A-822.58	Đắk Lắk	7558	43A-943.09	Đà Nẵng			
5959	47A-828.08	Đắk Lắk	7559	43A-943.26	Đà Nẵng			
5960	47A-828.38	Đắk Lắk	7560	43A-944.26	Đà Nẵng			
5961	47A-839.29	Đắk Lắk	7561	43A-949.85	Đà Nẵng			
5962	47A-840.08	Đắk Lắk	7562	43A-956.08	Đà Nẵng			
5963	47A-841.15	Đắk Lắk	7563	43A-960.09	Đà Nẵng			
5964	47A-850.35	Đắk Lắk	7564	43A-960.36	Đà Nẵng			
5965	47A-852.83	Đắk Lắk	7565	43A-965.36	Đà Nẵng			
5966	47A-858.96	Đắk Lắk	7566	43B-066.59	Đà Nẵng			
5967	47B-044.85	Đắk Lắk	7567	43C-319.06	Đà Nẵng			
5968	47B-044.98	Đắk Lắk	7568	43C-323.56	Đà Nẵng			
5969	47C-406.56	Đắk Lắk	7569	47A-820.38	Đắk Lắk			
5970	47C-411.85	Đắk Lắk	7570	47A-821.25	Đắk Lắk			
5971	47C-414.36	Đắk Lắk	7571	47A-823.26	Đắk Lắk			
5972	47C-423.15	Đắk Lắk	7572	47A-833.09	Đắk Lắk			
5973	47C-423.38	Đắk Lắk	7573	47A-838.65	Đắk Lắk			
5974	47D-021.29	Đắk Lắk	7574	47A-842.59	Đắk Lắk			
5975	47D-022.08	Đắk Lắk	7575	47A-845.98	Đắk Lắk			
5976	48A-248.28	Đắk Nông	7576	47B-042.29	Đắk Lắk			
5977	48A-250.18	Đắk Nông	7577	47B-045.95	Đắk Lắk			
5978	48A-255.08	Đắk Nông	7578	47C-398.56	Đắk Lắk			
5979	48D-008.25	Đắk Nông	7579	47C-399.18	Đắk Lắk			
5980	48D-009.36	Đắk Nông	7580	47C-403.65	Đắk Lắk			
5981	49A-752.85	Lâm Đồng	7581	47C-408.96	Đắk Lắk			
5982	49A-755.29	Lâm Đồng	7582	47C-417.08	Đắk Lắk			
5983	49A-755.59	Lâm Đồng	7583	47C-422.98	Đắk Lắk			
5984	49A-758.36	Lâm Đồng	7584	47D-020.16	Đắk Lắk			
5985	49A-761.28	Lâm Đồng	7585	48A-257.63	Đắk Nông			
5986	49A-761.98	Lâm Đồng	7586	48A-259.15	Đắk Nông			
5987	49A-775.29	Lâm Đồng	7587	48C-119.16	Đắk Nông			
5988	49A-779.59	Lâm Đồng	7588	48C-121.28	Đắk Nông			
5989	49C-383.25	Lâm Đồng	7589	48C-122.06	Đắk Nông			

Y
Á
VH
IM
T.P.H.A.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5990	49C-390.83	Lâm Đồng	7590	49A-748.26	Lâm Đồng			
5991	51B-716.09	Hồ Chí Minh	7591	49A-757.18	Lâm Đồng			
5992	51E-351.29	Hồ Chí Minh	7592	49A-758.28	Lâm Đồng			
5993	51E-354.96	Hồ Chí Minh	7593	49A-760.63	Lâm Đồng			
5994	51L-897.63	Hồ Chí Minh	7594	49A-765.16	Lâm Đồng			
5995	51L-910.38	Hồ Chí Minh	7595	49A-765.83	Lâm Đồng			
5996	51L-910.98	Hồ Chí Minh	7596	49A-767.38	Lâm Đồng			
5997	51L-917.36	Hồ Chí Minh	7597	49A-770.63	Lâm Đồng			
5998	51L-924.38	Hồ Chí Minh	7598	49A-774.15	Lâm Đồng			
5999	51L-928.59	Hồ Chí Minh	7599	49B-033.28	Lâm Đồng			
6000	51L-929.58	Hồ Chí Minh	7600	49C-393.26	Lâm Đồng			
6001	51L-931.09	Hồ Chí Minh	7601	49C-393.83	Lâm Đồng			
6002	51L-931.28	Hồ Chí Minh	7602	49C-394.83	Lâm Đồng			
6003	51L-937.18	Hồ Chí Minh	7603	51E-341.18	Hồ Chí Minh			
6004	51L-941.56	Hồ Chí Minh	7604	51E-341.36	Hồ Chí Minh			
6005	51L-947.59	Hồ Chí Minh	7605	51E-348.85	Hồ Chí Minh			
6006	51L-952.28	Hồ Chí Minh	7606	51E-352.85	Hồ Chí Minh			
6007	51L-955.29	Hồ Chí Minh	7607	51L-902.35	Hồ Chí Minh			
6008	51L-957.15	Hồ Chí Minh	7608	51L-904.08	Hồ Chí Minh			
6009	51L-957.96	Hồ Chí Minh	7609	51L-908.85	Hồ Chí Minh			
6010	51L-964.09	Hồ Chí Minh	7610	51L-914.16	Hồ Chí Minh			
6011	51L-969.58	Hồ Chí Minh	7611	51L-914.65	Hồ Chí Minh			
6012	51L-971.16	Hồ Chí Minh	7612	51L-918.38	Hồ Chí Minh			
6013	51L-972.18	Hồ Chí Minh	7613	51L-919.06	Hồ Chí Minh			
6014	51L-974.96	Hồ Chí Minh	7614	51L-930.58	Hồ Chí Minh			
6015	51L-976.36	Hồ Chí Minh	7615	51L-934.06	Hồ Chí Minh			
6016	51L-979.25	Hồ Chí Minh	7616	51L-945.15	Hồ Chí Minh			
6017	51L-989.29	Hồ Chí Minh	7617	51L-947.19	Hồ Chí Minh			
6018	51L-990.26	Hồ Chí Minh	7618	51L-954.15	Hồ Chí Minh			
6019	51L-993.06	Hồ Chí Minh	7619	51L-968.35	Hồ Chí Minh			
6020	51M-055.59	Hồ Chí Minh	7620	51L-968.83	Hồ Chí Minh			
6021	51M-059.16	Hồ Chí Minh	7621	51L-969.18	Hồ Chí Minh			
6022	51M-059.26	Hồ Chí Minh	7622	51L-990.16	Hồ Chí Minh			
6023	51M-059.56	Hồ Chí Minh	7623	51L-998.65	Hồ Chí Minh			
6024	51M-060.26	Hồ Chí Minh	7624	51M-052.63	Hồ Chí Minh			
6025	51M-062.35	Hồ Chí Minh	7625	51M-055.85	Hồ Chí Minh			
6026	51M-062.59	Hồ Chí Minh	7626	51M-062.65	Hồ Chí Minh			
6027	51M-069.95	Hồ Chí Minh	7627	51M-069.16	Hồ Chí Minh			
6028	51M-080.28	Hồ Chí Minh	7628	51M-082.59	Hồ Chí Minh			
6029	51M-092.08	Hồ Chí Minh	7629	51M-088.16	Hồ Chí Minh			
6030	51M-096.98	Hồ Chí Minh	7630	51M-093.59	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6031	51M-100.98	Hồ Chí Minh	7631	51M-094.29	Hồ Chí Minh			
6032	51M-105.35	Hồ Chí Minh	7632	51M-097.18	Hồ Chí Minh			
6033	51M-108.19	Hồ Chí Minh	7633	51M-100.96	Hồ Chí Minh			
6034	51M-109.26	Hồ Chí Minh	7634	51M-106.09	Hồ Chí Minh			
6035	51M-110.95	Hồ Chí Minh	7635	51M-107.06	Hồ Chí Minh			
6036	51M-112.29	Hồ Chí Minh	7636	51M-114.58	Hồ Chí Minh			
6037	51M-114.35	Hồ Chí Minh	7637	51M-115.65	Hồ Chí Minh			
6038	51M-134.83	Hồ Chí Minh	7638	51M-121.29	Hồ Chí Minh			
6039	51M-139.36	Hồ Chí Minh	7639	51M-128.25	Hồ Chí Minh			
6040	51M-141.18	Hồ Chí Minh	7640	51M-128.36	Hồ Chí Minh			
6041	51M-143.63	Hồ Chí Minh	7641	51M-128.58	Hồ Chí Minh			
6042	51M-149.08	Hồ Chí Minh	7642	51M-131.36	Hồ Chí Minh			
6043	51M-152.19	Hồ Chí Minh	7643	51M-132.09	Hồ Chí Minh			
6044	51M-153.56	Hồ Chí Minh	7644	51M-148.18	Hồ Chí Minh			
6045	51M-158.08	Hồ Chí Minh	7645	51M-149.19	Hồ Chí Minh			
6046	51M-158.36	Hồ Chí Minh	7646	51M-152.58	Hồ Chí Minh			
6047	51M-169.28	Hồ Chí Minh	7647	51M-158.56	Hồ Chí Minh			
6048	51M-177.59	Hồ Chí Minh	7648	51M-166.83	Hồ Chí Minh			
6049	51M-191.09	Hồ Chí Minh	7649	51M-172.26	Hồ Chí Minh			
6050	51M-195.25	Hồ Chí Minh	7650	51M-174.56	Hồ Chí Minh			
6051	51M-195.35	Hồ Chí Minh	7651	51M-174.98	Hồ Chí Minh			
6052	51M-201.16	Hồ Chí Minh	7652	51M-176.06	Hồ Chí Minh			
6053	51M-203.26	Hồ Chí Minh	7653	51M-182.58	Hồ Chí Minh			
6054	51M-204.19	Hồ Chí Minh	7654	51M-186.29	Hồ Chí Minh			
6055	51M-212.63	Hồ Chí Minh	7655	51M-194.06	Hồ Chí Minh			
6056	51M-215.09	Hồ Chí Minh	7656	51M-194.56	Hồ Chí Minh			
6057	51M-217.29	Hồ Chí Minh	7657	51M-196.06	Hồ Chí Minh			
6058	51M-226.95	Hồ Chí Minh	7658	51M-200.36	Hồ Chí Minh			
6059	51M-229.09	Hồ Chí Minh	7659	51M-201.59	Hồ Chí Minh			
6060	51M-240.28	Hồ Chí Minh	7660	51M-212.09	Hồ Chí Minh			
6061	51M-251.65	Hồ Chí Minh	7661	51M-213.19	Hồ Chí Minh			
6062	51M-263.83	Hồ Chí Minh	7662	51M-229.85	Hồ Chí Minh			
6063	51M-265.18	Hồ Chí Minh	7663	51M-231.19	Hồ Chí Minh			
6064	51M-272.15	Hồ Chí Minh	7664	51M-238.96	Hồ Chí Minh			
6065	51M-272.65	Hồ Chí Minh	7665	51M-245.06	Hồ Chí Minh			
6066	51M-273.63	Hồ Chí Minh	7666	51M-245.16	Hồ Chí Minh			
6067	51M-274.15	Hồ Chí Minh	7667	51M-246.15	Hồ Chí Minh			
6068	51M-274.36	Hồ Chí Minh	7668	51M-263.98	Hồ Chí Minh			
6069	51M-278.95	Hồ Chí Minh	7669	51M-266.28	Hồ Chí Minh			
6070	51M-279.19	Hồ Chí Minh	7670	51M-276.35	Hồ Chí Minh			
6071	51M-283.65	Hồ Chí Minh	7671	51M-278.08	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6072	51M-289.08	Hồ Chí Minh	7672	51M-280.26	Hồ Chí Minh			
6073	51M-289.26	Hồ Chí Minh	7673	51M-285.26	Hồ Chí Minh			
6074	51M-291.38	Hồ Chí Minh	7674	51M-287.56	Hồ Chí Minh			
6075	51M-294.26	Hồ Chí Minh	7675	51M-296.36	Hồ Chí Minh			
6076	51M-295.18	Hồ Chí Minh	7676	51N-002.06	Hồ Chí Minh			
6077	51M-299.38	Hồ Chí Minh	7677	51N-030.83	Hồ Chí Minh			
6078	51M-304.95	Hồ Chí Minh	7678	51N-033.98	Hồ Chí Minh			
6079	51N-001.15	Hồ Chí Minh	7679	51N-037.28	Hồ Chí Minh			
6080	51N-003.18	Hồ Chí Minh	7680	51N-039.38	Hồ Chí Minh			
6081	51N-006.35	Hồ Chí Minh	7681	51N-059.98	Hồ Chí Minh			
6082	51N-009.36	Hồ Chí Minh	7682	51N-063.16	Hồ Chí Minh			
6083	51N-025.28	Hồ Chí Minh	7683	51N-067.95	Hồ Chí Minh			
6084	51N-026.18	Hồ Chí Minh	7684	51N-069.18	Hồ Chí Minh			
6085	51N-026.85	Hồ Chí Minh	7685	51N-069.85	Hồ Chí Minh			
6086	51N-030.19	Hồ Chí Minh	7686	51N-070.56	Hồ Chí Minh			
6087	51N-045.28	Hồ Chí Minh	7687	51N-081.63	Hồ Chí Minh			
6088	51N-052.65	Hồ Chí Minh	7688	51N-087.15	Hồ Chí Minh			
6089	51N-057.16	Hồ Chí Minh	7689	51N-090.18	Hồ Chí Minh			
6090	51N-060.96	Hồ Chí Minh	7690	51N-098.65	Hồ Chí Minh			
6091	51N-061.83	Hồ Chí Minh	7691	51N-108.38	Hồ Chí Minh			
6092	51N-070.16	Hồ Chí Minh	7692	51N-115.38	Hồ Chí Minh			
6093	51N-070.65	Hồ Chí Minh	7693	51N-115.95	Hồ Chí Minh			
6094	51N-075.16	Hồ Chí Minh	7694	51N-126.08	Hồ Chí Minh			
6095	51N-088.56	Hồ Chí Minh	7695	51N-140.59	Hồ Chí Minh			
6096	51N-093.59	Hồ Chí Minh	7696	51N-145.15	Hồ Chí Minh			
6097	51N-099.19	Hồ Chí Minh	7697	60B-081.35	Đồng Nai			
6098	51N-099.65	Hồ Chí Minh	7698	60C-757.08	Đồng Nai			
6099	51N-101.09	Hồ Chí Minh	7699	60C-758.65	Đồng Nai			
6100	51N-103.09	Hồ Chí Minh	7700	60C-759.56	Đồng Nai			
6101	51N-104.36	Hồ Chí Minh	7701	60C-764.06	Đồng Nai			
6102	51N-108.35	Hồ Chí Minh	7702	60C-780.98	Đồng Nai			
6103	51N-108.58	Hồ Chí Minh	7703	60C-782.26	Đồng Nai			
6104	51N-108.95	Hồ Chí Minh	7704	60C-783.15	Đồng Nai			
6105	51N-114.38	Hồ Chí Minh	7705	60C-787.36	Đồng Nai			
6106	51N-121.16	Hồ Chí Minh	7706	60C-787.96	Đồng Nai			
6107	51N-122.28	Hồ Chí Minh	7707	60C-790.29	Đồng Nai			
6108	51N-129.59	Hồ Chí Minh	7708	60C-791.38	Đồng Nai			
6109	51N-136.65	Hồ Chí Minh	7709	60C-792.19	Đồng Nai			
6110	51N-149.56	Hồ Chí Minh	7710	60C-792.26	Đồng Nai			
6111	51N-149.85	Hồ Chí Minh	7711	60C-794.08	Đồng Nai			
6112	51N-150.56	Hồ Chí Minh	7712	60C-794.56	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6113	51N-151.59	Hồ Chí Minh	7713	60K-629.15	Đồng Nai			
6114	51N-154.35	Hồ Chí Minh	7714	60K-638.18	Đồng Nai			
6115	51N-155.16	Hồ Chí Minh	7715	60K-641.56	Đồng Nai			
6116	60C-757.29	Đồng Nai	7716	60K-642.09	Đồng Nai			
6117	60C-759.65	Đồng Nai	7717	60K-648.35	Đồng Nai			
6118	60C-760.63	Đồng Nai	7718	60K-655.29	Đồng Nai			
6119	60C-762.09	Đồng Nai	7719	60K-658.18	Đồng Nai			
6120	60C-763.85	Đồng Nai	7720	60K-658.36	Đồng Nai			
6121	60C-765.85	Đồng Nai	7721	60K-667.19	Đồng Nai			
6122	60C-772.38	Đồng Nai	7722	60K-667.29	Đồng Nai			
6123	60C-775.29	Đồng Nai	7723	60K-677.28	Đồng Nai			
6124	60C-780.29	Đồng Nai	7724	60K-680.38	Đồng Nai			
6125	60C-786.29	Đồng Nai	7725	60K-691.09	Đồng Nai			
6126	60C-791.63	Đồng Nai	7726	60K-698.83	Đồng Nai			
6127	60C-794.58	Đồng Nai	7727	60K-701.98	Đồng Nai			
6128	60D-024.15	Đồng Nai	7728	61B-045.98	Bình Dương			
6129	60D-024.98	Đồng Nai	7729	61B-046.95	Bình Dương			
6130	60D-025.28	Đồng Nai	7730	61C-611.38	Bình Dương			
6131	60K-622.15	Đồng Nai	7731	61C-613.58	Bình Dương			
6132	60K-623.09	Đồng Nai	7732	61C-619.83	Bình Dương			
6133	60K-639.06	Đồng Nai	7733	61C-623.29	Bình Dương			
6134	60K-639.95	Đồng Nai	7734	61C-627.65	Bình Dương			
6135	60K-640.15	Đồng Nai	7735	61C-629.35	Bình Dương			
6136	60K-643.26	Đồng Nai	7736	61C-636.08	Bình Dương			
6137	60K-644.28	Đồng Nai	7737	61C-640.19	Bình Dương			
6138	60K-647.16	Đồng Nai	7738	61C-640.65	Bình Dương			
6139	60K-649.25	Đồng Nai	7739	61D-024.85	Bình Dương			
6140	60K-650.35	Đồng Nai	7740	61D-025.59	Bình Dương			
6141	60K-653.06	Đồng Nai	7741	61K-527.19	Bình Dương			
6142	60K-654.09	Đồng Nai	7742	61K-536.26	Bình Dương			
6143	60K-671.08	Đồng Nai	7743	61K-541.06	Bình Dương			
6144	60K-672.15	Đồng Nai	7744	61K-543.16	Bình Dương			
6145	60K-686.98	Đồng Nai	7745	61K-544.36	Bình Dương			
6146	60K-688.25	Đồng Nai	7746	61K-546.36	Bình Dương			
6147	60K-688.96	Đồng Nai	7747	61K-559.35	Bình Dương			
6148	60K-689.06	Đồng Nai	7748	61K-566.85	Bình Dương			
6149	60K-693.06	Đồng Nai	7749	61K-576.95	Bình Dương			
6150	61C-616.85	Bình Dương	7750	61K-579.15	Bình Dương			
6151	61C-617.63	Bình Dương	7751	61K-584.26	Bình Dương			
6152	61C-622.58	Bình Dương	7752	61K-586.15	Bình Dương			
6153	61C-628.56	Bình Dương	7753	61K-592.25	Bình Dương			

1 - C
 TỶ
 GIÁ
 NH
 AM
 - T.P.H

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6154	61C-636.98	Bình Dương	7754	61K-594.08	Bình Dương			
6155	61K-523.65	Bình Dương	7755	61K-598.35	Bình Dương			
6156	61K-528.26	Bình Dương	7756	62A-473.29	Long An			
6157	61K-539.29	Bình Dương	7757	62A-479.16	Long An			
6158	61K-540.08	Bình Dương	7758	62A-484.63	Long An			
6159	61K-540.85	Bình Dương	7759	62A-485.65	Long An			
6160	61K-544.09	Bình Dương	7760	62A-490.59	Long An			
6161	61K-548.59	Bình Dương	7761	62A-490.95	Long An			
6162	61K-557.29	Bình Dương	7762	62A-493.09	Long An			
6163	61K-560.38	Bình Dương	7763	62B-032.96	Long An			
6164	61K-562.59	Bình Dương	7764	62B-033.58	Long An			
6165	61K-566.15	Bình Dương	7765	62D-015.83	Long An			
6166	61K-569.59	Bình Dương	7766	63A-329.15	Tiền Giang			
6167	61K-572.16	Bình Dương	7767	63A-334.19	Tiền Giang			
6168	61K-573.83	Bình Dương	7768	63B-034.16	Tiền Giang			
6169	61K-576.16	Bình Dương	7769	63C-237.58	Tiền Giang			
6170	61K-577.28	Bình Dương	7770	63C-237.85	Tiền Giang			
6171	61K-578.35	Bình Dương	7771	63C-237.96	Tiền Giang			
6172	61K-585.25	Bình Dương	7772	63D-013.96	Tiền Giang			
6173	61K-588.56	Bình Dương	7773	64A-210.16	Vĩnh Long			
6174	61K-589.16	Bình Dương	7774	64A-212.08	Vĩnh Long			
6175	61K-589.63	Bình Dương	7775	64C-138.95	Vĩnh Long			
6176	61K-592.06	Bình Dương	7776	64D-007.19	Vĩnh Long			
6177	62A-470.18	Long An	7777	64D-008.18	Vĩnh Long			
6178	62A-474.28	Long An	7778	64D-010.18	Vĩnh Long			
6179	62A-476.29	Long An	7779	65A-521.29	Cần Thơ			
6180	62A-479.19	Long An	7780	65A-534.19	Cần Thơ			
6181	62A-482.85	Long An	7781	65B-027.85	Cần Thơ			
6182	62A-486.16	Long An	7782	65C-257.18	Cần Thơ			
6183	62A-493.25	Long An	7783	65C-264.36	Cần Thơ			
6184	62A-494.36	Long An	7784	65C-266.19	Cần Thơ			
6185	62C-217.35	Long An	7785	65C-269.38	Cần Thơ			
6186	62C-218.59	Long An	7786	65C-280.56	Cần Thơ			
6187	62D-016.65	Long An	7787	65D-012.16	Cần Thơ			
6188	63A-327.85	Tiền Giang	7788	65D-012.65	Cần Thơ			
6189	63A-329.26	Tiền Giang	7789	65D-014.06	Cần Thơ			
6190	63A-335.08	Tiền Giang	7790	66A-306.25	Đồng Tháp			
6191	63A-340.83	Tiền Giang	7791	66A-306.65	Đồng Tháp			
6192	63C-234.95	Tiền Giang	7792	66A-312.83	Đồng Tháp			
6193	64A-205.85	Vĩnh Long	7793	66A-316.95	Đồng Tháp			
6194	64B-019.28	Vĩnh Long	7794	66C-185.29	Đồng Tháp			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6195	64C-136.18	Vĩnh Long	7795	66D-012.25	Đồng Tháp			
6196	64C-138.98	Vĩnh Long	7796	67A-332.56	An Giang			
6197	64D-009.18	Vĩnh Long	7797	67A-334.28	An Giang			
6198	65A-515.83	Cần Thơ	7798	67A-338.06	An Giang			
6199	65A-518.56	Cần Thơ	7799	67B-032.25	An Giang			
6200	65A-519.08	Cần Thơ	7800	67B-033.26	An Giang			
6201	65A-524.28	Cần Thơ	7801	67C-191.38	An Giang			
6202	65A-531.95	Cần Thơ	7802	67C-192.28	An Giang			
6203	65A-532.85	Cần Thơ	7803	67C-197.96	An Giang			
6204	65C-260.08	Cần Thơ	7804	67D-012.56	An Giang			
6205	65C-263.38	Cần Thơ	7805	68A-379.56	Kiên Giang			
6206	66A-304.95	Đồng Tháp	7806	68C-179.08	Kiên Giang			
6207	66A-308.98	Đồng Tháp	7807	68C-182.95	Kiên Giang			
6208	66A-315.59	Đồng Tháp	7808	68D-010.36	Kiên Giang			
6209	66A-316.38	Đồng Tháp	7809	69A-170.06	Cà Mau			
6210	66B-025.18	Đồng Tháp	7810	69B-015.63	Cà Mau			
6211	67A-331.83	An Giang	7811	69B-016.29	Cà Mau			
6212	67C-191.98	An Giang	7812	69B-017.28	Cà Mau			
6213	67D-008.98	An Giang	7813	69C-105.56	Cà Mau			
6214	68A-370.29	Kiên Giang	7814	69D-007.85	Cà Mau			
6215	68A-370.35	Kiên Giang	7815	69D-008.98	Cà Mau			
6216	68A-376.96	Kiên Giang	7816	70A-584.59	Tây Ninh			
6217	68A-381.59	Kiên Giang	7817	70A-586.95	Tây Ninh			
6218	68C-184.16	Kiên Giang	7818	70A-587.09	Tây Ninh			
6219	69A-170.56	Cà Mau	7819	70A-612.28	Tây Ninh			
6220	69A-175.09	Cà Mau	7820	70C-216.65	Tây Ninh			
6221	69B-016.95	Cà Mau	7821	70C-219.83	Tây Ninh			
6222	69C-106.26	Cà Mau	7822	70D-012.59	Tây Ninh			
6223	69C-107.25	Cà Mau	7823	71A-215.09	Bến Tre			
6224	69C-107.26	Cà Mau	7824	71A-215.96	Bến Tre			
6225	69C-109.63	Cà Mau	7825	71A-217.58	Bến Tre			
6226	69D-008.15	Cà Mau	7826	71A-218.08	Bến Tre			
6227	70A-589.59	Tây Ninh	7827	71A-222.95	Bến Tre			
6228	70A-591.28	Tây Ninh	7828	71C-136.18	Bến Tre			
6229	70A-599.25	Tây Ninh	7829	71C-136.25	Bến Tre			
6230	70A-604.98	Tây Ninh	7830	72A-855.18	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6231	70A-605.38	Tây Ninh	7831	72A-856.59	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6232	70A-606.08	Tây Ninh	7832	72A-876.83	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6233	70A-608.15	Tây Ninh	7833	72A-880.28	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6234	70A-610.25	Tây Ninh	7834	72C-268.63	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6235	70A-615.25	Tây Ninh	7835	72C-270.35	Bà Rịa - Vũng Tàu			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6236	70A-615.29	Tây Ninh	7836	72C-271.09	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6237	70B-035.16	Tây Ninh	7837	72C-271.19	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6238	70B-036.26	Tây Ninh	7838	72C-279.15	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6239	70C-213.28	Tây Ninh	7839	72C-281.06	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6240	70C-219.16	Tây Ninh	7840	72C-281.36	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6241	71A-214.28	Bến Tre	7841	72D-013.38	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6242	71A-216.09	Bến Tre	7842	73A-370.38	Quảng Bình			
6243	71A-220.16	Bến Tre	7843	73C-192.06	Quảng Bình			
6244	71A-222.65	Bến Tre	7844	74A-278.26	Quảng Trị			
6245	71B-025.15	Bến Tre	7845	74A-280.15	Quảng Trị			
6246	71C-137.16	Bến Tre	7846	74B-018.29	Quảng Trị			
6247	71D-009.65	Bến Tre	7847	74B-018.65	Quảng Trị			
6248	72A-843.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	7848	74B-020.65	Quảng Trị			
6249	72A-843.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	7849	74C-146.26	Quảng Trị			
6250	72A-851.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	7850	74C-146.63	Quảng Trị			
6251	72A-852.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	7851	75A-387.63	Thừa Thiên Huế			
6252	72A-855.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	7852	75A-388.18	Thừa Thiên Huế			
6253	72A-855.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	7853	75A-389.09	Thừa Thiên Huế			
6254	72A-857.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	7854	75A-397.58	Thừa Thiên Huế			
6255	72A-871.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	7855	75A-400.96	Thừa Thiên Huế			
6256	72A-881.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	7856	75A-402.28	Thừa Thiên Huế			
6257	72A-882.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	7857	75C-156.83	Thừa Thiên Huế			
6258	72A-883.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	7858	75C-161.08	Thừa Thiên Huế			
6259	72C-274.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	7859	76B-027.09	Quảng Ngãi			
6260	72D-015.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	7860	76B-029.35	Quảng Ngãi			
6261	72D-016.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	7861	76B-029.65	Quảng Ngãi			
6262	73A-373.08	Quảng Bình	7862	76C-178.08	Quảng Ngãi			
6263	73A-383.06	Quảng Bình	7863	76C-181.59	Quảng Ngãi			
6264	73B-020.09	Quảng Bình	7864	77A-357.65	Bình Định			
6265	73D-010.65	Quảng Bình	7865	77A-363.98	Bình Định			
6266	74C-149.28	Quảng Trị	7866	77B-041.38	Bình Định			
6267	75A-388.15	Thừa Thiên Huế	7867	77C-261.59	Bình Định			
6268	75A-389.29	Thừa Thiên Huế	7868	77C-263.95	Bình Định			
6269	75A-395.15	Thừa Thiên Huế	7869	77C-264.08	Bình Định			
6270	75B-030.18	Thừa Thiên Huế	7870	78A-217.98	Phú Yên			
6271	75C-157.36	Thừa Thiên Huế	7871	78A-219.35	Phú Yên			
6272	75C-158.63	Thừa Thiên Huế	7872	78A-222.83	Phú Yên			
6273	75C-161.26	Thừa Thiên Huế	7873	78D-009.83	Phú Yên			
6274	75C-162.83	Thừa Thiên Huế	7874	78D-010.26	Phú Yên			
6275	75C-162.95	Thừa Thiên Huế	7875	79A-570.28	Khánh Hòa			
6276	75C-164.19	Thừa Thiên Huế	7876	79A-572.56	Khánh Hòa			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
6277	75D-012.29	Thừa Thiên Huế	7877	79A-574.26	Khánh Hòa			
6278	76A-324.28	Quảng Ngãi	7878	79A-579.85	Khánh Hòa			
6279	76A-336.19	Quảng Ngãi	7879	79A-580.28	Khánh Hòa			
6280	76B-029.15	Quảng Ngãi	7880	79A-581.59	Khánh Hòa			
6281	76C-179.63	Quảng Ngãi	7881	79A-591.83	Khánh Hòa			
6282	76D-012.98	Quảng Ngãi	7882	79A-592.96	Khánh Hòa			
6283	77A-365.08	Bình Định	7883	79C-231.56	Khánh Hòa			
6284	77A-369.19	Bình Định	7884	79C-231.85	Khánh Hòa			
6285	77B-041.25	Bình Định	7885	79C-231.98	Khánh Hòa			
6286	77D-006.63	Bình Định	7886	81A-467.58	Gia Lai			
6287	78A-219.15	Phú Yên	7887	81A-467.63	Gia Lai			
6288	78B-020.85	Phú Yên	7888	81A-468.63	Gia Lai			
6289	79A-573.56	Khánh Hòa	7889	81A-478.95	Gia Lai			
6290	79A-576.08	Khánh Hòa	7890	81B-031.26	Gia Lai			
6291	79A-578.29	Khánh Hòa	7891	81C-284.25	Gia Lai			
6292	79A-591.35	Khánh Hòa	7892	81C-294.83	Gia Lai			
6293	79A-591.65	Khánh Hòa	7893	81C-297.06	Gia Lai			
6294	79D-013.96	Khánh Hòa	7894	81C-297.96	Gia Lai			
6295	81A-454.25	Gia Lai	7895	82A-159.26	Kon Tum			
6296	81A-462.25	Gia Lai	7896	82B-022.95	Kon Tum			
6297	81A-473.95	Gia Lai	7897	82B-023.36	Kon Tum			
6298	81A-476.09	Gia Lai	7898	82D-011.16	Kon Tum			
6299	81B-028.56	Gia Lai	7899	82D-011.28	Kon Tum			
6300	81B-029.35	Gia Lai	7900	83A-193.65	Sóc Trăng			
6301	81C-283.08	Gia Lai	7901	83B-023.26	Sóc Trăng			
6302	81C-286.59	Gia Lai	7902	83D-008.83	Sóc Trăng			
6303	81D-013.96	Gia Lai	7903	83D-010.56	Sóc Trăng			
6304	82A-163.38	Kon Tum	7904	84B-021.63	Trà Vinh			
6305	82A-164.56	Kon Tum	7905	84C-127.59	Trà Vinh			
6306	82B-021.83	Kon Tum	7906	84C-128.08	Trà Vinh			
6307	83A-196.83	Sóc Trăng	7907	84D-007.09	Trà Vinh			
6308	83D-008.95	Sóc Trăng	7908	85B-017.15	Ninh Thuận			
6309	84A-147.36	Trà Vinh	7909	85B-017.19	Ninh Thuận			
6310	84A-151.38	Trà Vinh	7910	85C-085.26	Ninh Thuận			
6311	84A-152.18	Trà Vinh	7911	86A-325.38	Bình Thuận			
6312	84C-124.83	Trà Vinh	7912	86A-330.16	Bình Thuận			
6313	85C-087.06	Ninh Thuận	7913	86A-330.26	Bình Thuận			
6314	85D-008.28	Ninh Thuận	7914	86C-214.35	Bình Thuận			
6315	86A-323.58	Bình Thuận	7915	86D-009.19	Bình Thuận			
6316	86A-330.19	Bình Thuận	7916	88A-793.18	Vĩnh Phúc			
6317	86C-209.63	Bình Thuận	7917	88A-798.65	Vĩnh Phúc			

Y
Á
JH
M
T.P.H

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6318	86C-210.28	Bình Thuận	7918	88A-799.38	Vĩnh Phúc			
6319	86C-213.26	Bình Thuận	7919	88A-804.63	Vĩnh Phúc			
6320	86D-006.59	Bình Thuận	7920	88A-805.25	Vĩnh Phúc			
6321	86D-007.18	Bình Thuận	7921	88A-807.96	Vĩnh Phúc			
6322	88A-789.16	Vĩnh Phúc	7922	88A-808.35	Vĩnh Phúc			
6323	88A-792.58	Vĩnh Phúc	7923	88A-808.85	Vĩnh Phúc			
6324	88A-794.56	Vĩnh Phúc	7924	88A-829.25	Vĩnh Phúc			
6325	88A-798.06	Vĩnh Phúc	7925	88C-310.83	Vĩnh Phúc			
6326	88A-805.59	Vĩnh Phúc	7926	88C-319.18	Vĩnh Phúc			
6327	88A-814.16	Vĩnh Phúc	7927	88C-319.38	Vĩnh Phúc			
6328	88B-022.59	Vĩnh Phúc	7928	88C-322.59	Vĩnh Phúc			
6329	88C-319.15	Vĩnh Phúc	7929	88C-326.18	Vĩnh Phúc			
6330	88C-320.09	Vĩnh Phúc	7930	89A-532.19	Hưng Yên			
6331	88C-320.25	Vĩnh Phúc	7931	89A-539.15	Hưng Yên			
6332	88C-325.28	Vĩnh Phúc	7932	89A-539.38	Hưng Yên			
6333	88D-022.63	Vĩnh Phúc	7933	89A-542.25	Hưng Yên			
6334	89A-533.65	Hưng Yên	7934	89A-545.85	Hưng Yên			
6335	89A-534.26	Hưng Yên	7935	89A-549.95	Hưng Yên			
6336	89A-540.98	Hưng Yên	7936	89A-557.85	Hưng Yên			
6337	89A-558.18	Hưng Yên	7937	89B-025.36	Hưng Yên			
6338	89A-559.08	Hưng Yên	7938	89B-026.63	Hưng Yên			
6339	89A-563.29	Hưng Yên	7939	89C-359.09	Hưng Yên			
6340	89A-565.15	Hưng Yên	7940	89D-025.19	Hưng Yên			
6341	89B-027.85	Hưng Yên	7941	89D-025.85	Hưng Yên			
6342	89C-347.19	Hưng Yên	7942	90A-294.98	Hà Nam			
6343	89C-359.06	Hưng Yên	7943	90A-299.58	Hà Nam			
6344	89C-359.16	Hưng Yên	7944	90C-157.28	Hà Nam			
6345	89C-359.25	Hưng Yên	7945	90D-012.96	Hà Nam			
6346	89D-024.29	Hưng Yên	7946	90D-013.65	Hà Nam			
6347	90A-289.18	Hà Nam	7947	92A-437.95	Quảng Nam			
6348	90A-302.16	Hà Nam	7948	92A-438.29	Quảng Nam			
6349	90B-015.95	Hà Nam	7949	92C-260.09	Quảng Nam			
6350	90D-012.18	Hà Nam	7950	92D-013.08	Quảng Nam			
6351	92A-438.63	Quảng Nam	7951	93A-510.08	Bình Phước			
6352	92A-446.36	Quảng Nam	7952	93A-510.63	Bình Phước			
6353	92B-039.08	Quảng Nam	7953	93A-520.28	Bình Phước			
6354	92D-016.59	Quảng Nam	7954	93A-525.36	Bình Phước			
6355	93A-506.58	Bình Phước	7955	93B-021.65	Bình Phước			
6356	93A-512.38	Bình Phước	7956	93B-023.26	Bình Phước			
6357	93B-022.35	Bình Phước	7957	93C-200.16	Bình Phước			
6358	93B-025.38	Bình Phước	7958	93C-202.16	Bình Phước			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6359	93C-202.38	Bình Phước	7959	93C-206.35	Bình Phước			
6360	94B-015.26	Bạc Liêu	7960	93D-007.38	Bình Phước			
6361	94B-015.85	Bạc Liêu	7961	94A-114.38	Bạc Liêu			
6362	94D-008.25	Bạc Liêu	7962	94B-017.65	Bạc Liêu			
6363	94D-009.08	Bạc Liêu	7963	95B-016.28	Hậu Giang			
6364	95A-142.09	Hậu Giang	7964	95C-090.06	Hậu Giang			
6365	95B-017.58	Hậu Giang	7965	95C-090.56	Hậu Giang			
6366	95C-091.26	Hậu Giang	7966	95C-093.35	Hậu Giang			
6367	95C-092.25	Hậu Giang	7967	95D-025.15	Hậu Giang			
6368	95D-027.09	Hậu Giang	7968	97A-099.19	Bắc Kạn			
6369	97A-096.15	Bắc Kạn	7969	97A-099.58	Bắc Kạn			
6370	97C-051.83	Bắc Kạn	7970	98A-871.56	Bắc Giang			
6371	97D-009.85	Bắc Kạn	7971	98A-871.63	Bắc Giang			
6372	97D-010.25	Bắc Kạn	7972	98A-877.15	Bắc Giang			
6373	98A-863.83	Bắc Giang	7973	98A-877.35	Bắc Giang			
6374	98A-872.25	Bắc Giang	7974	98A-886.16	Bắc Giang			
6375	98A-875.29	Bắc Giang	7975	98A-890.08	Bắc Giang			
6376	98A-889.56	Bắc Giang	7976	98A-898.09	Bắc Giang			
6377	98A-895.63	Bắc Giang	7977	98A-899.38	Bắc Giang			
6378	98A-904.16	Bắc Giang	7978	98A-908.83	Bắc Giang			
6379	98A-904.56	Bắc Giang	7979	98B-044.59	Bắc Giang			
6380	98A-907.36	Bắc Giang	7980	98C-383.15	Bắc Giang			
6381	98A-907.38	Bắc Giang	7981	98C-388.06	Bắc Giang			
6382	98B-044.85	Bắc Giang	7982	98C-388.28	Bắc Giang			
6383	98C-378.19	Bắc Giang	7983	98C-394.26	Bắc Giang			
6384	98C-384.08	Bắc Giang	7984	98C-395.56	Bắc Giang			
6385	98C-394.16	Bắc Giang	7985	98D-024.36	Bắc Giang			
6386	98C-394.59	Bắc Giang	7986	99A-851.19	Bắc Ninh			
6387	98C-396.26	Bắc Giang	7987	99A-856.29	Bắc Ninh			
6388	99A-856.83	Bắc Ninh	7988	99A-861.85	Bắc Ninh			
6389	99A-861.18	Bắc Ninh	7989	99A-864.63	Bắc Ninh			
6390	99A-864.09	Bắc Ninh	7990	99A-876.09	Bắc Ninh			
6391	99A-872.28	Bắc Ninh	7991	99A-887.85	Bắc Ninh			
6392	99A-874.85	Bắc Ninh	7992	99A-890.28	Bắc Ninh			
6393	99A-879.98	Bắc Ninh	7993	99A-893.36	Bắc Ninh			
6394	99A-885.28	Bắc Ninh	7994	99A-896.08	Bắc Ninh			
6395	99A-891.06	Bắc Ninh	7995	99B-030.85	Bắc Ninh			
6396	99C-330.36	Bắc Ninh	7996	99C-334.95	Bắc Ninh			
6397	99C-331.83	Bắc Ninh	7997	99C-341.08	Bắc Ninh			
6398	99C-335.19	Bắc Ninh	7998	99C-346.18	Bắc Ninh			
6399	99C-346.26	Bắc Ninh	7999	99C-347.18	Bắc Ninh			

41
 ỜNG T
 ẦU GI
 ỚP DAI
 ỆT N
 XUÂN

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6400	99D-024.36	Bắc Ninh	8000	99D-026.15	Bắc Ninh			

